

ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG

QUYỂN 3

CHƯƠNG ĐẠI CHỦNG TẠO SẮC

Sắc do đại chủng tạo ra dùng sáu môn để phân biệt:

1/ Nói về thể.

2/ Giải thích tên gọi.

3/ Dùng năm nhân như minh v.v... để nói về tạo tướng.

4/ Y cứ vào nhân duyên để nói về đại tạo.

5/ Đại tạo đồng, dị, đối nhau, giải thích về tạo.

6/ Phân biệt hỏi đáp.

- **Giải thích về thể:** Ngoại đạo Thuận Thế, không lập riêng chủ thể tạo, đối tượng tạo, đều là bốn đại, nhưng tánh là thường. Lại, không có vật riêng. Phệ-thế-sử-ca, bốn đại chính là câu thật, có ngăn ngại. Thông thường vô thường, nhãn căn tức lửa, nhĩ căn tức “không”; tỷ căn tức đất; thiệt căn tức nước; bì căn tức gió: sắc, vị, hương, xúc, tiếng, thuộc về câu đức, nhưng không có ngăn ngại. Tiếng, mùi hương chỉ cho vô thường. Thông thường khác, là vô thường; bốn thứ như sắc, v.v... là bốn đức lớn. Bốn đại chẳng phải chủ thể tạo; sắc v.v... chẳng phải đối tượng tạo; đất có sắc, vị, hương, xúc, nước có sắc, vị, hương, xúc. Lửa có sắc xúc; gió chỉ có xúc, tiếng là đức “không”, chẳng phải bốn đức lớn. Sư Tăng Khư nói: “Năm thứ như sắc v.v... gọi là năm duy lượng, chính là chủ thể tạo, tạo ra đất, nước v.v..., đất, nước v.v..., mới tạo năm căn như mắt v.v..., chủ thể tạo, đối tượng tạo, dù đều là vô thường, nhưng chẳng phải sinh diệt là chuyển biến vô thường, đều có trở ngại. Nhưng có tạo riêng, cũng có tạo chung. Sư Thịnh luận nói: “Tiếng chỉ là thường; bốn đại chủng còn lại và nhãn v.v..., căn, sắc, vị, hương, xúc đều là vô thường. Tiếng hoặc làm sáng tỏ thường; hoặc là sinh thường. Đại chúng bộ nói: “Bốn đại là chủ thể tạo; bốn trần là đối tượng

tạo, không có năm căn riêng, tức là bốn trần, nên đều có chung hữu lậu, kể cả vô lậu, vì thừa nhận Phật có, nên luận Thành Thật chép: “Bốn trần là chủ thể tạo, tạo ra bốn đại; bốn đại thành năm căn; năm căn chỉ cho sở tạo (đối tượng tạo). Bốn trần chỉ cho chủ thể tạo, bốn đại chung cho cả hai; âm thanh cũng chỉ cho đối tượng tạo.”

Sư Tát-bà-đa nói: “Bốn đại là chủ thể tạo, chỉ cho hữu lậu, có trở ngại, thuộc về xứ xúc. Năm căn, năm trần và pháp xứ, vô biểu sắc là đối tượng tạo (sở tạo); năm căn, năm trần đều có ngăn ngại, chỉ là hữu lậu. Pháp xứ, vô biểu, là chung cho vô lậu, thuộc về vô ngại, đều là có thật.”

Sư Kinh bộ nói: “Chủ thể tạo, đối tượng tạo dù đều có ngăn ngại, nhưng đều chung cho giả, thật. Cực vi là thật; sắc thô là giả, đều hoàn toàn hữu lậu. Vô biểu giả lập, pháp xứ vô sắc, không thừa nhận sắc uẩn có vô biểu sắc.”

Thuyết Giả bộ nói: “Chủ thể tạo, đối tượng tạo hoặc thô, hoặc tế, ở trong môn uẩn, thể đều là thật. Vì nghĩa chứa nhóm, nên thể chẳng phải chứa nhóm, đối với môn giới, xứ, đều là giả. Y cứ vào duyên, đều là thể, vì chứa nhóm, nên chung cho hữu lậu, vô lậu.”

Nhất Thuyết Bộ nói: “Năng tạo, sở tạo chỉ có một tên gọi, đều không có thật thể.”

Thuyết Xuất Thế bộ nói: “Chủ thể tạo, đối tượng tạo, nếu hữu lậu thì đều là giả, vì từ điên đảo khởi. Các người vô lậu, đều là thật, vì chẳng phải do điên đảo sinh. Nay, y cứ vào Đại thừa, xúc xứ, pháp xứ đều có đại chủng, vì tán, định khác nhau, nên sắc tạo chung cho mười một xứ có. Sắc tạo đại chủng, tùy thuộc thích ứng, đều chung cho y tha, thuộc về hai tánh viên thành. Tướng trong năm pháp và thuộc về hai pháp của chánh trí, chung cho hữu lậu, vô lậu, tánh thiện, vô ký. Đại tạo hữu lậu, quyết định thuộc về y tha; đại tạo vô lậu cũng chung cho viên thành; thuộc về y tha; sắc tạo hữu lậu chỉ có tánh vô ký, vì tánh giả chung cho ba, nên luận Du-già quyển 64 chép: “Sắc, tiếng, biểu sắc, giả chung cho thiện, ác, thật chỉ cho vô ký. Vô biểu đã giả, thừa nhận chung cả thiện, ác. Đại tạo vô lậu, tất cả chỉ cho thiện, đại chủng chỉ cho thật, sắc tạo chung cho giả.”

- **Giải thích tên gọi:** Du-già quyển ba chép: “Do Đại chủng này, vì tánh nó lớn, vì là chủng sinh, nên gọi là đại chủng. Đại có bốn nghĩa:

1/ Vì làm đối tượng nương tựa, làm chỗ dựa cho các sắc tạo.

2/ Vì thể tánh rộng, thể tánh rộng vì rộng ở sắc tạo.

3/ Vì hình tướng lớn, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, vì tướng

trạng lớn.

4/ Vì khởi dụng đại; thế giới thành, hoại, vì tác dụng lớn.

Chủng: nghĩa là nhân, hoặc nghĩa là loại. Bốn chủng này có khả năng làm nẩy nhân sinh, v.v... vì khởi mọi sắc, vì chủng loại riêng. Hư không dù lớn, nhưng không làm nhân. Hạt giống, v.v... bên trong dù có công năng làm nhân, nhưng thế tự tướng chẳng phải đại, các pháp khác chẳng phải đại, chẳng phải chủng. Do địa v.v... này vì vừa đại, vừa chủng, nên gọi là đại chủng, trì nghiệp thích.

Nếu nói bốn đại chủng, bốn là danh số, tức kèm theo số để giải thích.

Danh từ sắc tạo: Hiển Dương quyển năm nói: “Nghĩa là y chỉ đại chủng, tức nơi chốn của đại chủng. Có sắc tạo khác sinh, vì nhân này, nên nói sắc tạo của bốn đại chủng tạo, đối tượng tạo tức là sắc. Hiển Dương quyển 54 chép: “Là đồng một xứ, gìn giữ nghĩa sắc kia, gọi là tạp. Đối tượng tạo tức sắc, do trì nghiệp mà được gọi tên. Sắc do đại tạo, y sĩ thích để gọi tên riêng: Nghĩa cứng chắc là nghĩa đất, nghĩa tuôn chảy, ẩm ướt là nghĩa nước; nghĩa ấm, nóng, là nghĩa lửa; nghĩa nhẹ, dao động là nghĩa gió. Đất kia tức đại, cho đến gió tức là đại, đều là trì nghiệp thích. Về tên riêng của sắc tạo đến trong chương rõ giải thích.

Năm nhân sinh v.v... để nói về tạp. Đối pháp quyển một chép: “Sở tạo: Nghĩa là dùng bốn đại chủng làm sinh, nương tựa, lập ra nghĩa nhân, gìn giữ, nuôi nấng, tức y chỉ năm nhân, gọi là tạo.”

Nhân sinh: Tức là nhân khởi, vì lia đại chủng, thì sắc không khởi; các sắc sở tạo dù tự chủng sinh, nhưng nếu rời đại chủng, thì tất nhiên không thể khởi.

Du-già quyển ba hỏi: “Các pháp đều từ tự chủng mà khởi, sao lại nói là đại chủng năng sinh ra các sắc, cho đến nuôi lớn?”

Luận kia tự đáp: “Do hạt giống sắc tạo của các đại chủng trong, ngoài, đều nương tựa tâm nối nhau bên trong; hạt giống các đại, chưa sinh hạt giống sắc tạo của các đại, cuối cùng không thể sinh, chủ yếu là hạt giống lớn, trước sinh ra đại chủng, thì hạt giống sắc tạo mới sinh sắc tạo, vì dẫn đường trước, nên nói vì đại chủng kia có khả năng sinh, vì thế gọi là “nhân sinh”.

Luận Du-già quyển 66 chép, đồng với đây, nay nên hỏi: “Nếu như vậy, thì biệt giải thoát và định đạo đều là giới đã ly khai đại chủng, thì lẽ ra không được sinh?”

- “Biệt giải thoát và định cộng giới này thuận theo chỗ đi, đối tượng ngăn ngừa, gọi là sắc, cũng thuận theo hai sắc ấy, giả nói là đại

tạo.

Nghĩa không lìa có hai:

1/ Chỗ định đồng.

2/ Phải dùng giới biệt giải thoát, tất nhiên nhờ vào sinh đại, không phải xử đồng của định, cũng gọi là không rời, rời chất, tiếng, ánh sáng đều cũng như thế.”

Luận Du-già quyển 54 chép: “Sắc của quả định trội hơn, chỉ dựa vào định trội hơn, không dựa vào đại chủng.”

- “Thuyết của luận kia nói, kia làm sao thông?”

- “Luận Du-già kia tự giải thích: “Nhưng từ “duyên” ảnh tượng chủng loại đại chủng kia, Tam-ma-địa phát, nói là đại tạo kia; chẳng phải dựa vào đại tạo kia mà sinh, gọi là tạo”. (Chương pháp xứ sắc, sẽ trình bày đủ).”

Hoặc là năm nhân không phải khắp tất cả, như lìa vầng hào quang v.v... không có nhân đối tượng nương tựa. Dựa vào nhân Đối pháp nói: “Tức là nhân chuyển vận. Nghĩa là xả đại chủng, các sắc sở tạo, không có công năng, vì y cứ ở xứ riêng, nên các sắc sở tạo, y cứ đại chủng, mới được sinh, nên bỏ đại chủng, không có chỗ riêng để trụ.”

Luận Du-già quyển ba chép: “Do sắc tạo sinh xong, vì không rời xứ đại chủng mà chuyển biến, nên gọi là nhân y chỉ.”

- “Nếu vậy, thì sao Du-già quyển 54 chép: “Lìa vầng hào quang sáng, đại chủng hương v.v... đều không thể được. Nay, y cứ vào tức chất để giải thích, y chỉ ở nhân, rời ngoài chất ánh sáng v.v..., không có nghĩa y, nhân, nên không trái nhau. Hoặc nói ánh sáng kia cũng có đại tạo, tùy thuộc ở chỗ có ánh sáng kia cũng có đại tạo, tùy thuộc ở chỗ có ánh sáng, có đại tạo.”

- “Cách giải thích này không hợp lý, vì âm thanh, mùi hương lìa chất, đâu có đại tạo nào, nên thuyết trước là tốt.

Lập nhân: Tức nhân tùy chuyển, do biến đổi rất khác, hay y chỉ sắc tạo, vì tùy thuộc thay đổi khác, nên chủ thể tạo, đối tượng tạo, an nguy tất nhiên đồng, nên khi biến đổi đại tạo, tùy theo biến đổi khác.”

Luận Du-già quyển ba chép: “Do sự tổn ích của đại chủng, vì đồng an nguy kia, nên sau giới biệt giải thoát, nối nhau sinh ra, nghiệp biến đổi khác, làm sao nối nhau? Hoặc nói thời gian sau, vì đối tượng nương tựa cũng có, nên không biến chuyển khác.”

Nghĩa như thật: “Đây là thuận theo đối tượng đi khắp, đối tượng ngăn ngừa đại tạo. Không như vậy, thì câu giới định đạo của vô sắc, vì không có sở y, nên lẽ ra không có nhân này.”

- “Nếu vậy, thì đối tượng đề phòng đã đoạn diệt từ lâu, đã không có chủ thể tạo, lẽ ra không có lập nhân, vì không thể đề phòng thuyết người khác nói, gọi là sắc. Dùng bốn đại đạo của người khác, tự vô biểu, đây chỉ là nghĩa đối trị phần xa của người kia, gọi là tạo, vì đã có sự so sánh.”

Nhị định trở lên, vô biểu đều như vậy. Luận nói đề phòng người khác, bốn đại tạo của người khác.

- “Nghĩa này không hợp, vì không phải lỗi của mình, vì đề phòng không được, nên lẽ ra chẳng phải đối trị. Nghĩa này gọi là sắc giả, gọi là tạo, vì đối trị phần xa, nên không có lỗi, vì sự đề phòng xa, tự thân đã có giới ác, tức từ đại tạo quá khứ, sắc hiện nay; hoặc giới vô biểu, không có lập nghĩa nhân. Y cứ vào sắc thật của chất, vì lập đủ nhân, nên nếu nhận lấy sự y chỉ đại chủng của thân, gọi là tạo, thì Thánh giả ở vô sắc, lẽ ra chẳng có vô biểu; ấy là chẳng phải Đại thừa, cũng trái với luận Hiền Dượng. Các sắc luật nghi y cứ vào pháp không hiện hành, để lập ra tánh sắc, nên dùng tùy thuộc đại tạo đã đề phòng của người kia.

Giữ gìn nhân: Tức là trụ nhân, nghĩa là do các sắc sở tạo của đại chủng, tương tự nối nhau sinh ra gìn giữ không để dứt. Sắc tạo nối nhau sinh, nhờ năng lực giữ gìn của đại không như vậy, thì sắc tạo lẽ ra có xen hở.

Du-già quyển ba chép: “Do tùy thuộc lượng đại chủng... vì không hư hoại, nên gọi nhân gìn giữ. Lại, tiếng, ánh sáng v.v... to, nhỏ có khác, làm sao chỉ nói lượng đẳng không hư hoại. Đối pháp y cứ ở toàn phần, nói chung nhân gìn giữ.”

- “Du-già vì y cứ vào phần nhỏ, nên tạo ra thuyết này. Luận Hiền Dượng kia nói theo sắc tạo tức chất để nói, hoặc Du-già nói đẳng lượng không hư hoại, chẳng phải là hai lượng đại tạo đồng đẳng. Đẳng, nghĩa là nghĩa trước sau giống nhau.

- Thuyết trước nói là tốt. Nhân nuôi nấng: Tức là nhân lớn, nghĩa là do đại chủng nuôi nấng sắc tạo kia, vì làm cho thêm lớn. Do đại gần gũi nuôi nấng sắc tạo thêm lớn, hoặc lớn tức nhân, hoặc nhân của lớn, nên gọi là nhân lớn.”

Du-già quyển ba chép: “Do nhân uống ăn, ngủ nghỉ, tu tập phạm hạnh, Tam-ma-địa v.v... y cứ vào gấp bội sắc tạo kia, lại vì thêm rộng, nên nói đại chủng làm nhân nuôi nấng kia, hay nuôi nấng sắc tạo có nhân, có duyên, đại là nhân nuôi nấng, tạo kia là duyên nuôi nấng, vì đều y cứ ở một thuyết, nên không trái nhau. Lại, do duyên kia, trước nuôi nấng đại chủng, khiến cho tạo sắc tăng thêm, nên không có lỗi.

Hoặc sắc tạo kia nuôi nấng chung đại và sắc tạo, nhân tất cả pháp tâm, tâm sở v.v... đây chỉ là sắc tạo có khả năng nuôi nấng nhân riêng. Vì tánh tạo chậm lụt, không như tâm v.v... nên nhờ ở hai nuôi nấng, tâm v.v... không như vậy.

Du-già quyển 54 hỏi: “Các hành đều từ tự chủng mà khởi, làm sao lại nói đại tạo sở tạo? Do sự biến đổi khác của đại tạo kia, mà vì biến đổi khác, nên đại tạo kia đã kiến lập và vì gìn giữ.”

Hiển Dương quyển năm nói: Nghĩa là y cứ vào đại chủng có thuộc về sắc tạo khác, ở một chỗ, gọi là đại sở tạo. Nghĩa này tức biểu thị rõ nương tựa nhau mà có, đây là nghĩa tạo, không phải nói về thể, nghĩa là hiện hành đối nhau làm duyên tăng thượng.”

Y cứ vào nhân duyên để nói về tạo: Đầu tiên, là nói về nhân tạo. Sau, nói về duyên tạo.

Nhân tạo có hai:

1/ Mười nhân.

2/ Sáu nhân.

- Mười nhân tạo: đại đối với sắc tạo, tổng có bảy nhân:

1/ Nhân dẫn dắt.

2/ Nhân sinh khởi. Trong nhân vô ký, có chưa thấm nhuần, và đã thấm nhuần. Lúa mì bên ngoài v.v... đối với mầm, v.v...

3/ Nhân nhiếp thọ, vì đối tượng nhiếp thọ: nương nơi chốn sử dụng.

4/ Nhân dẫn phát.

5/ Nhân khác với định, dẫn đồng loại khởi và vì tự tánh.

6/ Nhân đồng sự.

7/ Nhân không trái nhau.

Vì gồm thấu các nhân trước, vì hai nhân này, tương chúng trái với nhân, hay tổn hại lẫn nhau, mà vì làm nhân, nên không có nhân trái nhau. Đại, chẳng phải là nói năng, không có tùy thuộc nói nhân. Nhân quán đối đãi xa, không có nhân quán đối đãi; Có nghĩa: “Nói là tám, chỉ trừ thuận theo nói và nhân trái nhau, cũng chung cho quán đối đãi, lập hai nhân này”.

Có nghĩa: “Hoặc chín thêm nhân trái nhau. Sắc tạo đối với đại, có thể làm tám nhân:

1/ Nhân nói thuận theo: âm thanh, ngôn thuyết, giải thích, nói về đại.

2/ Nhân quán đối đãi, vì đối đãi nhau xa.

3/ Nhân dẫn dắt.

4/ Nhân sinh khởi. Trong nhân nhiễm, tịnh, luật, không luật nghi, và định câu giới, chưa thối nhuần, đã thối nhuần là hai nhân này.

5/ Nhân nhiếp thọ. Nhiếp thọ do nương vào nơi chốn tác dụng.

6/ Nhân khác với định, vì định có công năng chiêu cảm dị thực riêng của mình.

7/ Nhân đồng sự.

8/ Nhân không trái nhau.

Trừ dẫn phát: Hay dẫn phẩm đồng của loại mình, vì phẩm vượt hơn làm nhân cho đại chủng kia, trừ trái nhau, nghĩa là vì không thuận nhau.

Hoặc nói có chín thêm nhân dẫn phát. Về nghĩa, cũng được thành, vì dẫn phát nhau. Hoặc là mười nhân, vì có trái nhau.

Sáu nhân tạo: Hiện hành có sáu nhân. Luận Hiển Dương quyển 18 chép: “Đều là duyên tăng thượng.”

Đối pháp quyển tư chép: “Phải biết tất cả nhân, đều thuộc về nhân năng tác.”

Vì biểu thị rõ nghĩa khác nhau, lại kiến lập riêng năm nhân khác.

Nếu y cứ vào nhân duyên để nói về sáu nhân, thì luận Nhiếp Đại Thừa, Duy Thức v.v... nói: “Hạt giống đối với hiện hành, làm nhân năng tác, câu hữu, tương ứng, biến hành. Hạt giống đối với hạt giống cũng là đồng loại. Nhưng không có dị thực, vì chẳng phải nhân duyên. Đại đối với sắc tạo, đều chẳng phải sáu nhân. Tạo đối với đại chủng là nhân dị thực, vì chiêu cảm quả dị thực kia. Nay, y cứ vào duyên tăng thượng, nhằm nói về tạo của sáu nhân: Đại đối với sắc tạo, chỉ có ba nhân:

1/ Nhân Năng tác, vì năng và lực kia không chướng ngại.

2/ Nhân đồng loại, vì khiến cho thêm lớn, nên trong văn Đối pháp, y cứ vào huân tập hạt giống trước, dẫn quả sau, sinh, cũng dựa vào hiện hành, đối nhau mà nói, chẳng phải hạt giống đối với hạt giống.

3/ Nhân câu hữu. Luận Đối pháp quyển tư chép: “Sắc tạo đại chủng, tất nhiên vì cùng sinh nên làm nhân câu hữu, chẳng phải nghĩa đồng được một quả, nên chẳng phải tâm, tâm sở, không có nhân tương ứng, không phải nghiệp thiện, ác, không có nhân dị thực, vì không phải tánh phiền não, nên không có nhân biến hành.

Sắc tạo đối với đại, cũng có ba nhân:

1/ Nhân Năng tác, vì nhân này rộng.

2/ Nhân câu hữu, vì không rời nhau.

3/ Nhân dị thực.

Luật, bất luật nghi và định câu giới vì có công năng chiêu cảm đại. Hoặc làm bốn nhân, thêm nhân đồng loại, vì như dẫn phát, nên không có nhân khác, có thể biết.”

- Thuyết này đồng với thế gian, chẳng riêng thế gian mà tạo, vì y xứ mà có, chẳng phải khác với thế gian, nên chỉ sắc luật nghi, y cứ vào pháp không hiện hành để kiến lập tánh sắc, cũng khác với thế gian, tạo đại chủng quá khứ, vì tạo hiện sắc, nên sắc, tiếng hữu lậu, chỉ cho tánh vô ký. Nếu là vị vô lậu, vì đại tạo đều có việc lành, nên lẽ ra như đã nói trong đây, và nói như thế này: “Quá khứ là nhân của hiện tại, chẳng phải nhân quá khứ, vị lai. Hiện là nhân hiện tại và nhân vị lai; vị lai chẳng phải nhân vị lai; vì quá khứ, vị lai không có, nên trong đây không nói quá khứ là nhân của vị lai, vì nhân quả đều không có. Cũng chẳng phải mé sau là nhân của mà trước. Vì nhân, quả trái nghịch”.

- “Nói về tạo nhân đã xong, còn tạo “duyên” thế nào?”

- “Đại tạo đối nhau thành một duyên tăng thượng, vì hiện hành đối nhau chẳng phải nói về thể, nên chẳng phải là nhân duyên.

Năm nhân sinh v.v... là duyên tăng thượng, vì chẳng phải tâm, v.v... nên không có hai duyên khác. Tạo nhân duyên này dựa vào tướng chung để nói. Y cứ hữu lậu, vô lậu và mười hai xứ, ba tánh, ba giới, theo dật lẫn nhau, đối nhau, dùng đại đối với đại; hoặc tạo đối với tạo, nhân duyên nhiều, ít đều tư duy như lý.

Đại tạo đồng, khác đối nhau để giải thích về tạo: Đầu tiên, dùng loại khác với đại tạo đối nhau. Về sau, vì tức ly đại tạo đối với nhau, loại khác với đại tạo, đối nhau để giải thích về tạo.”

Luận Du-già quyển ba, năm mươi bốn chép: “Loại khác có ba:

1/ Loại dị thực, loại này có hai thứ:

a. Sinh nghiệp, khởi đầu tiên.

b. Nối nhau, đầu tiên là dị thực chung, sau là dị thực riêng; hoặc đầu tiên là sát-na đầu tiên, sau là thời gian sau.

2/ Loại nuôi lớn. Loại này cũng có hai:

a. Xứ rộng, khắp, uống ăn, ngủ nghỉ, được nuôi lớn bởi phạm hạnh, đẳng chí.

b. Tướng tăng thịnh vượng, cũng vì ăn, vì đối tượng nương tựa kia, vì tu tác ý vượt hơn, vì thuần thực trong thời gian dài, nên nói là đối tượng nuôi lớn.

3/ Loại đẳng lưu. Loại này có bốn thứ:

a. Đẳng lưu dị thực.

b. Đẳng lưu nuôi lớn, tức hai loại trước, vì đều là Đẳng lưu.

c. Đẳng lưu biến khác.

d. Đẳng lưu bốn tánh.

Dị thực nuôi lớn có hai thứ không gồm nhau, vì đều là hai thứ sau:

đ. Căn chỉ có dị thực nuôi lớn. Là ngoài hai thứ này, không có đẳng lưu riêng. Đây là nói theo thể của ba loại khác nhau, không phải căn, các sắc có đủ ba loại; hoặc ở đây không nói giới tiếng, vì tiếng chẳng phải dị thực, nên trừ sắc pháp xứ, tiếng kia chỉ nuôi lớn và vì đẳng lưu, nên là ngoài căn, các sắc cũng không có dị thực.

Trong sắc trước có đủ ba loại: Đủ hai dị thực, hai thứ nuôi lớn, bốn thứ đẳng lưu.

Không có ba loại: Năm sắc căn trong, đủ hai dị thực và hai nuôi lớn. Các sắc pháp xứ có nuôi lớn sau, không có ở rộng khắp, có ba đẳng lưu sau, không có dị thực này: Các tâm, tâm sở dù có đủ ba loại, nhưng không có nuôi lớn đầu tiên. Các uẩn cõi Sắc, trừ do đối tượng nuôi lớn: Đoạn thực, ngủ nghỉ, phạm hạnh. Sự nuôi lớn của ba cõi đều chung cho đẳng trì, tu trong, ngoài, tùy thích ứng, hoặc có ba, hai, mười thứ sắc tạo đại chủng, tùy thượng căn thích ứng, nói tất cả đại chủng tạo, tất cả sắc kia, đều nương tựa nhau mà có nghĩa tạo này, nên chẳng phải giải thích về thể, nên luận Du-già quyển 54 chép: “Dựa vào xứ đại chủng có sắc tạo sinh, gọi là tạo. Lại trong tụ này có đối tượng tạo của đại chủng kia có thể được. Phải biết rằng, trong đây tức có pháp kia, nên các đại chủng đồng nhóm họp đã có thì tướng sắc tạo dựa vào “hữu”, đều có thể là gọi tạo, lẫn nhau được nghĩa tạo, chẳng nhất định nghĩa hệ thuộc. Về lý khác với Tiểu thừa, không nên giải thích riêng.

Trong đây, hoặc có thể bản tánh hạt giống của đại tạo đều khác. Về sau, sinh ra hiện hành, đều dựa vào tự loại. Đại chủng của tự loại không sinh hiện hành. Giống của loại tạo này sau cùng sẽ không sinh tạo, cho nên tự loại tạo.”

- Cách giải thích này cũng không hợp lý, vì phải dựa vào nhau mà có, mới gọi là Tạo, nên đại tạo sở hữu trong nhóm họp đồng nương tựa với nhau, tùy thuộc đối tượng thích ứng đều tạo.

- Thuyết trước là tốt, tức là đại chủng, đối nhau giải thích về tạo. Nghĩa là sắc sở tạo và xứ đại chủng không là nhau, gọi “tức” chất tạo. Nếu thể tướng của sắc sở tạo và xứ đại chủng là nhau, thì gọi “là” chất tạo.

Luận Du-già quyển 54 chép: Là ánh sáng của vầng hào quang, đại chủng hương, v.v... đều không thật có, là ánh sáng chất, mùi hương

và âm thanh, v.v... tức do chỗ phát ra sở tạo của bốn đại không có chỗ cư trú, vì đối tượng nương tựa, nên nói “không thật có”.

Về các luật nghi giới, luận Hiển Dương chép: “Y cứ vào pháp không hiện hành kiến lập tánh sắc, đều do đã đề phòng đại chủng sở tạo của giới ác cõi Dục; về giới bất luật nghi, luận Hiển Dương chép: “Y cứ vào pháp hiện hành, để lập ra tánh sắc, tức do sắc thân, ngũ ác đã phát ra đối tượng tạo của đại chủng, gọi là lia chất tạo, sắc khác đều gọi là tạo không lia nhau. Bản chất của cực lược, cực huynh kia là đại, có thể gọi là “tức” chất, và “ly” chất tạo; Biến kế đã khởi cũng vậy. Vô biểu của cõi Vô Sắc và vô biểu của thân Phật, do đại tạo nào? Nên do tự thân quá khứ tất cả đối tượng tạo chủng của giới ác, chủ thể tạo. Về nghĩa, gọi tạo xa rời như chương vô biểu nói.

Phân biệt hỏi đáp:

- Hỏi: “Trong nhóm các sắc cõi Dục, có bao nhiêu vật để được?”

- “Du-già quyển ba chép: “Hoặc có trong nhóm chỉ có một đại, như thạch mặt-ni, sông, ao cong, ngọn lửa, đèn, đước, có, không gió bụi. Hoặc chỉ hai đại, như nhiệt mặt-ni, tuyết, ẩm ướt, cây, v.v... Hoặc chỉ cho ba đại, như ẩm ướt, nóng, cây; hoặc cây, lay động, ẩm ướt; hoặc bốn đại đều có. Hoặc chỉ có sắc, như lia vàng hào quang; hoặc chỉ có tiếng, lia chất, tiếng v.v...; hoặc chỉ có hương, hương v.v... đi đơn lẻ. Nếu có vị, xúc, tất nhiên, cũng có hương, sắc. Hoặc chỉ có bốn khí thể giới ngoại, trừ tiếng. Hoặc chỉ có năm, khi khí thể giới ngoại có tiếng. Hoặc có thân căn và bốn sắc v.v... Hoặc chỉ có sáu, tùy thuộc có nhãn căn, và năm thân, có tiếng là bảy”.

Sắc tạo như trên, thân thêm đất là sáu, thêm mắt là bảy, thêm nước, lửa, gió là tám, là chín, là mười, thêm tiếng là mười một. Lia vàng hào quang, tùy thuộc vào đối tượng thích ứng, thêm bốn đại chủng thành nhiều, ít.”

Luận Du-già quyển 64 chép: “Nếu ở nhóm này có đại tạo để được, nên biết nhóm này có sắc tạo đại chủng này. Nếu tự tướng của đại tạo kia đều không có, thì phải biết rằng ở chỗ này chẳng có pháp kia, không đồng với tông khác, không có hiện sự kia, có cực vi kia. Các hỏi đáp đều như thuyết Du-già kia có nói rộng.”

Trong đây nói về tướng, hoặc “có”, hoặc “không”. Nếu y cứ thuộc về cõi, thì tùy thuộc thích ứng, đều có, rộng như luận Du-già quyển ba kia đã nói.

Luận Du-già chép: “Cõi Dục có đất, cũng có sắc, hương, vị. Ở cõi Sắc chỉ có sắc, lệ thuộc cõi Sắc, trừ hương, vị và sắc của cõi Vô sắc,

tùy thuộc đối tượng thích ứng có, nói cõi Sắc kia có thể được, vì e nhằm chán văn dài dòng, nên thôi.”

- Hỏi: “Ở thân cõi Dục, khởi đại chủng cõi Sắc, các đại chủng kia và cõi Sắc ở dưới là chỗ đồng hay khác?”

- Đáp: “Như cát ở chỗ nước, chẳng phải ở chỗ khác, do trong bản thức có hai loại giống:

1/ Sinh thuần túy.

2/ Sinh lẫn lộn.

Dẫn đại kia khởi. Vì thuần túy diệt, lẫn lộn sinh, nên chẳng khác với trụ.

Có nghĩa: đây là thuận theo môn lý, Đại thừa đồng ở, như đại của loại khác. Sắc của hai đại này vốn không ngăn ngại nhau, đâu cần gì gián cách, nên thuận theo môn.”

- Hỏi: “Đại chủng tạo sắc có đối đồng ở, đã không có chướng ngại, sao không nói là tánh không có đối?”

- Đáp: “Vì thuận sinh lẫn nhau, không chướng ngại nhau. Lại, nghiệp loại này do tăng thượng sinh, các căn khắp nghiệp loại đó, vì thọ dụng chung, như trung hữu v.v..., dù tánh có đối, nhưng không trở ngại nhau. Sắc tạo đại chủng này lẽ ra cũng như vậy.”

- Hỏi: “Sắc tạo đại chủng trụ ra làm sao? Là có trên, dưới, là ở trong, ngoài, hay lộn xộn?”

Du-già quyển 65 chép: “Đều cùng lúc mà có, không hề rời nhau. Do chủng loại của sắc tạo đại chủng kia, vì được thành do nhân, như một khối tròn vị lai giao thiệp nhau, nhận khắp tất cả chỗ, chẳng phải như tự bột gạo, lúa, mặt-ni... Lại, đại chủng tạo sắc này có ba:

1/ Đồng chỗ ở.

2/ Hòa lẫn nhau.

3/ Lẫn lộn nhau, không rời nhau.”

Lại, Du-già quyển ba chép: “Các xứ sắc có hai không rời nhau:

1/ Đồng chỗ ở không rời nhau.

2/ Hòa lẫn không rời nhau.

Đồng chỗ ở không rời nhau. Nghĩa là như một nhãn căn, sắc A-noa, A-noa của bốn đại với A-noa của sắc tạo, tùy thuộc sở hữu thích ứng, đều tương quan thiệp nhập, hợp thành một xứ, không có nơi chốn riêng, tức trong một sắc A-noa, có tám A-noa thêm tiếng thành chín, thêm thân thành mười, tùy thuộc vào căn khác là mười một. Hoặc bảy A-noa: Mắt, thân, đất, sắc, hương, vị, xúc, một nhãn, một quả đồng ở một chỗ, thiệp nhập lẫn nhau, chẳng phải như tông Tát-bà-đa chủ

trường cực vi đều riêng, đều thành A-noa; cũng không đồng với Kinh bộ hợp thành A-noa.

Nay, Đại thừa vốn không có cực vi, như cực vi sắc v.v... cho đến thời điểm A-noa, tùy thuộc vào đối tượng thích ứng nhiều ít, đồng ở một chỗ, các căn ở chỗ đó cùng khắp thọ dụng; vì tâm biết cảnh, nên ngăn ấy là cảnh sinh tâm, nhưng vì đồng xứ không lìa nhau.

Hòa lẫn không rời nhau: Tức đồng xứ trước không lìa nhau, sắc A-noa, chủ thể tạo, đối tượng tạo, thiệp nhập lẫn nhau, dù ở một xứ, đồng xứ mà trụ, nhưng không hội nhập nhau, hợp thành một thể. Khi các căn được, vì mỗi căn đều riêng, nhưng không thể nói như nhóm hồ ma, đậu..., có thể phân tích được, nên gọi hòa tạp không rời nhau. Lại, giải thích đại tạo, đồng loại đối nhau, đồng một xứ trụ, gọi đồng xứ không lìa nhau; đại tạo khác loại đối nhau, cũng đồng trụ ở một chỗ, gọi là hòa tạp không lìa nhau, chẳng phải như tông người khác, cực vi đồng loại, dị loại đều khác, chẳng phải đồng một xứ.”

- Hỏi: “Dị thực có lúc thêm rộng lớn, vì sao dị thực chẳng phải tức nuôi lớn?”

- Đáp: “Do sự nuôi lớn kia có thể gồm thân chủ thể giữ gìn, dị thực nối nhau hiện thêm lớn v.v..., cũng như tường thành bên ngoài, vì ngăn giữ bên trong thành, nên chẳng phải tức nuôi lớn kia.”

- Hỏi: “là một bốn đại tạo, một sắc tạo hay nhiều sắc tạo? Là nhiều đại tạo, nhiều sắc tạo hay một sắc tạo ư?”

- Đáp: “Nương tựa nhau mà có, lập dùng tên tạo, tạo một, tạo nhiều, về mặt lý, đều không trở ngại.”

Nhiếp Quyết Trạch chép: “Chủ yếu đại chủng sinh, trước, y cứ vào nơi chốn, sau sắc tạo khởi, vì không lìa chỗ kia, nên gọi là Tạo. Ánh sáng của vàng như thế, tức ít sinh nhiều; vì đều có tiếng v.v... tức nhiều sinh ít.

Các loại như thế v.v..., đều nên so sánh mà biết, vì đã không có cực vi, nên chấp nhận đều được.

CHƯƠNG NĂM CĂN

Năm căn, phải dùng năm môn để phân biệt:

1. Các tông khác nhau.
2. Nêu ra thể tánh
3. Giải thích tên gọi
4. Lập khác nhau, chung
5. Loại khác có khác.

1- Các tông khác nhau: ngoại đạo Thuận Thế nói: “Tất cả pháp đều dùng đất, nước, lửa, gió bốn đại làm tánh. Vì thể của năm căn này tức là bốn đại. Sư Thắng Luận nói: “Nhãn căn tức lửa, nhĩ căn tức “không”; tỷ căn tức đất vị, căn tức nước; bì căn tức gió. Năm đại đều thuộc về thật cú. Cứng chắc, ẩm ướt, ấm, lay động, đều là tánh vô ngại, thuộc về đức cú, mắt chỉ được ba, chỉ trừ phong đại, Thân căn được bốn, cũng được cứng chắc...”

Sư Số Luận nói: “Tự tánh thành đại; đại thành ngã chấp; ngã chấp thành năm duy; năm duy thành năm đại; năm đại thành mười một căn.”

Có thuyết nói: “Lửa thành nhãn căn; “không” thành nhĩ căn; đất tạo tỷ căn; nước thành thiệt căn; gió tạo bì căn. Tâm căn có hai thuyết:

Một thuyết: Là khối thịt, chỉ đại tạo đất, hoặc năm đại tạo chung.

Thuyết khác nói: “Chẳng phải sắc, tai trong sáu căn kia, chỉ không có ngăn ngại.”

Thuyết nói tâm căn chẳng phải sắc ấy, cũng không có ngăn ngại, vô tướng khác đều có trở ngại, đều là tánh thường.”

Đại chúng bộ v.v... nói: “Thể tức bốn trần, khối thịt làm tánh, không có tịnh sắc riêng, không thể nhận lấy cảnh, vì hơi trội hơn sắc khác, nên gọi là thanh tịnh.”

Sư Tát-bà-đa nói: “bốn đại có riêng; năm nhân sinh, v.v... làm nhân duyên tạo ra năm căn như mắt v.v... Đại chỉ xúc của thân căn dù hòa tập, nhưng đều thật sự có thể.”

Sư luận Thành Thật nói: “Danh sử tử trụ, vốn xuất gia trong pháp Số luận, nhân lập nghĩa kia nói rằng: “Bốn trần hình thành bốn đại; bốn đại hình thành năm căn”.”

Sư Kinh Bộ nói: “Căn dù là đối tượng tạo, nhưng chung cho giả, thật, cực vi là thật, vì thô là giả.”

Thuyết Giả Bộ nói: “Cũng chung cho giả, thật, uẩn ở môn là thật, giới, xứ là giả.”

Nhất Thuyết Bộ nói: “Căn chỉ có tên gọi, đều không có tự “thể” của sắc.”

Thuyết Xuất Thế Bộ nói: “Căn hữu lậu là giả; căn vô lậu là thật.”

Nay, y cứ vào Đại thừa, lược có bốn cách giải thích. Trong môn xuất thế, nên biểu thị đầy đủ:

2- Nêu ra thể tánh: Duy thức quyển tư lược có hai thuyết:

1) Sư Nan-đà v.v... nói: “Chỉ là hạt giống, không có hiện hành riêng, năm căn tịnh sắc, đây có bốn nghĩa:

1/ Chỉ có kiến phần, hạt giống của năm thức.

2/ Chỉ tướng phần, hạt giống của năm trần.

3/ Nhận lấy chung hạt giống của hai phần kiến, tướng.

Ba nghĩa này đều là nghĩa của sư Nan-đà.

4/ Bồ-tát Hộ Pháp giả bào chữa nói rằng: “Nhận lấy cảm chủng nghiệp tăng thượng của năm thức, gọi là năm căn.”

Duy thức quyển tư nói: “Năm thức như nhãn thức v.v... không có nhãn riêng làm “câu hữu”; dựa vào năm căn như nhãn căn v.v... tức là hạt giống.”

Bài hệ trong luận Nhị Thập Duy Thức chép: “Thức từ tự chủng sinh, giống với cảnh tướng mà chuyển. Vì thành xứ trong, ngoài, Phật nói thức kia là một, cho đến dẫn rộng bài tụng trong luận Quán Sở Duyên rằng: “Ý bài tụng kia nói: Trong thức dị thực, hay cảm ra hạt giống nghiệp tăng thượng của năm thức, gọi công năng sắc, nói là năm căn, không có nhãn v.v... riêng, chủng với thức sắc thường làm nhân lẫn nhau, hay huân tập với hạt giống, làm nhân lẫn nhau”.

Lại, luận ấy lại nói: “Có tránh tai nạn lỗi lầm của các thuyết đã nói từ trước đến nay, bạn bè dựa vào chấp kia, lại chuyển sang bào chữa nói: “Trong thức dị thực, có công năng chiêu cảm nghiệp chủng tăng thượng của năm thức, gọi là năm sắc căn, chẳng phải tạo ra nhân duyên sinh chủng của năm thức. Hai chánh nghĩa của Hộ pháp, v.v...: Có riêng tịnh sắc hiện hành làm năm căn kia”, nên Duy thức nói: “Năm thức đều có nương tựa, chắc chắn có bốn thứ, nghĩa là năm sắc căn, thức thứ sáu, bảy, tám, vì tùy thuộc quan hệ một chủng, tất nhiên không chuyển biến.”

Đối pháp v.v... chép: “Nhãn căn thế nào? Là đối tượng tạo của bốn đại chủng, đối tượng nương tựa của nhãn thức, sắc thanh tịnh làm thể, cho đến thân căn, đối tượng nương tựa của thân thức, tịnh sắc làm thể.”

Luận Duy Thức chép: “Trong đây, lại, nói về đối tượng nương tựa không chung.”

Luận Đối Pháp lại chép: “Giới mắt: nghĩa là mắt có hiện trông thấy sắc và hạt giống này, chứa nhóm thức A-lại-da dị thực, tức nhận lấy hiện chủng, đều gọi là giới nhãn; bốn giới còn lại đều như vậy.

- Hỏi: “Hai nghĩa: Giới nhãn, nhãn căn đâu có khác nhau, căn chỉ nhận lấy hiện, không nói chủng ư?”

- Đáp: “Nhân giữ gìn gọi là giới, chủng cũng tên là giới, tăng thượng gọi là căn; chủng chẳng thuộc về căn.”

- Hỏi: “Hiện căn tăng hiện thức; hiện sắc được gọi là căn; chủng căn tăng chủng thức, lẽ ra đồng thuộc về hiện căn mới đúng?”

Luận Đối pháp chép: “Do hạt giống căn sinh hiện căn xong, hạt giống thức mới sinh hiện thức, nên đáp: “Công dụng của đại chủng sở tạo tăng thượng, hiện được gọi là căn; chủng chẳng phải đại tạo, vì dụng chẳng phải tăng thượng, nên chẳng thuộc về căn”.

- Hỏi: “Hiện nhãn dựa vào đại khởi, nhãn này cũng gọi là căn. Đại chủng cũng là chủng căn nương tựa, sao chủng nhãn không thuộc về căn?”

- Đáp: “Đây là y cứ làm sáng tỏ tướng, hạt giống chẳng phải căn. Y cứ lý, dựa vào văn, vì chủng cũng thuộc về căn, nên Quyết Trạch chép: “Vì năm căn như nhãn căn v.v... chung cho hiện chủng.”

3- Giải thích tên gọi: Các luận đồng nói: “Căn: nghĩa là tăng thượng, nghĩa là xuất sinh, là nghĩa căn, làm tăng thượng oai thế cho nhãn thức v.v...; vì làm nhân sinh ra, nên gọi là căn”.

Năm là danh số, tức kèm số giải thích. Mắt: nghĩa là soi rõ, dẫn đường, gọi là mắt.”

Luận Du-già quyển ba chép: “Vì thường thấy mọi sắc mà lại bỏ, nên gọi là mắt. Tiếng Phạm là chước-sô. Chước nghĩa là hành; Sô nghĩa là tận, nghĩa là, đối với cảnh, hạnh, thấy hết hành tận, vì thấy các sắc nên gọi là hành tận. Dịch là nhãn, nghĩa là thể dụng tương đương. Y cứ ngôn ngữ đời Đường dịch là Nhĩ: Nghĩa là nghe, tiếng Phạm là Thú-lũ-đa, Hán dịch là năng văn.

Ta nghe như vậy cũng nói rằng, Thú-lũ-đa, nên Du-già nói: “Thường đối với tiếng này, đến hay nghe, nên gọi là tai, dịch là nhĩ, nghĩa là thể dụng tương đương”. Căn cứ vào ngôn ngữ đời Đường dịch: Tỷ: Nghĩa là ngửi. Tiếng Phạm là: Yết-lạ-noa, Hán dịch: Năng khứu (ngửi), nên Du-già nói: “Vì thường do đây, nên ngửi mùi hương, gọi là mũi, Hán dịch là tỉ: tương đương với nghĩa thể”. Y cứ vào ngôn ngữ đời

Đường dịch là: thiết: (nắm), nghĩa là trừ đói khát. Tiếng Phạm là Thời khát phục, Hán dịch: là nắm, vì trừ đói khát, nên Du-già chép: “Trừ đói, ốm, thường phát ngôn luận, vì biểu thị, bày ra, kêu gọi, nên gọi là lưỡi. Nhưng do thế tục phát ngôn luận. Là chỗ dựa của lưỡi, nên trong Du-già lấy chung hai nghĩa: Thế tục, thẳng nghĩa, đều gọi là lưỡi, dịch là thiết, vì nghĩa tương đương, nên y cứ theo đời Đường dịch: Thân, nghĩa là chứa nhóm, y chỉ. Dù đại tạo của các căn đều chứa nhóm. Thân căn là y chỉ của nhiều pháp kia. Chứa nhóm trong kia, riêng được gọi là thân. Tiếng Phạm nói: “Ca-da”, Hán dịch là chứa nhóm, nên Du-già nói: “Vì các căn đã tùy thuộc chứa nhóm khắp, nên gọi là thân. Dù rằng Ca-da nghĩa là đối tượng nương tựa, chứa nhóm, Hán dịch là thân: Tương đương với nghĩa thể. Y cứ ngôn ngữ đời Đường dịch; thể của mắt ở đây tức là căn mắt kia, cho đến thân căn đều là trì nghiệp thích, đều có sinh ra, nói là vì nghĩa tăngthượng.”

4- Lập khác nhau chung: Mắt, tai trong đây, lập là chung, ba căn còn lại, không lập. Vả, nói chung: Nghĩa lia bít lấp, chướng ngại, thêm vào đó tên thân, gọi là sáu thần thông. Lìa các chướng ngại, bít lấp, diệu dụng khó suy lường, gọi là thần thông. Hai căn mắt, tai lìa dụng chất, nghĩa là xa lìa nít lấp, vì tăng thêm diệu dụng, khó suy lường, nên lập riêng thông; ba căn còn lại không lập. Nhưng hai thứ này do tu phương tiện sinh, trừ chướng ngại, ủng tắc, được gọi là thông. Không như vậy, thì dụng hẹp chẳng được gọi Thông. Thông: Chỉ có Tứ thiên có, chẳng phải thông do năm địa thành. Chẳng phải thông: thì đều tự địa khởi. Thông khác với địa khởi. Nhưng địa dưới khởi địa trên, chẳng phải địa trên khởi địa dưới, vì chẳng phải tu khởi.

Thông: Thông có vô lậu, Phật cũng có. Nhưng thiên nhãn thông cũng lập làm minh, làm người dẫn đường cho trí sinh tử, nên quán sắc các nghiệp, thấy nhân tìm quả, vì thiên nhĩ vượt hơn.

Thiên nhĩ chẳng minh, thiên nhĩ không thể trừ ngu ba đời. Các tầng trời cõi Dục kia dù nhìn thấy thấu suốt, nhưng tác dụng không rộng, nên không lập làm thông. Nhãn, nhĩ “sinh đắc”, chẳng phải đã được do tu đoạn bít lấp. Nhưng trong Hữu Kinh nói: “Năm sắc căn trong Phật vị đều gọi là Thông, vì công dụng của Phật cao quý, thông khác không như vậy”.

Nay, y cứ vào thông của ba thừa được, vì thông chỉ hai căn.

5- Loại khác có khác: luận Du-già quyển 3, 54 chép: “Loại khác có ba:

1) Loại dị thực. Dị thực này có hai thứ:

- a. Nghiệp sinh khởi đầu tiên.
- b. Thời gian chuyển biến sau nối nhau.

2) Loại nuôi lớn. Loại này lại có hai:

a. Xứ rộng khắp, được nuôi lớn do ăn, ngủ nghỉ, phạm hạnh, đẳng chí.

b. Tướng thêm thịnh vượng, cũng do ăn, là đối tượng nương tựa của tướng kia, là tu tác ý vượt hơn, vì được nuôi lớn, thuần thực trong thời gian dài.

3) Loại đẳng lưu. Loại này có bốn thứ:

1/ Đẳng lưu dị thực.

2/ Đẳng lưu nuôi lớn.

Hai thứ này thuộc về hai loại trước.

3/ Đẳng lưu thay đổi khác.

4/ Đẳng lưu bản tánh.

Hai thứ nuôi lớn không gồm thâu, vì đều là hai thứ sau.

Năm căn chỉ có dị thực nuôi lớn, là hai thứ này, không có đẳng lưu riêng.

Đây là y cứ theo thể của ba loại riêng, năm sắc căn này đủ hai dị thực và hai nuôi lớn.

Nói chung như thế, căn nhãn, nhĩ kia, tu quả gọi là trời, tu khác gọi là nhục. Trời chỉ nuôi lớn, đủ hai nghĩa nuôi; dị thực nhục thông và nuôi lớn hai. Hai nuôi lớn đều đủ, vì thiên nhãn chẳng phải do nghiệp sinh, nên không chung với dị thực.”

Có sự của dị luận khi soạn số của Tạp Tâm, dù không dụng, cũng cho là tự chấp, tương đương với lý sâu kia, mới nói rằng Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Thân ở địa dưới khởi thân căn của địa trên, Tạp Tâm chép: “Cực vi ở bốn căn, mười thứ, lẽ ra phải biết thân căn chín; tám căn khác, nghĩa là có hương, đất. Lý này không đúng”.

Luận Câu-xá chép: “Tụ cực vi cõi Dục không có âm thanh, không có căn, có tám việc, có chín việc của thân căn, mười việc có căn khác, dùng dục để biểu cho danh, biểu thị rõ là nói nhóm cực vi cõi Dục, chẳng phải nói nhóm cực vi cõi trên cũng vậy, khởi nhãn, nhĩ kia, sẽ thành thân v.v... Lại trái với phát trí mà Bà-sa đã nói, luận ấy chép: có khi nào thành tựu nhãn căn kia mà không thành tựu thân căn hay không?”

- Đáp: “Có, nghĩa là thân ở địa dưới khởi thiên nhãn ở địa trên, không thành tựu thân căn của địa.”

Vì lẽ như thế v.v..., nên chỉ là tu học, không là do thầy truyền

trao, vẫn không tìm khắp, vâng theo giả dối vọng tình, nảy sinh tràn lan xuyên tạc, cần phải y chỉ điển cứ để làm gương cho hậu học.

Luận Du-già quyển ba lại có so sánh: Có một thứ căn, gọi là “công năng thấy sắc”, có hai thứ mắt, gọi là nuôi lớn, dị thực, cho đến mười một thứ căn, gọi là khứ lai, kim, trong, ngoài, thô, tế, kém, mâu nhiệm, xa, gần; mắt, tai, v.v... cũng vậy. Nhưng có khác nhau, luận tự làm sáng tỏ.

Có mắt giả, mắt thật, về nghĩa, so sánh nên đồng đều, e chán văn rườm rà, nên lược mà thôi, rộng như luận kia đã nói.

CHƯƠNG BIỂU VÔ BIỂU SẮC

Biểu, vô biểu sắc, phải dùng mười môn để phân biệt:

1. Nói về tên gọi.
2. Nêu ra thể.
3. Phân biệt giả, thật.
4. Chi đủ ít, nhiều.
5. Giới hạn được, bỏ.
6. Y cứ vào “có”, “không” của địa.
7. Tánh của bốn đại tạo.
8. Nên thành khác nhau.
9. Trước, sau được, bỏ.
10. Giải thích các chương ngại.

- **Thứ nhất, là nói về tên gọi**, ở trong đó có hai:

- 1) Nêu ra tên gọi.
- 2) Giải thích tên gọi.

- Nêu ra tên gọi có hai:

- 1/ Biểu sắc
- 2/ Vô biểu sắc

Xưa gọi tác sắc, vô tác sắc.

Biểu sắc có hai:

1. Nghiệp thân biểu
2. Nghiệp ngữ biểu.

Biểu này chung cho ba thừa. Nếu theo thuyết Đại thừa, thì có nghiệp nghĩa biểu cũng có ba thứ, lại thêm ý biểu.

Luận Du-già quyển 53 chép: “Nếu không muốn biểu thị cho người khác biết, chỉ tự khởi tâm, ý tư duy, lựa chọn bên trong, không nói ra bằng lời, chỉ phát ra hiện hành của pháp thiện, nhiễm ô, vô ký. Vì nghiệp ý biểu, nên có ý biểu.

Ý biểu này riêng vô biểu: Chỉ là tánh thiện.”

Bồ-tát cũng chỉ lập có ba chi, vì y cứ vào đạo nghiệp, nên dứt trừ nhiễm, vô ký. Nghiệp tăng thượng: Ấy là phát vô biểu, nghiệp khác thì không như vậy.

Có nghĩa: Bất thiện cũng có vô biểu, mười nghiệp đạo ác, rất nặng mới thành.

Ba ý biểu sau cũng phát vô biểu, về lý có lỗi gì?

- “Thuộc về một trăm hạnh, đều gọi là luật nghi, trái với đây,

chính là không cần luật nghi. Nên biết ý ba cũng phát vô biểu, đâu chấp nhận phát thân, ngữ; tư duy chủng, gọi là vô biểu; Vì ý riêng suy nghĩ mạnh mẽ, không gọi là vô biểu, nên biết ba biểu đều có vô biểu.

Trong ba nghiệp phạt, vì ý phạt là nặng, nên ý tiên nhân ngờ vực sát sinh nhiều đời.”

Bài tụng trong Nhị thập Duy thức chép: “Không như Mạt-đăng-già v.v..., làm sao do ý phát giận dữ của tiên nhân, thành tội lớn.”

- “Việc này làm sao thành?”

- “Ý có vô biểu chung cho thiện, bất thiện, chẳng phải hai vô ký, nhưng ý vô biểu, chẳng phải là tánh sắc, chẳng phát ra hiện hành, vì sắc thân, ngữ phát ra thân ngữ: Vì thuộc về ý.”

- Có nghĩa: “Ý biểu thị giáo chung, dù vậy nhưng không thấy văn riêng, nói có vô biểu phát ra thân, ngữ, ý tứ, biểu lộ bên ngoài rất mạnh mẽ, huân tập hạt giống tăng thượng, có thể phát ý tứ vô biểu, phát nội tại chỉ tự biểu, biết không phải rất tăng thượng mạnh mẽ. Mặc dù huân tập hạt giống chẳng phải vì dụng tăng gấp bội, nên chỉ thân, ngữ mới có vô biểu. Ý tiên nhân ngờ vực nói trở thành ý phạt, dù cho trở thành tội nặng, cũng đâu có vô biểu? Nghĩa này cũng không thuộc về bất luật nghi.”

- “Nếu vì luật nghi mà có một trăm hạnh, nên ý nghiệp cũng có lập vô biểu bất luật nghi, vì sao một trăm pháp không nói riêng?”

- “Nếu dựa vào nghĩa này thì dù thọ lãnh mười điều lành, hạt giống mười điều lành dù có công năng mười loại, gọi là luật nghi giới, nhưng chỉ bảy chi nói có vô biểu. Vì danh từ luật nghi chung cho cuộc hạn vô biểu, nên chẳng thể nói luật nghi đều có vô biểu, nên nghĩa vô biểu khác với luật nghi, luận Du-già quyển 53 chép: “Nếu xa lìa tư duy thì sẽ trái với bất luật nghi. Vì xa lìa năng lực tăng thượng, nên đều hiện hành với năm căn gọi là luật nghi. Đây là nói thân, ngữ đã xa lìa hành vi tư duy ở trước, gọi là Luật nghi, thì cần gì phải có vô biểu, mới gọi là luật nghi?””

Lại, luận Du-già chép: “Luật nghi có tám:

- 1/ Luật nghi năng khởi.
- 2/ Luật nghi nhiếp thọ.
- 3/ Luật nghi phòng hộ.
- 4/ Luật nghi dẫn trở lại.
- 5/ Luật nghi phẩm hạ.
- 6/ Luật nghi phẩm trung.
- 7/ Luật nghi phẩm thượng.

8/ Luật nghi thanh tịnh.”

Nếu chưa chánh thọ, thì trước phải khởi tâm niệm này: “Ta nhất định thọ xa lìa như thế, gọi là luật nghi Năng khởi.

Nếu khi chánh nhiếp thọ giới xa lìa, thì gọi là luật nghi nhiếp thọ. Vì tự năng lực tăng thượng của năm căn sau, đều hiện hành chung với hạt giống kia; thường cảm thấy hổ thẹn đối với tội không làm, gọi là luật nghi phòng hộ.

Quên nhớ nghĩ có trái phạm, tầm tức ăn năn chừa bỏ, gọi là luật nghi dẫn trở lại.

Nếu phần lìa nhỏ, lìa trong ít thời gian, chỉ tự lìa, không khuyên người khác lìa, không khen ngợi, không chúc mừng, an ủi, gọi là luật nghi phẩm hạ.

Nếu phân lìa nhiều, lìa trong nhiều giờ, tự lìa, cũng khuyên người khác, nhưng không ca ngợi, cũng không chúc mừng, an ủi, gọi là luật nghi phẩm trung.

Nếu tất cả lìa, suốt đời lìa, tự lìa, cũng khuyên người khác, là cũng khen ngợi, chúc mừng, an ủi, gọi là phẩm thượng. Tĩnh lự vô lậu, gọi là thanh tịnh. Đây là chủ thể khởi đầu tiên, đã gọi luật nghi, thì cần gì luật nghi, tất nhiên là vô biểu. Nên dù một trăm hạnh đều gọi là luật nghi. Phát vô biểu: Chỉ ở bảy trước.”

Câu-xá quyển 14 dẫn tụng trong kinh rằng: “thân luật nghi lành thay! Ngữ luật nghi lành thay! Ý luật nghi lành thay! Khấp luật nghi lành thay!”

- “Ý căn cũng nói lời luật nghi, có thành vô biểu chăng?”

- “Nếu y cứ vào hai cách giải thích trước thì luật nghi thân, ngữ và thể của bất luật nghi là tánh sắc, vì không có biến đổi, ngăn ngại, vì khác với loại sắc, nên thuộc về xứ riêng. Ý này đều tư duy không đồng với sắc kia, không phát ra ở sắc, cũng không ngăn chặn sắc, không gọi tên sắc. Đã là duyên lo nghĩ, được huân tập bởi hiện tư duy, chỉ ở nghĩa suy nghĩ chủng loại, gọi là vô biểu, vẫn thể là suy nghĩ, tức thuộc về hành uẩn, nên đối với trăm pháp lại không nói riêng, như ý tà kiến sau bày ra thân ngữ, thân ngữ sau bày ra gọi là bất luật nghi”;

- “Hai tư duy đầu tiên, vì sao không gọi tên?”

- “Như hai tư duy đầu tiên trong luật nghi, mặc dù ý vô biểu, nhưng chỉ là trong xứ, cũng đâu có lỗi gì?”

- Trong ba thuyết này, thuyết sau là thích đáng, vì thân, ngữ biểu lộ bên ngoài, khiến người khác biết có thêm sự mạnh mẽ.

Trong sắc vô biểu lược có ba loại:

- 1/ Vô biểu luật nghi.
 - 2/ Vô biểu bất luật nghi.
 - 3/ Vô biểu của phi luật nghi, phi bất luật nghi.
- Đối pháp quyển tám chép: “Nghịệp có ba:
 1/ Nghịệp luật nghi.
 2/ Nghịệp bất luật nghi.
 3/ Nghịệp phi luật nghi, phi bất luật nghi.

Nghĩa là người kia đã có nghịệp thiện, bất thiện, hoặc bố thí, v.v... hoặc ấu đả, đánh đập..., thì nghịệp sẽ không thuộc về luật nghi, bất luật nghi, mà đều được gồm thâu ở đây.”

Quyết Trạch quyển 53 chép: “Luật nghi, bất luật nghi đã nói, nghĩa là trừ nghịệp luật nghi, bất luật nghi đã nói, nghĩa là trừ nghịệp luật nghi, bất luật nghi như trước kia đã nói. Tất cả nghịệp thân, ngữ, ý thiện, bất thiện v.v..., nên biết rằng, tất cả đều thuộc về phi luật nghi, phi bất luật nghi.”

Quyết Trạch quyển 54 chép: “Sự khác nhau của dụng sắc. Nghĩa là hữu biểu, vô biểu đều thuộc về luật nghi, bất luật nghi, phi luật nghi, phi bất luật nghi.

Nói bố thí v.v..., vì là nghịệp này, nên quyết định biết nghịệp này cũng có vô biểu.”

- “Vì sao đầu tiên nói hữu biểu, vô biểu chỉ ở trong luật nghi, bất luật nghi, không ở trong xứ?”

- “Ở đây có ý gì? Nên luận Câu-xá quyển 14 nói: Vô biểu ba, luật nghi, bất luật nghi chẳng phải hai.”

Có nghĩa: “Trong xứ, chỉ cho nghịệp hữu biểu, chủ yếu ở tư duy của phẩm thượng, với thể huân tập hạt giống trội hơn, mới có vô biểu.”

Luận Hiền Dương quyển 1, 54 chép: “Sắc pháp xứ có ba:

- 1/ Luật nghi.
- 2/ Bất luật nghi.

3/ Định tự tại, vì không nói là chẳng phải hai hữu, vô biểu, nên dù các chỗ nói có nghịệp trong xứ, cũng không nói rõ có vô biểu, nên biểu trong xứ không có sắc vô biểu. Nếu y cứ vào nghĩa đầu tiên, thì đâu có ngăn ngại ý khích lệ, thành thật tạo ra trong xứ, mà có suy nghĩ thượng; luật nghi chấp nhận mà có tư duy phẩm trung, đâu chấp nhận đồng với nghĩa huân tập hạt giống mạnh mẽ, nhạy bén, trở thành vô biểu, phân biệt nghịệp trong xứ.

Nếu dùng luật nghi và phi luật nghi, thì tất nhiên vì có đủ chi, nên tư duy hạt giống, huân tập trội hơn được vô biểu; Trong xứ thì không

phải như vậy, tức lẽ ra một trăm hạnh không phải là luật nghi; vì cũng có toàn phần, một phần v.v..., nên thừa nhận cận sự, vì có thọ lãnh ít. Các chỗ dù nói vô biểu pháp xứ, nhưng chỉ có hai loại, tánh nghiệp trong xứ kia cũng chỉ gồm hai, thuộc về vô biểu kia, tức gồm hai này, không còn nói riêng, thể chẳng phải không có. Nếu y cứ vào nghĩa sau, thì nghĩa này không hợp lý. Vì trong tất cả xứ, đối với tư duy về luật nghi... đều là phẩm hạ, không phải nghiệp trong xứ có thể có vô biểu.”

Trong hai thuyết, đã không có văn rõ ràng, cũng mặc tình lấy, bỏ.

Kế là, giải thích danh: Sắc tạo đại chủng của các căn, hòa hợp sự chứa nhóm khác nhau, gọi là Thân. Năm căn, bốn trần, chủ thể tạo, đối tượng tạo, đều được gọi là Thân, chỉ do chỗ nhóm hợp các pháp của thân căn, riêng dựa vào danh từ thân, lại nghĩa y chỉ, gọi là Thân.

Luận Duy Thức chép: “Thể dựa vào nghĩa nhóm hợp, nói chung, gọi là thân, cũng do thân căn là đối tượng y chỉ của rất nhiều pháp, vì tiêu biểu riêng danh hiệu của thân”, nên Du-già chép: “Vì các căn đã tùy thuộc chứa nhóm khắp, nên gọi là Thân. Mặc dù tiêu biểu tên gọi chung, nhưng tức là tên riêng. Biểu là biểu thị, biểu thị nội tâm của mình, thị là báo cho người khác biết”. Xưa nói: “Nghĩa tạo tác của thân không tương ứng, vô biểu này cũng có nghĩa tạo tác; thể của biểu tức là xứ sắc, biểu sắc, biểu của nương tựa thân, gọi là Thân biểu, y chủ thích. Nghiệp là nghĩa tạo tác. Nếu xứ sắc, biểu sắc, gọi là Nghiệp thân biểu, dựa vào biểu của thân, gọi là thân biểu. Thân biểu tức nghiệp, gọi là nghiệp thân biểu, trì nghiệp thích danh”.

Nay, nhận lấy biểu của thân động, tư duy, gọi là nghiệp thân biểu, nghiệp của thân biểu động, là y chủ thích. Ngữ nghĩa là ngôn ngữ (lời nói), dùng âm thanh làm thể. Nghĩa biểu, nghĩa nghiệp, đều như trước đã giải thích. Chủ thể biểu ở đây, hiểu rõ đối tượng dục, giảng nói ý ưa thích của nội tâm, vì biểu thị cho người khác biết, nên gọi là ngữ biểu. Hoặc giả ngữ nghĩa là đối tượng nương tựa của chữ v.v... Vì kèm theo chữ hay giải thích, biểu thị, nên gọi là ngữ. Thể ngữ tức biểu, trì nghiệp thích. Ngữ biểu tức nghiệp; nghiệp thuộc về tiếng nói. Nay, nhận lấy tư duy năng phát của ngữ biểu, gọi là nghiệp ngữ biểu, tức nghiệp của phát ngữ biểu, gọi là nghiệp ngữ biểu, y sĩ thích.

Tương ứng với ý, tác động ở ý, gọi là ý biểu, gọi là ý nghiệp, đều giải thích gần gũi.

Nếu nói rằng, ý biểu tức nghiệp, là Trì_nghiệp thích, vô biểu của ba nghiệp thân, ngữ, ý, đều là y chủ thích. Vì nghĩa thành nghiệp v.v...

đều rõ ràng, nên không dẫn phát.

Luật nghi có ba:

1/ Luật nghi biệt giải thoát.

2/ Luật nghi tĩnh lự. Trước nói rằng, định cộng giới, cũng gọi là luật nghi thiện.

3/ Luật nghi vô lậu, cũng gọi giới đáng yêu của bậc Thánh trước, gọi là đạo cộng giới, ngăn ngừa sự sai quấy, gọi là Biệt. Chủ thể đề phòng, đối tượng đề phòng đều được gọi là biệt giới, tức giải thoát, vì giải thoát việc ác là nên giải thoát của Biệt. Biệt thuộc về đối tượng đề phòng, Y Sĩ thích. Biệt tức giải thoát, biệt thuộc về chủ thể ngăn ngừa, trì nghiệp thích.

Luật, là pháp thức; Nghi là phép tắc, mô phạm, khuôn mẫu, xưa có cách giải thích: Luật nghĩa là loại; nghi là thức; chủng loại, pháp thức, gọi là luật nghi, vì đều chung cho thiện, ác, nên nói là giới ác, gọi là bất luật nghi.

Nay, giải thích: Chỉ có giới thiện kia được gọi tên, có thể làm pháp thức, vì có thể làm phép tắc, khuôn mẫu, nên gọi là luật nghi. Như nói: “Điều phục, là vừa điều, vừa phục. Luật nghi này cũng giống như thế, vừa luật, vừa nghi. Biệt giải thoát tức luật nghi, đều là Trì nghiệp thích. Lại, giải thích: Biệt giải thoát: là tên riêng của giới này. Luật nghi: là gọi chung các giới, vì phân biệt người khác, nên nói là luật nghi biệt giải thoát, tức Y sĩ thích.”

Luận Câu-xá quyển mười bốn chép: “Thời điểm sát-na đầu tiên gọi là Biệt giải thoát, cũng gọi là luật nghi, cũng gọi là đạo nghiệp căn bản. Từ niệm thứ hai, cho đến chưa bỏ, không gọi là Biệt giải thoát, biệt giải luật nghi, không gọi là đạo nghiệp, mà gọi là khởi sau. Nay, cũng có thể như thế. Tĩnh lự là tánh lìa chướng ngại ung dung tự đắc, tự cao, chìm mất v.v... gọi là tĩnh. Chuyên chú tư duy vượt qua cảnh môn gọi là lự, vừa lự, vừa tĩnh, gọi là tĩnh lự. Tĩnh của lự, gọi là tĩnh lự.

- Hai giải thích đều được tĩnh lự, là tên riêng của định.”

Du-già quyển mười hai chép: “Định cũng gọi là đẳng dẫn, đẳng trì, đẳng chí, tâm nhất cảnh tánh, cũng gọi tĩnh lự, nên luật nghi là tư duy luật nghi của tương ứng tĩnh lự, lân cận vi thích.

Vô lậu: Nghĩa lìa lỗi, như vô tham v.v..., không thể có sáu cách giải thích. Nếu vô lậu thuộc về Thánh đạo, thì thể tức luật nghi tương ứng với vô lậu, nếu vô lậu, tức tư duy luật nghi, vì thể là vô lậu, nên chung với hai cách giải thích: gần gũi, trì nghiệp, cũng là đối tượng yêu thích của bậc Thánh. Giới của đối tượng yêu thích của bậc Thánh, đều

là y sĩ thích. Bất luật nghi: Bất: là chẳng, là không chẳng đáng làm phép tắc, không đáng làm nghi quỹ, gọi bất luật nghi, như vô minh v.v..., cũng không phải sáu cách giải thích, không đồng với ố thi-la, ố tha thi-la dùng thi-la để làm đối tượng ác, gọi là ố thi-la, tức Hữu tài thích.

Thi-la, là tiếng Phạm, Hán dịch là Thanh lương. Người làm ác, rất ghét thi-la, gọi là ố thi-la, chẳng phải thi-la xấu mà gọi là ố thi-la.

Người xưa giải thích: “Nghĩa của giới thi-la. Thi-la ác: Tức là giới ác. Do câu hỏi này nói: Đề phòng lỗi quấy để giải thích giới. Có giới không đề phòng quấy. Tạo tác để giải thích tư duy; có tư duy quấy, tạo tác.

Nay, giải thích không đúng, vì bất thiện, giải thích danh, nên có câu hỏi này. Thi-la chẳng phải nóng bức, đâu được thể ác là thi-la.”

- “Nếu như vậy, thì hỏi trái lại, thể ác chẳng phải thi-la, ghét thi-la, gọi là ố thi-la, lẽ ra cũng thể ác, chẳng phải là kiến. Vì ác đối với kiến, nên gọi là ác kiến?”

- Câu hỏi này không ngang nhau. Tìm câu để hiểu kiến, thiện, ác đều tìm câu, mát mẻ là thi-la; thi-la chẳng phải thể ác. Do bất luật nghi này chẳng đáng làm phép tắc, không là phép tắc ác.

Phi luật nghi, phi bất luật nghi: Không đáng làm oai nghi, phép tắc, đồng với luật nghi, gọi là phi luật nghi; chẳng phải không đang làm phép tắc thì như bất luật nghi, gọi là phi bất luật nghi. Đã có song phi, cũng chẳng phải sáu cách giải thích. Lại, chúng ta giải thích rằng: “Cũng chẳng phải luật nghi, cũng chẳng không phải luật nghi, tức Trì nghiệp thích. Luật nghi v.v... tức vô biểu, đều trì nghiệp thích. Vô biểu luật nghi đều là y chủ thích. Vô biểu đạo định kia, để phân biệt chung, cũng được là y sĩ thích.

- **Thứ hai, nêu ra thể:** nhờ nghiệp thân biểu, dùng sắc biểu trong xứ sắc làm tánh, giả nghiệp ngữ biểu, đúng tiếng làm thể; luận Thành nghiệp, Du-già v.v... nói: “Có ba thứ tư duy:

1/ Tư duy xem xét, lo nghĩ; sắp phát thân, ngữ, thì trước là xem xét, lo nghĩ.

2. Quyết định tư duy, khởi tâm quyết định, vì sắp muốn làm.

3/ Phát động tư duy vượt hơn, chánh phát thân, ngữ tác động ở sự. Hai nghiệp biểu thân, ngữ, chỉ chấp lấy hiện hành.”

Thứ đến, là phát động tư duy thiện, bất thiện, dùng làm tự thể. Vì ý biểu dùng hai tư duy trước làm thể nên Duy thức nói: “Thân có khả năng động tác, tư duy, gọi là thân nghiệp; hay phát ngữ, tư duy, gọi là

ngữ nghiệp. Xem xét quyết định hai tư duy vì tương ứng với ý, vì ý tác động, nên gọi là ý nghiệp. Bất luật nghi kia chỉ là hữu lậu, nghiệp trong xứ kia.”

Có nghĩa: “Chỉ có hữu lậu, Phật v.v... tất cả năm uẩn vô lậu đều thuộc về luật nghi; pháp lành vô lậu đều đáng làm phép tắc.”

Trong chỗ có nghĩa: cũng chung cho vô lậu; vì vô lậu khác và việc lành khác của Phật chung là phép tắc kia, nên giải thích trước là thích đáng, vì pháp lành vô lậu đều đáng làm phép tắc, nên không đồng với Tiểu thừa. Nếu là nghiệp luật nghi thì chắc chắn chung cho vô lậu, thì sẽ thừa nhận Phật v.v... cũng có hai biểu vô lậu, nên luật nghi biệt giải thoát kia và một phần vô biểu trong xứ, do khéo tư duy đối với hạt giống, nên có công năng đề phòng giới ác của thân, ngữ và phát công năng giới thiện thân, ngữ làm thể. Bất luật nghi kia và một phần vô biểu trong xứ, do tư duy bất thiện đối với hạt giống, có phát công năng bất thiện của thân, ngữ, ngăn chặn công năng giới thiện của thân, ngữ làm thể.

Vô biểu trên đây dù thiện, ác khác nhau, nhưng đều y cứ vào tư duy công năng riêng của hạt giống để lập. Do nguyên chế phục tư duy có phân chia giới hạn, nhận lấy công năng riêng, nên Duy thức chép: “Nhưng dựa vào tư duy giới hạn phần nguyên thiện ác, giả lập vô biểu, đối với lý đâu có trái?” Lại, chép: “vô biểu này hoặc y cứ vào vị tăng trưởng tư duy hạt giống lành, dữ của thân, ngữ vượt hơn để lập”.

Du-già, Thành Nghiệp nói đều giống nhau. Kinh Niết-bàn chép: “Bồ-tát có giới dù không phải sắc hình mà có thể hộ trì, dù không có xúc đối, khéo tu phương tiện có thể được, đầy đủ y cứ đồng với ở đây”. Lại, Niết-bàn quyển 34 chép: “Xưa, Vương tử Bồ-đề đã nói thế này: “Nếu có tỳ-kheo hộ trì giới cấm, nếu khởi tâm ác, thì phải biết rằng lúc ấy đã mất giới Tỳ-kheo”. Lúc bấy giờ, ta nói: “Vương tử Bồ-đề! Giới có bảy thứ, từ thân, miệng có sắc vô tác, vì nhân duyên sắc vô tác này, nên tâm Tỳ-kheo kia dù ở trong ác, nhưng trong vô ký không gọi là mất giới, cũng gọi là giữ giới”.”

- “Vì sao gọi là sắc vô tác, chẳng phải nhân sắc thật không tạo ra nhân quả của sắc thật?”

- “Các đệ tử ta nghe thuyết này xong, không hiểu ý ta, bèn nói rằng: “Phật nói có sắc vô tác”.”

Tát-bà-đa dựa vào thuyết này, có sắc vô tác thật, ở kinh khác, ta đã nói lời như vậy: “Giới: tức là ngăn cấm pháp ác; nếu không làm ác, thì gọi là giữ giới”. Các đệ tử của ta nghe thuyết này, không hiểu ý ta,

bền chấp rằng: “Như Lai quyết định nói: “Không có sắc vô tác”, nên Kinh bộ v.v... nói: “Không có sắc vô tác”.”

- “Ý kinh kia nói: “Do phát tư duy của sắc nghiệp thân, ngữ, là công năng ngăn ngừa sắc giới ác của thân, ngữ, nên huân tập hạt giống thành ra sắc của giới vô tác, do suy nghĩ hạt giống này, đề phòng dụng của sắc ác, vì thường nối tiếp nhau, nên tâm dù lập ra trong ác, vô ký, cũng không gọi là mất giới. Đây là ngăn ngừa thân, ngữ ác tư duy hạt giống, vì giả gọi là sắc, nên không tạo ra nhân duyên hạt giống của sắc thật, sinh ra hiện sắc, cũng chẳng phải là thật chủ thể tạo, đối tượng tạo sắc, đều có nhân quả đồng loại, chẳng phải từ sự sinh kia, vì không sinh ở chỗ kia, nên nói là có thật sắc vô tác, vì không hiểu ý. Suy nghĩ hạt giống này, đã sinh hiện hành, vì phát ra thân, ngữ, nên giả gọi là Sắc. Ngăn cấm đối với pháp ác, gọi là Giới.

Nếu nói không có giới vô tác, thì cũng vì không hiểu ý, nên biết không có thật, có sắc giả, gọi là hiểu ý, chính là hợp với văn này; vô biểu tĩnh lự do pháp nhĩ tất cả định hữu lậu trong mười bảy địa của hai cõi trên, đều hiện hành trong suy nghĩ, có đề phòng công năng của giới ác cõi Dục làm thể, vì thuyết này nói đều có luật nghi tĩnh lự ngoài giới vô lậu, nên Đối pháp nói: “Vì sắc thô của cõi Vô Sắc không có, nên đã lược bỏ không kiến lập luật nghi giới sắc, dù ở địa Vô Sắc thật có giới định, nhưng không nói có, nghĩa là vì lược bỏ không lập, nên luật nghi vô lậu, do pháp nhĩ, tất cả đạo vô lậu sở hữu của địa trên, đều có hiện hành trong suy nghĩ, có công năng đoạn trừ các phạm giới cõi Dục, chẳng phải dùng công năng làm thể, hai cõi, mười địa tùy thuộc thích ứng mà có, thể của hai giới này đều hiện hành tư duy, vì tùy thuộc ở tâm chuyển biến.”

Thành Duy Thức chép: “Hoặc y chỉ suy nghĩ hiện hành ác của thân, ngữ ở trong định mà lập; vô biểu khác đều không tùy thuộc tâm. Có tâm, không có tâm, tùy thuộc vào tâm tánh nào, mà nhất định thành tự? Chỉ dựa vào hạt giống lập, vì công năng tạo tác nghĩa là tư duy, vì nghiệp là tạo tác, nên chỉ nhận lấy tư duy không y chỉ pháp khác, do tất cả giới biểu, vô biểu này đều y cứ ở tự lập.

- **Thứ ba, là phân biệt giả, thật:** Nếu hai nghiệp, ba nghiệp biểu, vô biểu, thì đều là giả lập, nhưng vẫn có khác nhau; Hai nghiệp thân, ngữ giả; Thể của phương biểu thật là sắc biểu, chẳng phải là tánh nghiệp.”

Hiển Dương v.v... chép: “vì hai nghiệp thân ngữ biểu hiện thiện,

ác nên giả gọi là thiện, ác, vì thật là vô ký, nên không thể chiêu cảm quả dị thực ở đương lai; vì từ nghiệp là giả, nên Duy thức chép: “Hoặc thân, ngữ biểu vì do tư phát, nên giả nói là nghiệp.

Luận Hiển Dương quyển 53 chép: “Tất cả nghiệp biểu đều là giả có. Nghiệp ấy phát ra tư của hiện hành thân, ngữ, thật là tánh nghiệp, vì chiêu cảm quả dị thực mà không phải thân, ngữ, cũng không phải là biểu, cũng không phải là sắc, giả gọi sắc của thân, ngữ biểu.

Đối tượng phát là biểu, vì đối tượng ngăn ngừa, đối tượng phát khởi đều là sắc, nên tư giả gọi sắc. Vô biểu sắc kia, thật là vô biểu, vì không có đối tượng biểu thị, mà thể chẳng phải sắc, cũng từ đối tượng phát khởi, đối tượng ngăn ngừa, giả gọi là sắc, nên Hiển Dương chép: “Sắc của các luật nghi y cứ vào pháp không hiện hành để kinh luận tánh sắc; vì tánh sắc này từ đối tượng ngăn ngừa, nên gọi là sắc; vì quyết định, nên sắc của bất luật nghi y chỉ pháp hiện hành, để kiến lập tánh sắc, vì định phát ra thân, ngữ. Tuy nhiên Duy thức chép: “Tánh này hoặc y cứ vào phát ra vị làm thêm lớn suy nghĩ hạt giống lành, dữ của thân, ngữ vượt hơn để lập. Ở đây có hai nghĩa:

1/ Vô biểu biệt giải, có công năng huân tập tư hiện hành ở vị đầu tiên, vì cũng có phát thân, ngữ nên luận Hiển Dương, y cứ vào quyết định rằng: “Y chỉ không hiện hành, nhằm lập ra tánh sắc”. Duy thức y cứ vào biệt giải thoát, vì cũng có đối tượng phát, nên không trái nhau.

Duy thức lại chép: “Nhưng y cứ vào giới hạn thiện, ác của suy nghĩ, nguyện để giả lập vô biểu, nên đều giả có.”

Luận Hiển Dương quyển 18 chép: “Bảy việc không có thật. Vì luật nghi thứ sáu, bất luật nghi thứ bảy, nên biểu, vô biểu, đều là giả lập, đồng với luận Thành Nghiệp.”

- Thứ tư, chi có đủ bao nhiêu: Chi có hai nghĩa:

1/ Nghĩa của phần chi.

2/ Nghĩa của loại chi.

Nghĩa của phần chi: Tức môn phước, lập. Nghĩa loại chi: Tức nghĩa loại thể.

Nghĩa của phần chi: luận Hiển Dương quyển 53 chép: “Thuộc về bốn chi của luật nghi Bí-sô:

1) Chi thọ cụ túc. Nghĩa là tác biểu bạch Yết-ma thứ tư và lược nhiếp thọ thuận theo học xứ thô. Vì đủ chi thọ này, nên gọi là Bí-sô đầu tiên đủ giới Bí-sô. Ý này tức rõ ràng: Đầu tiên, thọ giới cụ, tác bạch làm Yết-ma thứ tư, nói bốn Ba-la-di v.v..., biểu thị người thọ giới ý ưa thích

rộng khắp, thân ngữ đã được đều có chỉ, tác, gọi là chi đầu, mới thành Bí-sô nên mười giới, sáu pháp; quy y nói tương đều tức là chi đầu.”

2) Thọ tùy thuộc pháp học xứ, từ thọ đầu tiên về sau, đối với Biệt giải thoát của Tỳ-nại-da, đã có thuận theo thi-la của Bí-sô.

Nếu đa số Học xứ đã dẫn kia, đối với tất cả người đã thọ kia đều giữ gìn vâng làm, thì sẽ do đây, được gọi là luật nghi biệt giải thoát thủ hộ. Ý này liền hiển bày. Từ thọ giới về sau, luật Tỳ-nại-da rộng, trong biệt giải thoát giới bốn, thuận theo pháp giới đã thọ. Nghĩa là các tánh chỉ, trì v.v..., giới ngăn cấm. Và các tánh tác, trì đã dẫn kia, giới ngăn cấm giữ gìn, vâng làm. Giới cần sách, cần sách nữ của chánh học kia và ba ngàn oai nghi v.v... đều thuộc về giới này.

3) Tùy thuận giữ gìn chi tha tâm, do thành hai phép tắc trước đây đủ, sở hành đầy đủ, ý này liền rõ ràng, đi, đứng, ngồi, nằm v.v... đúng như pháp oai nghi, gọi là phép tắc đầy đủ, không đi vào nhà người tại gia, và như bước đi của trâu đầu đàn, voi đầu đàn... Nhà bán rượu, vương gia, Chiên-trà-la, nhà Yết-sĩ-na... đều không nên đến, gọi là sở hành đầy đủ, tức một mình với người nữ ở chỗ vắng vẻ, che khuất, nơi có thể hành dâm, ngồi, nói chuyện phi pháp...

4) Tùy thuận giữ gìn, như chi sở học xứ, đối với tội vi tế, thấy rất sợ sệt. Trong các học xứ, ở chỗ sở học, thường không hủy phạm. Dù cho phạm phát ra nhanh chóng. Nghĩa là do thấy sâu, sợ sệt và vì thông tuệ. Ý trong đây nói: Vì sợ sệt và vì thông minh, nên rất sợ các tội mà không dám trái phạm. Dù cho phạm phát ra, nay, tất cả giới tương, tánh, giá trong luật phân biệt này, đem so sánh mà luận nói là để làm chi, nên do bốn chi này, những người xuất gia, đối với giới tánh, già đều hộ trì không giảm, không thêm, ở đây nói đại giới, nên lược làm bốn.

Du-già Bản Địa Phần Thanh Văn Địa quyển 22, và Hiển Dương quyển 7 đều nói có bảy chi, như trong luật thuyết minh: “Nếu thi-la của các Bí-sô đã thành thực là trụ thứ nhất; thủ hộ luật nghi biệt giải thoát là thứ hai; phép tắc đã vâng hành đều đầy đủ là thứ ba, thứ tư; đối với tội vi tế thấy rất sợ sệt là thứ năm. Thọ học Học xứ là thứ sáu, gọi là giới cụ: Thứ sáu kia tức Sơ, Nhị ở đây; thứ ba, thứ tư, kia tức thứ ba ở đây. Thứ nhất, thứ hai, thứ năm kia, là thứ tư ở đây. Thể tánh của sinh số thêm, bớt không có khác. Tương của ô chi này, rộng như Hiển Dương quyển 7... đã giải thích, thuộc về ba chi luật nghi cận sự:

1/ Thọ chi viễn ly, tổn hại người, tức là sát sinh, tổn hoại tài sản của người.

2/ Thọ chi viễn ly tổn hại mình, người, tức là phi phạm hạnh, do

lìa phi phạm hạnh này, không nhiễm vợ mình, không nhiễm vợ người, chẳng phải như cận sự, phải ly khai vợ mình.

3/ Chi trái việc đã thọ tu hành lại, tức lìa nói dối.

4/ Chi không vượt qua trụ chánh niệm đã thọ, tức là ba thứ:

- Ca múa hát, hòa nhạc; thoa hương, đeo tràng hoa.

- Ngồi trên giường cao rộng lớn.

- Ăn phi thời.

Ba thứ này thường đã tập quen. Nếu lìa phi phạm hạnh kia, thì thường tự nhớ nghĩ: “Nay ta an trụ quyết định trai giới, đối với tất cả thời, giữ chắc chánh niệm, như người con chí hiếu, v.v... lìa các dụng cụ nhạc, không nhận giường lớn, xa lìa các kiêu ngạo, không thường ăn uống, tinh khiết hóa mình, nhớ, giữ, ấy là vì trụ trong giới, nên đối với giới đã thọ, không vượt qua chánh niệm.

5/ Chi không làm hư hoại chánh niệm, tức bỏ các thứ rượu, mọi sự buông lung, người kia dù an trụ trong chi chánh ức niệm, nghĩa là nay ta trụ quyết định trai giới. Nếu bị các thứ rượu làm cho say, ấy là phát điên loạn, vì không tự tại chuyển vận, cho nên ngăn cấm.

Trong đây, các giới của năm chúng xuất gia, hợp lại một chỗ để nói:

Giải thích chi trên, trong Hiền Dương quyển 53 có nói: “Nay ở trong đây, hoặc luật nghi Bí-sô ni, hoặc chánh học, Cần sách, Cần sách nữ, đều thuộc về phẩm xuất gia, phải biết thuộc về luật nghi Bí-sô. Lại nữa, thể của giới học v.v..., dù hẹp, nhưng đều hộ trì, đồng với Bí-sô, nên hợp nói năm chúng trong phước, lập. nếu luật nghi cận sự nữ, vì thuộc về địa phẩm tại gia, vì tương tự với Học đã rõ ràng. Phải biết rằng, thuộc về luật nghi cận sự, không nói tính lự và giới mà bậc Thánh ưa thích và bất luật nghi; giới trong xứ như mười điều lành, v.v... chi đủ nhiều, ít”. Ý trong đây nói: “Trong giới bảy chúng, nói về loại riêng kia, không đồng lý do, chẳng phải trong giới khác, có sự thêm bớt này. Vì giải thích lý do này, nên nói về phần chi. Nếu nói loại chi đều phải nói riêng, thì trong Bí-sô-ni kia, chánh học, cần sách nữ chia làm ba; Bí-sô chia làm hai. Và khai, hợp giới cận trụ, cần sở chứng v.v..., trong hỏi, đáp dưới đây, tự nên giải thích rộng. Phần chi nói trên”.

- “Loại chi, là sao?”

- “Giới Bí-sô, Bí-sô-ni kia, chỉ có luật nghi bảy chi: thân ba, ngữ bốn. Ý ưa thích của tâm Bí-sô v.v..., vì ngăn chặn khắp tội tánh sắc, nên tương nghiệp thân, ngữ dù là vô cùng, nhưng y cứ vào căn bản trọng, thì đều thuộc về bảy, vì không quá bảy, nên pháp khác chỉ vì giữ gìn giới

này mà thọ, không có loại riêng, nên kinh Niết-bàn chép: “Giới có bảy thứ: từ thân, ngũ sinh ra vô tác, nhưng chung cho sự ngăn ngừa căn bản gia hạnh kia. Về sau, khởi ba thứ, về nghĩa cũng có thể nói đều ngăn ngừa ba đời: Đối với pháp hiện tại, lập ra quá khứ, vị lai. Vì đã ngăn ngừa pháp hiện tại, nên về nghĩa ngăn ngừa ba, không đồng với Tiểu thừa. Vì Tiểu thừa kia chỉ ngăn ngừa hữu tình, nên nghĩa ngăn ngừa này không đúng. Hai tâm đạo, định sinh, tức thuận với lý mà làm lợi ích chúng sinh, vì pháp nhĩ phá ác, nên cũng đủ bảy. Đã không có chi ngăn ngừa, cũng có thể nói rằng, chung cho đề phòng căn bản gia hạnh của ba thời gian; về sau sinh khởi là quấy. Nếu khi sinh khởi sai quấy kia, vì ba thời gian đều diệt, nên cũng có thể nói rằng phá ác ba đời”.

Hai loại trên đây, thật sự chỉ ngăn ngừa hiện tại vì hai đời quá khứ, vị lai không có tự thể, nên về nghĩa có thể chung. Giới, định chỉ căn bản, vì tánh chắc chắn đối địch, nên Cần sách, Cần sách nữ và chánh học, cận sự, cận trụ, đều chỉ có bốn chi: Thân ba, ngũ một. Nghĩa là không nói đối, khiến cho ý ưa thích học dần của họ sinh khởi, lại không thọ nhiều giới bốn tánh này, giới khác vì ngăn ngừa lỗi quấy này có “tự thể” riêng, do tất cả giới xuất gia ở trên đã là đồ dựng đạo, tất nhiên, cần thọ cụ, trì giới cụ mới thành. Cận sự, cận trụ thì không như thế, vì phương tiện khuyến dụ.”

Hiển Dương quyển 53 chép: “Luật nghi thuộc về một trăm hạnh, nghĩa là đối với mười thứ đạo nghiệp bất thiện, xa lìa phần nhỏ, xa lìa phần nhiều; xa lìa toàn phần; xa lìa một ít thời gian, xa lìa nhiều thời gian, xa lìa suốt đời; tự xa lìa, khuyên người khác xa lìa; khen ngợi xa lìa, chúc mừng, vui lòng xa lìa, đây gọi là một trăm.”

Đã nói luật nghi, vì thừa nhận có thời phần ít nhiều mà lìa, nên biết cận trụ, cận sự, hai giới có thiếu, có hoàn toàn, thọ và trì một phần, cũng thành cận sự v.v... Tạp Tập quyển 8 chép: “Hỏi: “Nếu chỉ tu học một phần học Ổ-ba-sách-ca, là vì nói thành tựu luật nghi Ổ-ba-sách-ca hay vì nói không thành tựu?””

- Đáp: “Nên nói thành tựu mà gọi là phạm giới. Đây là nói sau khi thọ cụ, ấy là vì giữ một ít, nên trở thành phạm giới, chứ không phải đầu tiên thọ một ít mà về sau giữ giới một ít mà được gọi là có phạm. Vì trước đã không thọ, thì sau làm sao phạm được? Nên biết thọ thiếu thọ đủ, vì về sau, giữ đủ và giữ thiếu, cũng sẽ trở thành hai thứ”.

Nghĩa là: “Cận sự đầu tiên, dù đã thọ giới hoàn toàn, nhưng có thể một phần giữ thành tánh cận sự. Đã nói thành tựu mà gọi là phạm giới, nên biết có thể một phần giữ giới, chẳng phải không hoàn toàn thọ; cận

trụ thì không phải như vậy, vì thời gian gấp rút, thọ trì hoàn toàn đủ.”

Câu-xá quyển 14 chép: “Vì bảy nhân duyên, nên thọ luật nghi cận trụ, bài tụng chép:

*“Cận trụ lúc sáng sớm
Hạ tọa thọ từ thầy Theo
giáo nói đủ chi Là
trang sức ngày đêm
Một chủ yếu sáng sớm
Một ngày đêm giữ gìn.”*

1/ Nếu trước đó có yêu cầu thọ vào ngày mồng tám trong tháng, thì sáng sớm, có duyên trở ngại, đến lúc thọ trai xong, cũng được thọ.

2/ Ở tòa thấp kém, chỉ trừ bệnh, v.v...

3/ Phải theo thầy.

4/ Nên theo sự dạy bảo của thầy, về sau nói không đồng năm giới. Vì ở đây không hỏi, đáp, vì theo thầy liên hoàn mà thọ giới.

5/ Thọ đủ tám chi, mới thành cận trụ.

6/ Phải bỏ trang sức, kiêu hãnh, buông lung, như người mới thọ.

7/ Tất nhiên phải ngày đêm, cũng đến sáng sớm, lúc mặt trời mới mọc.

Nếu không y pháp thì chỉ được diệu hạnh, không được luật nghi. Nay, thì không phải như vậy, vì chỉ có sáu duyên. Không có nghĩa phải theo thầy, như dưới đây sẽ nói:

Luận chép: “Cận sự có một phần v.v..., không cần đủ chi.”

Luận Trí Độ chép: “Người thọ một giới, gọi một phần Ưu-bà-tắc; nếu người thọ hai, ba, bốn giới, thì sẽ gọi là nhiều phần Ưu-bà-tắc; người thọ lãnh đủ năm giới, gọi mãn phần Ưu-bà-tắc”. Lại, Niết-bàn quyển 35 chép: “Thuở xưa, khi ta đang ngự tại khu rừng Ni-câu-luật-đà ở Ca-tỳ-la-vệ. Thích-ma-nam-lai đến chỗ ta, nói như vậy: “Thế nào gọi là Ưu-bà-tắc? Ta liền nói: “Nếu người thiện nam, thiện nữ nào! Các căn trọn vẹn, thọ ba quy y, đây gọi là Ưu-bà-tắc.” Thích-ma-nam nói: “Thế nào gọi là một phần Ưu-bà-tắc?”

Ta nói: “Nếu thọ ba quy và thọ một giới, đó gọi là một phần Ưu-bà-tắc”. Các đệ tử ta nghe ta nói lời này xong, không hiểu ý ta, nói: “Như Lai nói giới Ưu-bà-tắc, không thọ trì đủ”, vào một lúc nọ, ta đang ở bên bờ sông Hằng”, lúc bấy giờ, Ca-chiên-diên đến chỗ ta, nói lời như vậy: “Bạch Đức Thế Tôn! Con đã giáo hóa chúng sinh, bảo chúng thọ pháp trai, hoặc một ngày, hoặc một đêm; hoặc một giờ, hoặc một niệm. Người như thế, có thành trai hay không?” Ta nói: “Tỳ-kheo! người ấy

được điều lành, không gọi là trì trai”. Các đệ tử ta nghe ta nói xong, không hiểu ý ta, bèn nói: “Như Lai nói phải thọ đủ tám giới trai mới được.””

Y cứ vào văn kinh kia, Đức Thế Tôn trước kia đã nói: “Nếu người đã thọ ba quy và thọ một giới, thì gọi là nhất phần Ưu-bà-tắc, là giới cận sự. Nếu giới cận trụ có một phần ấy, thì đó là không hiểu ý ta”. Về sau, nói: “Nếu chỉ một ngày, không có đêm, hoặc chỉ một đêm, không có ngày; hoặc một giờ, hoặc một niệm, đều không thành trai, mà chủ yếu là phải hết một ngày, một đêm, không ăn phi thời, giữ gìn thì thành trai, ta chỉ nói: “Trai, phải hết một ngày đêm”, đệ tử không hiểu, phải đủ tám chi, mới thành trai.”

Thế nên biết: Giới cận trụ không thọ đủ thì không được; giới cận sự không thọ đủ, thì được. Sư trước tức dùng văn này làm chánh, cận sự, cận trụ đều chung cho thọ đủ và không thọ đủ, tất cả đều được. Nói không đủ được, gọi là không hiểu ý ta, nghĩa là vì dẫn dắt sơ sơ nên cho phép thọ một phần, chẳng phải dẫn phát căn cơ đã lâu, cũng thọ một phần, hóa độ dần dần sao cho phải thọ đủ giới, nên chỉ thọ một phần, không có thọ toàn phần, gọi là “không hiểu ý”. Nếu phải thọ toàn phần, không thọ một phần, thì cũng không hiểu ý.

Luận Đối pháp, lại y cứ vào thọ đủ, giữ ít, không phải giá (ngăn cấm) cũng có thọ một ít, giữ một ít, do đây, so sánh mà biết bất luật nghi cũng có đủ bảy chi và chi thiếu nghĩa là thế gian hiện thấy mời đón, trông mong suốt đời, chỉ làm việc sát sinh mà tự sống còn, chưa hẳn đều đủ bảy đạo nghiệp ở trước, há thế gian kia chẳng phải là bất luật nghi ư?

Luật nghi đã như vậy, đối lập với luật nghi, khẳng định là như thế. Thọ trì, nguyện suốt đời, gọi là Bất luật nghi, chỉ dù suốt đời không mời đón trông mong, nghĩa là thuộc về trong xứ.”

Có nghĩa nói: “Bất luật nghi, chủ yếu đủ bảy chi, pháp ác dễ thành, vì ý ưa thích rộng, vì thuận theo cũng thực hành bảy việc kia. Nếu không đủ bảy, thì dù có vọng trông mong suốt đời, nhưng vẫn thuộc về trong xứ, không đồng với luật nghi, tất nhiên, luật nghi sẽ khó thành, vì ý ưa thích khó rộng, nên có chi thiếu; bất luật nghi thì không phải như vậy, nên làm sao đủ bảy chi.”

Trong hai cách giải thích này, tùy thuộc ở tình lấy, bỏ đạo nghiệp trong xứ nhiều ít không nhất định, thuận theo nguyện ưa thích của người thọ giới kia mà làm việc. Do đây, cũng y cứ khi cận sự được ít, lúc cận trụ được nhiều, khi phần nhiều, phần ít, là nhiều. Khi thời gian ít, cái gì

gây chướng ngại giới của họ? Chỉ đến sáng sớm, chủ yếu đến khi qua đời mới được bỏ, y cứ vào nghĩa được thành luật nghi mười điều lành; giới của người xuất gia thì không phải như vậy, vì chẳng phải nhiếp thọ đầu tiên, phân biệt, lựa chọn mới lấy làm đồ dựng đạo.

Có nghĩa không như vậy, vì thọ riêng cận sự, không có thời gian ít; cận trụ không có thời gian nhiều; phần ít, phần nhiều đều khác với luật nghi trăm hạnh. Cuộc hạn của phần này, cận sự chỉ có xả suốt đời; cận trụ chỉ có xả lúc mặt trời mọc, vì không chấp nhận thời gian khác. Nếu lẫn lộn trong giới Bồ-tát đã có thể như vậy, nay giải thích không phải như vậy. Vì luận y cứ vào công hạnh chung của ba thừa, khiến cho người thọ không hiểu, phần nhiều vì luận không nói, người thọ giới, có ý nghĩ ưa thích ngắn, dài khi xả giới.”

- “Vì sao chấp nhận có giữ giới phần ít, mà không chấp nhận thọ trong thời gian ít. Luật nghi mười điều lành kia gồm thâu chung chúng ban đầu, tức chấp nhận phần nhiều, ít...? Vì sao cận sự v.v... lại không như vậy?”

- “Thuyết trước nói là tốt, mười điều lành, tức là đạo nghiệp lành, đã thừa nhận ý có vô biểu, tức có đủ mười chi. Vì luật nghi Bồ-tát chế ra mười chi, vì đối trị với tánh tội. Chi sắc chỉ bảy. Ba chi sau chẳng phải sắc, vì giới Bồ-tát kia với tâm trông mong rộng, nên phải thọ đủ cũng chẳng phải dẫn dắt địa vị đầu tiên.”

- Thứ năm, giới hạn được, bỏ, trong đó có hai:

1/ Được.

2/ Bỏ.

Trong được lại có hai:

1/ Được duyên.

2/ Thời tiết.

Được duyên lại có hai”

1/ Duyên khác nhau.

2/ Duyên không có khác nhau.

Duyên khác nhau đầu tiên chỉ ở giới biệt giải thoát đầy đủ, không có duyên khác nhau, chung cho tất cả.

Duyên khác nhau có hai:

1/ Được duyên biệt giải thoát đầy đủ.

2/ Yết-ma được duyên biệt giải thoát

Duyên đầu chung cho Phật và đệ tử. Yết-ma chẳng phải Phật và Độc giác, nhưng cả hai đều chung cho hữu tình, diệt sau. Và lại, được

duyên biệt giải thoát đầy đủ, các giáo khác nhau, bốn luật, năm luận, các tông đều nói khác. Bốn luật: một là luật Thập Tụng, là tông Tát-bà-đa, đồng với Câu-xá quyển 14. Luật Tỳ-bà-sa và luận Tạp Tâm và Thuận Chánh Lý. Hiển Tông, Đại Tỳ-bà-sa, luật Thập Tụng chép: “Ở vườn trúc, Phật bảo các Tỳ-kheo! Có mười thứ thọ cụ túc:

1. Được tự nhiên. Nghĩa là Phật, Độc giác, ở giai vị tâm tận trí, tự nhiên được.

- Hỏi: “Vì sao thừa nhận có Sa-di La-hán được thần thông không có giới, mà không thừa nhận Độc giác cũng có thần thông, không có giới, đều tự nhiên được?”

- “Vì căn cơ nhạy bén.”

2. Được do thấy đế: Câu-xá v.v... nói: “Nghĩa là nhập chánh tánh ly sinh, tức năm Bí-sô”.

- Hỏi: “Vì sao Bí-sô đầu tiên nhập kiến đạo, có được giới đầu tiên; chư ni đầu tiên được vô kiến đế?”

- “Vì hơn kém khác nhau!”

- “Nếu vậy, thì lẽ ra do Đức Phật vượt hơn, nên đã được khi thấy đế?”

- “Vì đệ tử yếu kém, nên khi vô học mới được. Vì sao? Vì Phật và Độc giác chỉ khi Tận trí được; khi thấy đế, xoay bánh xe pháp lần đầu tiên là được, vì hiểu pháp đầu tiên lại thêm tin pháp, người khác thì không phải như vậy.”

3. Được do gọi thiện lai: Luận Câu-xá v.v... chép: “Phật bảo thiện lai. Nghĩa là Da-xá v.v... chỉ có Đức Phật tự làm, người khác không thể, vì đạo viên mãn cùng khắp.”

4. Được do tự thệ. Câu-xá... chép: “Tin Đức Phật là Đại sư, gọi là Đại Ca-diếp.”

- “Vì sao có bốn phần?”

- Ca-diếp tự nói rằng: “Phật kiến lập thọ cụ túc trên gốc lành, vì y cứ khác nhau. Người khác vì sao không tự thệ được? Vì đức tin không tăng thêm.”

5. Được do nghị luận. Câu-xá v.v... nói: “Giải đáp khôn khéo câu hỏi. Nghĩa là Tô-đà-di, mới lên bảy tuổi, Phật hỏi rằng: “Nhà của con ở đâu?” Tô-đà-di đáp:

- “Phật nói: “Ba cõi không có nhà”. Đức Phật khen rất thông minh khéo đáp câu hỏi. Mặc dù chưa đủ tuổi, nhưng Phật bảo tăng truyền giới cho, chẳng phải do khi đáp, tức thì được giới.”

- “Vì sao Thu-tử, Phật không bảo như vậy?”

- “Vì dạy thiện lai.” Trong Tây Vực Ký chép: “Mục-liên, Thu-tử đều được thiện lai”.

6. Thọ trọng pháp: Câu-xá v.v... nói: “Kính thọ tám pháp tôn trọng”, là Chủ Đại Sinh. Luật Thập Tụng chép: “Ưu-ba-ly hỏi: Ba-xà thọ pháp tôn trọng, tức là xuất gia thành Tỳ-kheo ni; còn các ni khác thế nào?”

- Phật nói: “Nên hiện tiền tác bạch bốn lần Yết-ma.”

- “Nếu vậy, lúc chúng chưa đủ, thì chư ni làm sao ở thời sau được giới?”

- Đáp: “Đã cho pháp lúc đầu thọ tám pháp tôn trọng, lại có ni khác, ấy là trái với Thập Tụng bảo phải làm Yết-ma.”

- “Sư Tát-bà-đa, giải thích ra sao?”

- Luận Tát-bà-đa này nói: “Trước mười bốn tuổi, thì dùng tám kính pháp độ người nữ; sau mười bốn tuổi, dùng Yết-ma để độ, ấy là không có lỗi này.”

Luật Ngũ phần cũng nói: “Năm trăm chúng ni cũng được tám kính pháp”.

7. Được do sai người: Câu-xá v.v... nói: “Nghĩa là pháp truyền trao cho ni”. Luật Ngũ phần nói: “Bán-ca-thi, dâm nữ muốn đi qua trụ xứ Lan-nhã, để xin thọ cụ giới. Bọn giặc muốn chặn đường bắt dâm nữ kia. Khi nghe việc này, dâm nữ không dám đi. Phật ở xa nghe, cho phép sáu người thọ cụ giới thay, trước hết, tác bốn pháp trong chúng ni xong, sắp đặt người thọ giới ở một chỗ, đem mười chúng ni đi qua chỗ Lan-nhã, lễ dưới chân chúng tăng. Sư Yết-ma ni theo tăng xin giới, sư Yết-ma tăng, cho đến tác bạch bốn lần Yết-ma xong. Sau đó, Hòa-thượng A-xà-lê dẫn chúng ni mười vị trở lại chỗ cũ, gọi người thọ giới, bảo phải lễ dưới chân chúng; ở trước sư Yết-ma, quỳ xuống chắp tay, được chúng tăng bạch bốn lần Yết-ma, sao cho người thọ giới kia nghe xong, nói đủ hai tám, hai bốn, nghĩa là tám đọa, bốn dụ, tám không thể vượt qua, và bốn y, cho đến người chưa biết ở chỗ khác. Hòa-thượng phải vì nói tám biên, năm đắc. Câu-xá v.v... chép: “Trì luật là người thứ năm”.

Về người thứ năm này, có cách giải thích: “Vì không có chư tăng, nên ít nhất cũng có năm; Bốn vị thì thành tăng:

Vì một người Yết-ma, nên gọi trì luật là người thứ năm, Hòa-thượng không nhập trong số đó, đồng với luận tăng-kỳ, nếu bớt thì sẽ không thành, vì thiếu sự pháp.

Đã thế, thì nên bốn vị Yết-ma, một người biểu bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ba vị còn lại chẳng phải tăng. Hoặc nên bạch tự, do chủ

yếu bốn người mới thành tăng, nên một trong năm vị giữ nhiệm vụ Yết-ma, một vị làm Hòa-thượng, Yết-ma nhắc tên họ, thể của ba vị tăng còn lại, vì thích đáng đã hòa bạch, nên ở biên địa, ít nhất cũng năm người để làm các pháp sự.”

Luận Ma-đặc-lặc-già chép: “Ở biên địa có nhiều tăng, chỉ cần năm vị, thì được gọi thọ cụ. Tăng được quả tội, chín Yết-ma”. Luận Câu-xá chép: “Chúng mười vị là nói ở giữa nước, luật kia là nói chung, vì tăng, ni được giới, nên nói là Yết-ma, vì trong ni thọ hai bộ rất ít, mỗi bộ cũng cần mười vị. Vì “duyên” phạm giới nhiều, tất nhiên phải hai bộ đối thọ, mới được phân biệt lựa chọn đối tượng thích hợp, sao cho sinh hổ thẹn, không dám trái phạm, nên luận chỉ y cứ vào tăng, nói là mười chúng.”

Lại, y cứ vào luận nói hai bộ đều mười, gọi chung là chúng mười vị. Như ở biên địa năm, cũng không trái nhau.

Mười ba quy, Câu-xá v.v... chép: “Ba thuyết quy Phật, Pháp, Tăng nghĩa là sáu mươi bộ hiền, nghĩa là có sáu mươi loại chúng Hiền Nhân nhóm họp chung. Đức Phật sai các vị vô học nói cho nghe ba quy y, bèn được giới cụ túc.”

Tỳ-ni Mầu chép: “Các A-la-hán dạy bảo cạo tóc, nhuộm y, nhờ nương tựa Tam bảo, tâm quy y thành, liền phát cụ túc, nên gọi là ba quy y được, cũng gọi là ba ngữ được.”

- “Vì sao các ni không có ba quy được?”

- “Vì không có chúng hiền, hai là luật tứ phần là bộ Pháp tạng, có năm thứ đặc giới:

1/ Thiện lai,

2/ Thượng pháp, xưa nay tương truyền giải thích, cho rằng thành vô học, chứng diệt hữu dư, gọi là Thượng pháp, liền được đặc giới, nên Tứ Phần chép: Nếu tu đạo thành thành quả A-la-hán, thì gọi là xuất gia thọ giới cụ túc. Sa-di La-hán chẳng phải nghĩa của tông này.

3/ Ba quy y.

4/ Tám kính.

5/ Yết-ma.

Ý của tông kia nói: “Tự nhiên tức pháp thượng, được quả vô học, là thành thọ cụ, nên không chỉ thuộc về Phật và Độc giác. Thấy đế kia được tức là thiện lai. Trong luật có chép: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị bàn với nhau: Ca-diếp không bằng Kiều-trần, Thiên Lai thọ giới, không bằng Bạt-kỳ-tử ba quy, thọ giới ở Tỳ-xá-ly; cũng không bằng Bà-lô-Ba-tư-na Yết-ma thọ giới, sao Ca-diếp bố-tát Yết-ma với các Tỳ-kheo?”

- Đáp: “Ta ở bên tháp Đa-tử, Thế Tôn đã xây dựng cho ta gốc lành bậc nhất, trao cho giới cụ túc.” Đầu tiên thấy đế tức là Thiện lai, do đây, cũng không tin Phật là Đại sư.” Ca-diếp tự nói: “Vì được thượng pháp, nên hỏi đáp, khiến trừ, bên năm, giữa mười, đều làm Yết-ma, đều thuộc về Yết-ma, nên chỉ nói năm. Ba luật tăng-kỳ là Đại chúng bộ, bốn thứ đặc giới. Luật kia chép: “Thành đạo năm năm, Tỳ-kheo thanh tịnh. Từ đó về sau, dần dần làm việc sai quấy, tùy theo việc, mà lập ra bốn pháp thọ giới mộc-xoa, pháp cụ túc:

1/ Tự giác cụ túc: nghĩa là Phật tự giác, đầu tiên chứng Bồ-đề, khéo thọ cụ túc.

2/ Thiện lai: Phật tự giác xong, tại vườn Trúc lâm, bảo các Tỳ-kheo: “Như Lai ở các chỗ độ người, các thầy nên bắt chước Như Lai độ người!” Do đây, các Tỳ-kheo cũng khéo đến độ người. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thiện lai độ người không đúng như pháp, bị Thế Tôn quở trách. Ngài Thân tử yên lặng nêu để thỉnh Phật, đều gọi là Thiện lai có đúng pháp, không đúng pháp, làm sao khiến cho Tỳ-kheo khéo đầy đủ giới cụ túc, đều được đúng pháp?”

Nhân cơ hội này, Phật chế ra mười chúng, ba mươi chúng.”

Luật ấy nói: “Hòa-thượng trong mười chúng, không gọi là thọ cụ, phải có mười một vị”. Tứ Phần v.v... chỉ nói mười chúng, Hòa-thượng ở trong số đó, vị chúng bốn, năm. Luật kia tiêu biểu đầu tiên, dù nói bốn thứ thọ giới cụ túc, nhưng Ni Ái Đạo nói rằng: “Phật vì ni chế ra tám pháp, chúng ta có được nghe rộng rãi không?”

- “Đức Phật nói cho nghe đủ tám tướng. Trong tám tướng, sáu tướng đầu đồng với bốn phân biệt và hai pháp sau. Do lý này, suy ra, nên có thứ năm, thọ tám kính pháp. Nếu không như vậy, thì chư ni đầu tiên làm sao được?”

- “Vì trước kia, chỉ nói tăng, nên chỉ có bốn. Ý tông này nói: “Thấy đế, tin Phật là Đại sư, cũng tự giác được, vì được A-la-hán, thành thọ cụ. Từ Phật mà được gọi tên, gọi là Tự giác. Hỏi đáp kia, khiến trừ tín, không khác với mười ở giữa, vì đều có mười chúng, không có ba quy y được, cho nên không nói. Luật Tứ phần, Ngũ Phần là Hóa Địa Bộ, luật có có năm cách thọ cụ túc:

1/ Tự nhiên.

2/ Thiện lai.

3/ Ba quy.

4/ Tám pháp không được vượt qua.

5/ Yết-ma tám pháp không được vượt qua.”

Luật kia gồm có năm trăm chúng ni. Luật kia nói: “Vì người, mà chế tám pháp không được vượt qua. Nếu thực hành được thì tức là thọ giới cụ túc.” Đại Ái Đạo nói: “Nếu Phật nói tám pháp không được vượt qua, tôi và năm trăm ni sẽ cung kính lãnh thọ.”

Lại, Phật nói: “Ái Đạo và các ni Xá-di cũng được giới”. Ý tông này nói: “Thấy đế, tin Phật là đại sư, hai thứ đều tự nhiên được”. Hỏi đáp kia, trừ bỏ niềm tin năm bên cạnh, mười ở giữa, bốn thứ đều tức Yết-ma, không còn nói riêng. Tự nhiên trong đây với thọ cụ túc ở trên, về tên gọi dù khác, nhưng nghĩa, suy ra cũng hơi giống với Tứ Phần, năm luận thì khác:

Một: Luận Tỳ-ni mẫu: Hai chúng đều năm, chung tức là mười, Tỳ-kheo có năm:

- 1/ Thiệt lai.
- 2/ Kiến lập thọ cụ túc trên gốc lành, nghĩa là được quả A-la-hán.
- 3/ Dạy nghe, gọi là nghị luận, nói hạ liền được.
- 4/ Ba quy y, nghĩa là ba quy y.
- 5/ Yết-ma.

Thấy đế kia, tin Phật là đại sư, tự nhiên, đều thuộc về thượng thọ.

Năm bên cạnh, mười ở giữa, tức Yết-ma, Ni cũng có năm:

- 1/ Thiệt lai.
- 2/ Thượng thọ cụ túc.
- 3/ Pháp sư, nghĩa là tám kính pháp.
- 4/ Khiển tín.
- 5/ Yết-ma.

Gồm có bảy thứ:

- 1/ Thiệt lai.
- 2/ Thượng thọ.
- 3/ Dạy nghe.
- 4/ Ba quy y.
- 5/ Tám kính pháp.
- 6/ Sai người.
- 7/ Yết-ma.

Hai Yết-ma được luận Lạc-già, mười thứ được giới:

- 1/ Không có thầy, tức tự nhiên.
- 2/ Thấy đế.
- 3/ Hỏi đáp, nghĩa là Tu-đà-di.
- 4/ Ba quy y.

- 5/ Tự thệ: là Ca-diếp.
- 6/ Năm chúng.
- 7/ Mười chúng.
- 8/ Tám pháp tôn trọng, là đại sinh chủ.
- 9/ Sai người.

Mười hai bộ: là các ni. Tông này vừa quán đồng với Tát-bà-đa, nhưng không có thiện lai, lại bỏ tướng tục. Sau, lại cho thọ, năm biên, mười ở giữa, chỉ ở trong tăng, nên ni thêm chúng hai bộ, tức là mười chúng, hai mươi chúng.

Ba là luận Thiện Kiến, tám thứ đặc giới:

- 1/ Thiện lai.
- 2/ Ba quy y.
- 3/ Kính truyền, tức thấy đế. Nhân Phật dạy đã kính thọ lời Phật, ấy là đặc giới.
- 4/ Hỏi đáp.
- 5/ Thọ pháp tôn trọng.
- 6/ Sai người.
- 7/ Tám ngữ, nghĩa là ni trong hai bộ. Về nghĩa, tìm tòi, phân phát tín, tức mười hai ngữ.
- 8/ Bạch bốn lần Yết-ma. Bạch tứ tức là bốn ngữ.

Đây là nói đệ tử không có tự nhiên. Tin Phật là đại sư, tức Yết-ma, vì phải Yết-ma xong mới được giới. Hoặc tin Phật là đại sư, tức do kính mà thọ được, năm bên cạnh, mười ở giữa tức là Yết-ma.

Bốn là luận Tát-bà-đa chép: “Bảy thứ thọ giới cụ túc:

- 1/ Thấy đế.
- 2/ Thiện lai.
- 3/ Ba ngữ.
- 4/ Ba quy y.
- 5/ Tự thệ.
- 6/ Tám pháp.
- 7/ Bạch bốn lần yết ma.

Đây là nói vì đệ tử, nên không có tự nhiên. Ba ngữ tức sai người. Một đầu tiên này cho đến một ở kia, một ở tương lai sau. Mười ở giữa, năm bên cạnh hỏi đáp kia, đều bạch bốn lần yết ma. Đây là tông Tát-bà-đa, đồng với Câu-xá v.v..., với số thêm bớt khác nhau, thể tánh chẳng khác.

Năm là Luận minh liễu: “Ba thừa được hợp với giới, có chín viên đức. Viên đức là: Bốn mươi hai ngàn công đức đều đầy đủ, gọi là viên

đức. Thanh văn có bảy; Tỳ-kheo có bốn:

- 1/ Thiện lai.
- 2/ Ba quy y.
- 3/ Lược Yết-ma.
- 4/ Rộng Yết-ma.

Lược Yết-ma: Khi Phật mới thành, vì nghe pháp được giới, nên gọi là lược Yết-ma, tức thấy đẽ mà được. Đệ tử kia tin Phật là đại sư và nghị luận. Năm bên cạnh, mười ở giữa, đều thuộc về rộng Yết-ma. Ni có ba:

- 1/ Thiện lai.

2/ Sai người, tức pháp truyền trao cho ni. Kính tám pháp tôn trọng của Phật, sai A-nan xa truyền ngữ để trao giới.

3/ Rộng Yết-ma, tức sai người. Hai bộ v.v... Từ trước đến nay, bảy hạng Thanh văn đắc giới.

Thứ kế, công đức hữu lượng của Độc giác, cuối cùng được.

Thứ đến, công đức vô lượng của Phật cuối cùng được.

Hai thứ này đều tự nhiên. Trong Đại thừa không có văn giáo riêng nhiều phần, dùng mười thứ đắc giới của tông Tát-bà-đa. Nhưng kính thọ tám pháp không chỉ đại sinh chủ, không phải chỉ đồng với luận Tát-bà-đa kia, mà còn đồng với luật Ngũ phần.

Phật nói: “Ái Đạo và các ni Xá-di, cũng kính thọ tám pháp không được vượt qua giới.”

Trên đã được duyên biệt giải thoát cụ túc. Kế là Yết-ma được duyên biệt giải thoát. Từ xưa đến nay, tương truyền luật Tứ Phần có đủ bốn duyên.

Giải thích trong tám Tỳ-kheo:

1/ Yết-ma: Nếu Tỳ-kheo thọ đại giới, duyên đầy đủ số tăng.

2/ Bạch bốn lần Yết-ma, như pháp thành tựu, là duyên thành tựu giáo pháp.

3/ Được xứ sở: Kiết giới thành tựu, bên trong giới trường không có các duyên riêng.

Trong pháp Tỳ-kheo Tứ trụ, đầy đủ tuổi, thân không có duyên nạn chướng ngại, chủ yếu đủ bốn trụ này là đại. Tỳ-kheo được thành đại giới cũng tức trong năm pháp diệt tránh hiện tiền, trừ diệt tránh kia. Công việc đã làm riêng, nghĩa là đủ bốn hiện tiền:

- 1/ Có công năng gìn giữ tăng.
- 2/ Có công năng gìn giữ pháp.
- 3/ Có công năng giữ gìn nơi chốn của pháp, tức giới hiện tiền.

4/ Sự việc đã làm, nghĩa là người hiện tiền.

Nay, thọ giới này tức công việc làm riêng, nên đủ bốn thứ này thì có công năng phát giới.

Luật Tăng-kỳ chép: “Có sáu duyên tức là văn giải thích tám Tỳ-kheo”. Luận Tỳ-ni-mẫu nói có năm duyên:

1/ Hòa-thượng đúng pháp.

2/ Xà-lê như pháp.

3/ Bày tăng thanh tịnh.

4/ Văn xưng Yết-ma.

5/ Bên trong giới trường hòa hợp không khác.

Năm duyên này, thuộc về ba duyên đầu tiên trong bốn. Ba duyên đầu tiên là duyên thứ nhất. Kế là duyên một giáo pháp. Tiếp theo, duyên một không riêng. Nay, y cứ vào bốn duyên đầy đủ của Tứ Phần. Thân thứ tư trong bốn duyên trước, trong không có tai nạn chướng ngại.

Du-già quyển 53 chép: “Vì do sáu nhân, thành ra không nên vì truyền trao luật nghi Bí-sô, tức là giải thích lý do chướng nạn ngăn che kia, e văn dài dòng, đến sau sẽ giải thích; đối với số tăng bậc nhất trong duyên đầy đủ.”

Du-già lại nói: “Lại, trừ thiếu kém có thể làm Yết-ma, A-gia-lợi-da, Ổ-ba-thác-da, trụ giới thanh tịnh, tăng chúng viên mãn, ý nghĩa trong đây. Các Sư Thượng tọa bộ và Tát-bà-đa kia vì phạm trọng không xả giới, nên khi thọ giới, xà-lê, đại chúng, cần phải thanh tịnh, vì duyên vượt hơn hòa hợp với giới, phát giới, nên Hòa-thượng không nhất định thời lượng thọ giới kia, ngoại trừ Hòa-thượng, tên của người thọ giới kia, và tên các tai nạn, tên v.v... ba y, nếu không nêu lên có chỗ thiếu sót thì sẽ không đắc giới. Vì đại chúng xem xét có đối tượng thiếu sót, vì chẳng phải hòa hợp, nên danh của Hòa-thượng kia, ghi chép với không ghi chép và ở trong chúng, không ở trong chúng, nếu thanh tịnh hay không thanh tịnh, đều được giới. Đại chúng chỉ biết tên A ấy là Hòa-thượng, khiến Hòa-thượng kia ghi chép người đã thọ giới, chẳng phải chủ yếu vì duyên vượt hơn của phát giới, nhưng ghi chép đủ tên họ Hòa-thượng, thân ở trong chúng, giới thanh tịnh, thì không có tội. Nếu không ghi chép tên họ và không ở trong chúng mà biết Hòa-thượng không có giới, phá giới, cho người khác thọ giới, thì người ấy dù được giới, nhưng đại chúng hiện tiền phạm Đột-cát-la, Yết-ma chỉ nói: “Nay theo chúng tăng để xin thọ giới cụ túc, không nói từ Hòa-thượng, xin thọ giới. Dù cho Hòa-thượng, giới đức thanh tịnh, nhưng đại chúng, xà-lê có sự thiếu sót, giới đức có phạm, thì không đắc giới. Vì không có duyên vượt hơn

nên Chế Đa Sơn bộ v.v... đều đồng với thuyết này. Lại, có các bộ nói: “Chỉ Hòa-thượng thanh tịnh; đại chúng bất tịnh, cũng được đại giới, vì duyên vượt hơn của Hòa-thượng làm phát khởi tâm mọi người kia. Đại chúng chỉ hỏi han ủy thác người thọ giới, không có tội ngăn chặn, tai nạn, hòa hợp với chúng, khiến rơi vào số tăng, nên Yết-ma rằng: “Nay, theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, chẳng phải duyên phát khởi tâm vượt hơn của người thọ giới kia, đâu có chủ yếu ở sự thanh tịnh”.”

Luật Đại chúng bộ kia chép: “Hòa-thượng, Đại chúng, đều phải thanh tịnh thì mới được giới. Thân giáo của Hòa-thượng thật là duyên vượt hơn. Sự phát tâm vượt hơn của người kia, cũng do Hòa-thượng. Lại, nếu trì giới, chính là chúng tăng phạm giới chẳng phải tăng, thì đâu được răn dạy thành đạo thầy trò? Lại, giới từ tăng xin, tăng có hòa hợp, thì mới đắc giới. Đại chúng giới hạnh không thanh tịnh, trước kia đã không rơi vào số tăng, thì đâu được nói về sự pháp, nói ngay lời nói giới luật? Lại, tăng cũng là duyên vượt hơn của người thọ giới; Hễ tăng phạm giới thì sẽ không làm phát khởi tâm người thọ giới kia. Há là duyên vượt hơn của họ. Cho nên chủ yếu là Hòa-thượng và đại chúng đều thanh tịnh, thì người thọ mới được đại giới.

Nay, Đại thừa lược có hai thuyết:

1) Ba phẩm tâm phạm trọng, thì đều mất giới.

2) Trung hạ phẩm tâm, hạ phạm trọng, thì không mất giới.

Tâm phẩm thượng phạm trọng, tức là mất giới. Nếu y cứ vào nghĩa sau, thì Hòa-thượng sẽ không thanh tịnh, chỉ có đại chúng thanh tịnh, thì được giới, vì từ đại chúng kia xin giới, nên sự pháp được thành xong, Hòa-thượng chỉ là duyên dạy bảo.”

- “Nếu biết Hòa-thượng không thanh tịnh, thì không từ Hòa-thượng xin giới, vì sao không được giới?” Nếu theo nghĩa đầu, thì Hòa-thượng, chúng tăng, phải thanh tịnh hoàn toàn mới có thể được giới, vì Hòa-thượng là duyên của sự giáo thọ vượt hơn, nhưng chưa thể hiện trước tăng, mà đã từ Hòa-thượng xin đại giới. Vả lại, như ở nơi biên địa, chúng tăng đủ bốn giải thoát, vì sự pháp thành xong, vì duyên trao cho giới thiếu một người thì phạm trọng, đều vì chẳng thể không có tăng, vì chẳng phải tăng trao cho giới.”

Du-già chép: “Ổ-ba-đà-da an trụ giới thanh tịnh, chúng tăng viên mãn, trụ tịnh giới nói: “Trên, thuộc Hòa-thượng, dưới thuộc chúng tăng, cả hai đều có điều kiện cần đủ, hoàn toàn thanh tịnh”.

Từ trên đến đây, đã nói: Đức Phật tồn tại và nhập diệt, tất cả Đại thừa, trừ quả Độc giác, người thọ giới cụ túc khác, chẳng phải nói tất

cả.”

Trên đây, đã nói về có duyên khác nhau, không có duyên khác nhau, có duyên chung các giới, nên nói bài tụng rằng:

*“Bí-sô chẳng tự thọ
 Vì chọn lựa người khác
 Các giới cận trụ thấy
 Tự thọ cũng từ người
 Nghiệp biểu gọi từ người
 Vô biểu chỉ tự thọ
 Tự thọ chỉ biểu ý,
 Vì không biểu thị người,
 Là giới biệt giải thoát.”*

Luận Du-già quyển 53 chép: “Trong đây, hoặc có do người, dò mình mà thọ luật nghi. Hoặc lại có một, chỉ tự nhiên thọ, trừ luật nghi Bí-sô. Vì sao? Vì luật nghi Bí-sô chẳng phải tất cả ai cũng có khả năng thọ. Nếu luật nghi Bí-sô không phải từ người thọ, hoặc có khả năng xuất gia, hoặc không có khả năng xuất gia, chỉ người muốn xuất gia, ấy là vì tất cả đều tùy thuộc vào đối tượng mong muốn của mình, tự nhiên xuất gia.”

Như thế, Thánh giáo sẽ hóa ra không có phép tắc, mẫu mực. Cũng không khéo nói pháp Tỳ-nại-da mà biết rõ được. Cho nên, luật nghi Bí-sô không có nghĩa tự nhiên thọ, vì phân biệt lựa chọn, tất nhiên là thọ từ người, ở đây trừ hai hạng người: Tự nhiên thọ và thấy đế; hoặc tin Phật là Đại sư; tất cả người khác được giới Biệt giải thoát, vì họ không có phân biệt, lựa chọn, nhưng họ cũng do không có việc chướng ngại, tai nạn mới có thể tự nhiên, thấy đế v.v... được, nên luận Câu-xá chép: “Một thứ đặc giới”. Như thế, đã được giới biệt giải thoát, không phải nhất định phải y cứ vào nghiệp biểu mà phát, hướng chi từ người khác, tức thừa nhận trừ giới Bí-sô, tất cả cả giới khác tự thọ cũng từ người khác, nên luận Du-già hỏi: “Nếu trừ luật nghi Bí-sô, thì luật nghi khác sẽ có tự nhiên thọ.”

- “Vì sao nên từ người mà thọ?”

- “Vì có hai thứ xa lìa giới ác, thọ tùy thuộc chi, cái gọi là hổ thẹn, nếu đối với người khác và ở chỗ mình, khi tội hiện hành, cảm thấy rất hổ thẹn.

Như thế, đối với việc lìa giới ác, thọ tùy thuộc chi, mới có thể thọ cụ, nên từ người mà thọ. Trong đây, ý nói: “Vì có hổ thẹn, nên đến khi tội hiện hành ở chỗ mình, cảm thấy rất hổ thẹn. Vì có hổ thẹn, nên khi

tội hiện hành đối với người khác, sinh tâm rất hổ thẹn. Hoặc do hổ thẹn, nên đối với người, đối với mình, lúc gây tội, nhìn lại mình, cảm thấy hổ thẹn, kính trong, tôn sùng bậc hiền thiện. Hoặc do hổ thẹn, nên khi tạo tội đối với người khác, đối với mình, nhìn lại đời, sinh tâm hổ thẹn; vì khinh thường, chống đối, bạo ác, nên hổ thẹn hiện tiền chẳng phải tất nhiên có hổ thẹn, tất nhiên có người hổ thẹn, chắc chắn hổ thẹn.

Cho nên, pháp hổ thẹn rất mạnh mẽ. Nếu như tự mình đã thọ giới mà giữ gìn sâu chắc, thì nên biết phước đức v.v... sinh ra không có sai biệt. Do tự cảm thấy hổ thẹn, tất nhiên cảm thấy thẹn với người khác. Có cảm thấy thẹn với người khác, chưa hẳn cảm thấy tự hổ thẹn. Khởi lên, mặc dù vì bảo hộ danh tiếng của thế gian mà không nghĩ đến mình.”

Đây là nói về giới năm chúng xuất gia; cận sự, cận trụ và giới Bồ-tát đều chung cho hai thọ, không đồng với tông khác, giới cận trụ kia, tất nhiên thọ từ thầy, nên Bồ-tát địa quyển 42 chép: “Nếu có người muốn siêng năng, tu học ba thứ tạng giới, hoặc tại gia, xuất gia, thì trước phải phát nguyện rộng đối với Vô thượng Bồ-đề, sau đó phải xem xét hỏi han Bồ-tát đồng pháp, đã phát đại nguyện, có trí, có lực, về nghĩa ngữ biểu, năng truyền trao, năng triển khai đối với công đức như thế v.v... đầy đủ vượt hơn, đến chỗ Bồ-tát, trước lễ dưới chân, cho đến nói rộng.”

Về năm tướng thọ giới, quyển 41 chép: “Nếu không gặp Bồ-đặc-già-la đầy đủ công đức, thì bấy giờ, lễ ra đối trước tượng Như Lai, tự thọ luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát”. Quyển 40 lại chép: “Mặc dù thông minh, nhưng đối với giới vẫn không tin hiểu, suy nghĩ bất thiện; có kẻ tham lam, keo kiệt, dục vọng lớn lao không biết đủ, phá giới, ngạo mạn, buông thả, giận hờn, không nhẫn nại, không chịu được khi thấy người phạm, lưỡi biếng, ham vui, nằm dật dựa, ưa tụ hợp bè bạn, vừa mừng rỡ vừa nói nhảm, tâm thường tán loạn, dưới cho đến không thể trong thời gian vắt sữa bò, duyên tâm khéo trụ tu tập, ngu si tối tăm, với tâm thối kém, chê bai tạng Bồ-tát, không nên theo thọ, đây gọi là duyên của giới sư Bồ-tát.”

Kinh Anh Lạc chép: “Nếu trong vòng ngàn dặm không có giới sư, thì được tự thọ, khiến tôn trọng giới, vượt qua hàng ngàn dặm để tìm thầy, không phải chủ yếu nhất định như thế, như một người nữ, thân không tự tại; hoặc vì nghèo, thân bệnh, muốn thọ giới Bồ-tát, đâu phải chủ yếu ở mười ngàn dặm, nên biết được chỉ là ngữ của một tướng.”

Vì gần xa, chỗ mà Du-già không nói đến, chỉ thừa nhận tự thọ.

Các giới trên đây, nếu từ thọ người, thì tất nhiên hữu biểu, vô biểu, vì biểu thị cho người khác biết. Nếu là người tự thọ, thì sẽ chỉ có ý biểu, không có thân biểu, ngữ biểu, vì có thể trở thành vô biểu, nên luận Du-già chép: “Nếu là người tự nhiên thọ, thì chỉ có nghiệp ý biểu. Nếu có người bên cạnh thấy người tự thọ kia vì chẳng phải là duyên hỗ thẹn của sư trưởng, nên chắc chắn là nghiệp vô biểu, hoặc cũng là hữu biểu.”

Luận nói một người bên cạnh cũng không có người tự nhiên thọ, chỉ có nghiệp vô biểu. Như hiện nay, đối với chúng phát lộ, thọ giới tự thọ, mời đón, trông mong, chắc chắn là nghiệp hữu biểu.

Vô biểu của đạo định, là nói theo Đối pháp:

Trong năm sắc của pháp xứ, gọi thọ đã dẫn phương tiện trước xa, cũng thọ từ người. Chánh khởi vô biểu cũng có nghĩa từ người, như Phật nói pháp cho nghe được nhập kiến đạo, xa trần, lìa cầu được nhập tam-muội, tức là được giới.

- “Nếu vậy, thì lẽ ra cũng nói nghiệp hữu biểu?”

- “Điều này cũng không hợp lý, vì suy nghĩ này không phát ra ngoài, thân ngữ, vì là vô lậu, vì không có nghiệp hữu biểu, nên chỉ có thể nói có nghiệp vô biểu, nhưng khi chánh thức đắc đạo, chắc chắn là vô biểu, không có duyên ngoài tâm”.

- “Thọ đắc là sao?”

- “Từ phương tiện xa, được gọi là thọ”. Du-già quyển 53 chép: “Nếu đối với luật nghi sở thọ này, mà không thiếu sót, trái phạm, để làm y chỉ, tu không hối tiếc v.v... cho đến đầy đủ nhập Sơ tĩnh lự, do khả năng làm tổn hại, chiết phục của Xa-ma-tha, làm tổn hại hàng phục tất cả hạt giống phạm giới, đây gọi là luật nghi tĩnh lự.”

- Thuyết này nói: “Như Bí-sô v.v..., thọ luật nghi rồi mà không có thiếu sót, trái phạm, để làm y chỉ. Vì không có trái phạm, nên không có ăn năn; vì không có ăn năn, nên tâm vui mừng; vì tâm vui mừng, nên tâm vui; vì tâm vui, nên tâm yên, vì tâm yên, nên được định. Nếu có trái phạm thì sau cùng sẽ không được định.”

Trong kinh Đại Tập, Phật chép: “Ta vốn là phàm phu, tự là Giá-tha-đà ở trong vô số kiếp, tại nước Gia-luân-la, làm người buôn bán, buôn bán nói dối không thật, gây ra các hành vi ác, không thể kể hết. Lúc bấy giờ, ngu si hại cha, dâm mẹ, cả nước đều biết việc này, không khác gì với sáu thứ súc vật.

Nhà vua định bắt ta giết, vì sợ quá, ta trốn sang địa phương khác, làm Sa-môn được ba mươi bảy năm. Do tội năm nghịch che lấp tâm

không được định. Về sau, trong lúc đi thực, ta nhặt được một cái bát, trong bát có Đà-la-ni này, tên là Tập pháp chú xả khổ nạn; Hơn một năm sau, ta tụng trì không dứt, mới được thiền định. Cái Bí-sô kia, v.v... phạm trọng cấm rồi, vì tâm ăn năn, nên tâm hay lo, vì tâm hay lo, nên không vui, vì không vui, nên không yên ổn, vì không yên ổn, nên không được thiền định. Vì thế, nên trì giới v.v... được duyên luật nghi thiền. Nếu đã trì giới, thì ở trong thân này đã phạm trọng cấm rồi thì sẽ không được định vì suy nghĩ bất thiện, tổn hại rộng, chướng ngại sâu nặng, do oai thần của chú, trước kia ở thế tục, phạm năm tội nghịch, nay thân có thể được.

Ở trên nói nhờ giới mà được định: Cũng có sơ định không do giới, như khi kiếp hoại, đầu tiên, một người đã được thiền định, vì pháp nhĩ đầu tiên, nên luật nghi định cũng có trường hợp duyên người khác, cũng có trường hợp không do đạo cộng giới kia.” Du-già lại nói: “Nếu đối với luật nghi thi-la này, không có thiếu sót, trái phạm, lại y chỉ luật nghi tĩnh lự, nhập hiện quán đế, thì được quả Bất hoàn. Bấy giờ, tất cả hạt giống của giới ác đều hại mãi mãi. Nếu dựa vào định vị chí, thì chứng được Sơ quả, khi ấy, tất cả có khả năng đi qua cõi ác, “hoặc” đều dứt hẳn. Thuyết này vượt qua quả thứ ba, và thứ lớp, con người dựa vào định Căn bản và Vị chí, nói các giới được đạo, tất nhiên, định tịnh trước dùng làm duyên của giới kia. Vì bốn gốc lành của giới kia thuộc về cõi Sắc, nên bất luật nghi của người kia và giới trong xứ, nếu sinh vào nhà kia, hay không sinh vào nhà kia cũng tự phát tâm trông mong; hoặc vì tập giáo tự tướng của cha, con v.v... nên được duyên ngoài; hoặc không do người khác mà được, cả hai đều không có lỗi, không đồng với tông tiểu. Bất luật nghi không từ người khác mà được.

Thuyết trên đã nói được duyên, được thời tiết: Đầu tiên, là nói khi được biểu, sau là nói khi được vô biểu, lại nói khi Bí-sô, Bí-sô ni được biểu, nghĩa là khi từ chúng tăng xin giới mà được.”

Quyển 53 chép: “Lại, nếu khởi tâm đi qua chỗ sự, hết lòng khuyến thỉnh, phương tiện phát khởi nghiệp lễ kính v.v... dùng chánh oai nghi đứng ở trước sư. Lại, dùng lời nói để biểu thị, nói lên điều mình mong muốn, tạo tác các nghiệp vượt hơn, đây gọi là nghiệp của thân biểu và ngữ biểu, đồng với luận Thành Nghiệp, không thể dẫn nhiều, chủ yếu là hiện hành tư duy đẳng khởi của nhân gần, chánh phát thân ngữ làm nhân chuyển biến. Vì là thể của nghiệp biểu, nên chủ yếu ở vào thời gian này, nếu nói là lúc trước khi từ tăng xin giới, tâm thượng, trung, hạ để phán quyết về nghiệp; nguyện cầu đầy đủ, quan trọng là lúc Yết-ma

lần thứ ba, mới được biểu, đây là nghĩa của Tiểu thừa, chẳng phải đối tượng của tông hiện nay, vì nghiệp biểu chẳng thuộc về sắc thân này, nên chỉ phát ra thân, ngữ, vì hiện thuộc về suy nghĩ, nên khi ấy không có tâm. Hoặc nhiễm vô ký, hoặc vì khác với duyên, nên y cứ vào đây, tự ba chúng xuất gia khác, cận trụ, cận sự, đều lễ bái trước sư, v.v... thọ được giới biểu. Thời gian sau này, dù nói theo thầy, nhưng chưa hẳn có tâm, chưa hẳn là tốt, cũng không quyết định, vì chính là tùy chuyển, không phải tâm chuyển biến.

Nếu đối với người, trước kia, đã thừa nhận tự nhiên thọ, có thân ngữ biểu và ý biểu, tức khi đến trước Phật, hết lòng lễ bái mà được giới Bồ-tát kia, tức khi thỉnh thọ, vòng thứ ba, vì hiểu rõ từ bi, nên vẫn tự, thời gian được; vì quyết định, nên đạo định chỉ có vô biểu, không nói thời gian được biểu; bất luật nghi kia, chủ yếu ở thời lượng làm việc. Hoặc xứ, thời phần, mới được biểu nghiệp.”

Du-già quyển 53 chép: “Nếu có người sinh vào nhà bất luật nghi, có đối tượng rõ biết, tự phát tâm mong mỏi rằng: “Ta sẽ nhờ phụng sự mạng sống này mà tự sống còn. Lại, đối với mạng sống này, lại khởi tâm muốn được chấp nhận, bấy giờ gọi là bất luật nghi, nghĩa là vì thuộc về bất luật nghi, rất coi trọng tác ý không đúng lý, vì thuộc về tổn hại tâm, nên chỉ thành các gốc bất thiện rộng lớn, nhưng chưa thành tựu sát sinh, đã sinh vào đường nghiệp bất thiện khác, đã sinh các nghiệp bất thiện, cho đến việc đã trông mong, chưa hiện hành. Ý này nói rằng: “Nếu sinh vào nhà hay không sinh vào nhà kia, phát tâm chấp nhận, tức là vì thành bất thiện căn kia, nên từ đương lai đã khởi làm tên gọi, tức là gọi bất luật nghi, luận kia lại nói: “Về sau, hoặc hiện hành, hoặc ít, hoặc nhiều, tùy thuộc vào đối tượng thích ứng của bất luật nghi kia, lại thành tựu các nghiệp bất thiện. Ý này nói rằng: “Về sau, hoặc tự làm, hoặc xử phân người khác làm công việc ít, nhiều, dù chưa cắt đứt mạng sống, v.v... cũng đã tức thành sát sinh, hoặc thân, hoặc ngữ nghiệp biểu bất thiện; hoặc về sau, việc kia, mình, người đã làm xong. Mạng đời trước bị cắt đứt ít, nhiều, vì tâm thỏa mãn bốn nguyện, mới thành vô biểu, không đồng với việc trước của người, cuối cùng, biểu và vô biểu đều cùng thời gian phát đắc. Đầu tiên, là phát tư duy vượt hơn, khởi nghiệp thân, ngữ, tức là nghiệp biểu. Rốt ráo của việc kia là tùy chuyển, chẳng phải vì chuyển được vô biểu, nên được gọi là bất luật nghi. Nghiệp biểu như nay nói: Nghiệp biểu trong xứ, hoặc phát tâm cầu nguyện, hoặc xứ, thời phần; hoặc tạo tác mà được.

Ở trên đã nói: Khi hai biểu thân, ngữ được, thì nghiệp của Yết-ma

biểu kia nêu tâm liền được.

Trên đã nói được biểu, vô biểu: Được vô biểu biệt giải thoát có ba thứ:

1/ Đại giới của xuất gia. Yết-ma thứ ba xong thì sự việc, thời lượng này, cứ giữ như thế.

Giới Bồ-tát kia cũng Yết-ma lần thứ ba đáp rằng: “giữ được thời gian này là được!”

Trước, với tâm trông mong đã mời đón bằng vẻ mặt tươi vui, nay vì đầy đủ, nên sự pháp của chúng tăng vì thời gian này đủ, nên mặc dù ở phần vị trước, đã do biểu tư duy huân tập sự pháp hạt giống, đến nay mới xong; dù không có tâm, hoặc tâm “duyên” riêng, người thọ giới kia, trước đó đã mong mỏi, nay, vì nguyện đã thỏa mãn, nên từ ý niệm ban đầu, về sau, suy nghĩ ngăn ngừa hạt giống ác sẽ tăng lên gấp bội phần, gọi là đặc giới. Có thuyết nói: “Suy nghĩ thể của hạt giống sẽ tăng lên gấp bội lần, gọi là đặc giới; hiện tượng này cũng không hợp lý, vì thời gian pháp sự đã xong, giới tử kia không có để tâm, hoặc “duyên” theo tánh khác, đã không có suy nghĩ hiện tại, nghiệp biểu hiện tại huân tập, thì làm sao thể của hạt giống bỗng nhiên mới sinh được?

Do đây nên biết rằng, còn tùy thuộc ở giới tử kia gặp “duyên” hạt giống mới cũ, hoặc riêng, hoặc chung, được huân tập bởi nhân suy nghĩ, duyên hiện hành. Nay “duyên” hội ngộ thỏa mãn, công dụng tăng gấp bội, gọi là được vô biểu, do tùy thuộc ở giới tâm, mặc dù trong niệm niệm là không hề được giới.”

- “Nếu chẳng phải dụng tăng, là thể tăng ấy, thì chẳng lẽ trong mỗi niệm đều hiện hành huân tập hạt giống hay sao?”

- “Vô biểu của đạo định đã là tư duy hiện hành, vì không có trong một tâm có nhiều tư duy.”

So sánh vô biểu biệt giải thoát này, cũng không phải thể tăng, vì phần vị sát-na đầu tiên một, bảy dụng tăng; sát-na thứ hai, tức hai, bảy chi, cho đến chưa xả, nhậm vận thêm lớn. Quyển 60 nói: “Đạo nghiệp bất thiện, nếu đến rốt ráo, thì đạo nghiệp này cũng gọi là do lỗi bôi nhỏ, nhuộm thành tàn ác nặng, thành rất bất thiện, có thể dẫn đến quả tăng thượng không đáng ưa thích. Vì sao? Vì nếu có dụng tâm ô nhiễm, thì sẽ dẫn phát nổi khổ không đáng ưa thích, hài lòng cho người khác, người kia, vì tùy thuộc năng lực oai thế của tâm khổ, nên có thể dẫn phát khổ, tư duy Bồ-đặc-già-la, suy nghĩ xúc chạm đặc tội rộng lớn. Cho nên, gọi là lỗi lầm bôi nhỏ, nhuộm thành.”

Ý này nói rằng: “Hoặc thân tự tạo tác; hoặc sai bảo người khác

gây ra đạo nghiệp bất thiện, khiến cho mạng người khác gây ra đạo nghiệp bất thiện, khiến cho mạng người khác phải bị cắt đứt, v.v... Lúc sự việc rất ráo, với oai thế pháp nhĩ có thể tự hiện hành và phần cư xử, nghĩa là “Tự”, ấy là sự xúc chạm đắc tội rộng lớn. Tâm trước, nay thỏa mãn, nổi khổ người cũng thỏa mãn, nên tội tự xúc chạm, gọi là bôi thoa, tiêm nhiễm.”

Luận kia lại chép: “Người thọ giới kia dù không phát tâm tưởng như thế, nhưng công năng dẫn phát nổi khổ của, nó sẽ xúc chạm tội lớn. Nhưng pháp nhĩ kia xúc chạm với tội lớn. Ví như đá nam châm dù không tác ý tất cả các sắt đến dựa vào ta, nhưng pháp nhĩ kia đã có sắt gần, không do công dụng, đến tựa vào đá nam châm; đạo lý ở đây, nên biết cũng như vậy. Thí dụ mặt trời, ngọc đỏ, nên biết cũng giống như thế. Lại, trong tư duy không có pháp riêng, do oai thế của pháp nhĩ kia sinh, đến nương tựa vào nhau, gọi là thoa, nhuộm. Nên biết chỉ là sự chuyển biến của tư duy này. Do đối tượng, phát khởi bởi oai lực của pháp nhĩ kia; ý này nói rằng, tức tư duy hạt giống, do tâm trông mong trước kia, nay đã đầy đủ, nổi khổ của người khác viên mãn, công dụng ấy là tăng thêm, gọi là tư duy chuyển biến, lại, không có vật riêng, cũng như ma vương mê hoặc, nịnh hót vô lượng Ta-lê-đực-ca; tâm của các Bà-la-môn, Trưởng giả v.v..., khiến cho đối với Đức Thế Tôn biến đổi khác với sự bạo ác, chẳng phải đối với tâm Bà-la-môn lại tăng thêm pháp khác, nói gọi là mê hoặc nịnh hót, chỉ trừ oai thế gia hạnh của ma vương sinh ra các tâm của Bà-la-môn kia, khiến cho họ chuyển thành rất bạo ác. Trưởng giả này cũng giống như thế, trái với đạo nghiệp ác, vì có việc lành này, nên trở thành bôi thoa, nhuộm nhiễm, dụng tăng gấp bội, mới thành vô biểu.

Trong mười thứ được giới, thì Phật là tự nhiên được. Có các Bồ-tát Sơ địa, tức được sinh tử biến dịch; hoặc Bát địa được không trải qua sự sinh. Biệt giải thoát kia cho đến có hạt giống một khi đã được, không bỏ, sẽ chuyển biến thành pháp vô lậu viên mãn. Với chủng tánh bất định, Thanh văn vô học hồi tâm hướng đại, thọ sinh biến dịch cũng giống như thế.

Đây là nói thọ riêng biệt giải thoát, chẳng phải giới luật nghi trong giới Bồ-tát.

- “Vì sao gọi là tự nhiên được giới?”

- “Nếu y cứ vào địa vị thành Phật thì hiện chẳng phải do thọ mà được, cũng gọi là tự nhiên được. Tự nhiên được, nghĩa là khi được đạo giải thoát, liền được vô biểu. Nếu có nghiệp hữu biểu, chẳng phát vô

biểu, thì sau khi thành Phật, sẽ không huân tập. Địa vị đạo giải thoát của tâm Độc giác, cũng không phát ra thân ngữ.”

- “Chỗ nào được hữu biểu?”

- “Kiến đạo được giới, cũng giống như thế. Năm người thấy đế, cũng là nghiệp vô biểu.”

Đầu tiên, là nhập vào kiến đế, liền được vô biểu; ngay lúc ban đầu đã có, chẳng phải ở thời gian sau. Về sau, vì có thêm, vì đầu tiên chưa có, nên dưới câu nói: “Thiện lai Da-xá”, liền được nghiệp vô biểu. Chúng ở đây v.v... đa số chỉ gọi là Thiện lai, thì râu, tóc tự rụng, ca-sa khoác trên thân, biến thành Sa-môn, đều là loại này.

Tin Phật là thầy: Cũng chưa thấy Phật, xa nghe liền tin, lúc tin liền được, cũng là nghiệp vô biểu.”

Có thuyết nói: “Thấy Phật, tín nhãn làm thầy, mới được vô biểu, chẳng phải khi chưa thấy.”

Hỏi đáp mà được: Chỉ ở dưới câu: “Một người Tu-đà-di”, liền được, cũng là nghiệp vô biểu.

Cũng có thuyết nói: “Tuổi chưa đầy hai mươi, nhân hỏi đáp kia, Phật sai vì Tu-đà-di truyền trao tám pháp đáng tôn trọng. Bấy giờ, vì không có ni, nên khi nghe trao cho kính giáo, ấy là được vô biểu. Vì chưa có ni, nên có thể nói vô biểu đều cùng lúc với biểu, cũng nói thời gian khác.

Đầu tiên là biểu, sau vô biểu, chỉ có đầu tiên, chẳng có sau, sai khiến người thọ; biểu ở vào lúc sai khiến được vô biểu, nghĩa là ở đối tượng sai khiến ni, khi thọ giới kia xong, năm chúng, mười chúng đều từ thầy thọ, như trước đã nói.

Ba quy y phát biểu, ở quy y đầu tiên khi sáng lập, hết lòng lễ bái, vô biểu được lúc ba quy y xong.

Mười chúng này đều có khi Phật còn tại thế. Về sau, không có Phật, chỉ có ba thứ:

1/ Độc giác tự nhiên.

2/ Mười chúng.

3/ Trì luật.

Thuộc về nhân giới thứ năm. Ngoài ra, chẳng phải không có Phật, mà có được.

Loại đầu tiên đã nói trên, loại thứ hai: là ba chúng xuất gia kia, cận sự được vô biểu, tức ba quy y xong được. Luận Câu-xá chép: “Khởi tâm thanh tịnh, hết lòng, trân trọng, phát lời thành thật, tự xưng: “Con là Ô-ba-sách-ca, nguyện xin nhớ giữ từ bi hộ niệm!” Bấy giờ, liền phát

luật nghi cận sự. Sau ba chúng xuất gia, nói giới tướng, chẳng phải phát vô biểu. Vô biểu cũng là ba quy y xong thì được.”

Loại thứ ba: Giới cận trụ kia có hai nghĩa:

1/ Rằng ba quy y xong được, với cận sự không có riêng.

2/ Nếu vậy, thì vì sao Câu-xá không nói ba quy y xong, liền được giới cận trụ.

- “Vì sao nói tướng không đạo đức với cận sự?”

- “Cận sự nói riêng tướng năm giới; cận trụ, ba vòng liên hoàn, nói tướng.”

Bài tụng kia nói: “Thuận theo giáo nói chi đủ; không nói cận sự, cũng tùy theo giáo”, nên bố thí được cận trụ chẳng phải ba được vì tâm họ ngăn ngừa rộng một ngày đêm, nên chẳng phải trước liền được. Do đó, nên bố thí nói theo sau Sư. Vòng thứ ba xong, mới phát vô biểu.

Vô biểu tĩnh lự. Đầu tiên khởi địa trên, đầu tiên là tâm một phẩm vị chí địa, tức là gọi đầu tiên được. Sau là thuận theo đã khởi tâm vị chí định, căn bản của địa nào đều gọi thành tựu?

Đối pháp quyển tám chép: “Nghiệp thuộc về luật nghi tĩnh lự. Nghĩa là hay tổn hại phát khởi hạt giống phiền não phạm giới; người lìa dục cõi Dục xa lìa tất cả; người lìa dục của Sơ, Nhị, Tam tĩnh lự, xa lìa tất cả.”

Luận Đối Pháp tự giải thích: “Người lìa dục cõi Dục, nghĩa là do năng lực đối trị, chế phục; hoặc lìa dục phần nhỏ; hoặc lìa dục toàn phần, chỉ cho địa Vị chí đầu tiên, đối với việc phạm giới, chẳng phải là đối trị đoạn.

Trở lên, đều là đối trị phần xa. Vả lại, sáu tác ý đầu trong bảy tác ý là địa Vị chí; hai tác ý thắng giải của tướng liễu kia, bị đối trị với sự tổn hại, hàng phục, cũng chưa tác ý dứt trừ xa lìa hoặc, mới bắt đầu dứt hoặc.

Về nghĩa này có hai cách giải thích:

1/ Nói tướng liễu, cũng vì nghe, suy nghĩ xen lẫn, mới quán cõi Dục là thô. Địa trên là tĩnh, chưa thể dứt trừ chướng. Thắng giải đối với địa này, thường thường suy nghĩ. Từ đây trở đi, hoàn toàn tu tướng, vì hai tác ý này, nên gọi là nhằm chán hư hoại, đến tác ý xa lìa thứ ba, mới đoạn dứt ba phẩm trên, cũng đối trị tổn hại, chế phục. Đã là tu tuệ, cho nên tướng liễu, thắng giải đều đã được định, giới.

Ba phẩm trên, dứt hoặc, chủ yếu cho đến tác ý thứ ba, nên nói xa lìa, mới dứt được “hoặc” phẩm thượng hạ.

Phẩm thượng đều hết, mới được gọi là đoạn ở trên, không phải

trong tướng liễu vì không hàng phục phiền não, nên định đều có giới, tâm đầu tiên liền được, cũng không có trở ngại, khó khăn, nên nói bài tụng rằng:

*“Định giới chỉ vô biểu
Phân gân đầu, gọi đoạn
Trì khác, tánh phần xa
Đây gọi luật nghi định.”*

Nếu vô biểu vô lậu, đầu tiên được thấy đạo; đạo Vô gián đều có, tức gọi là Đắc. Năm địa cõi Sắc, được nhập vào kiến đạo, đều đối trị đoạn; Sắc, Vô sắc khác đều thành phần xa.

Nghĩa là đường dài. Nếu nương vào Lục địa cõi Sắc, ba thứ dưới của Vô Sắc, quả Dự lưu vượt lên chứng quả thứ tư, cũng như chặt tre, đoạn ngang phiền não. Tu đạo trong cõi Dục, phiền não có đối trị đoạn; phiền não khác, gọi là phần xa. Dù có kinh nói: “Dựa vào địa Vị Chí được Sơ quả này, nhưng lại không tiến tu nghĩa vô lậu ở trên”. Chẳng phải định chỉ như vậy, có thể như thuyết trước. Không như vậy, thì vô sắc không có đối trị đoạn. Giới đạo định này, lẽ ra tùy tâm chuyển vận, chỉ được tâm kia, thì gọi là “Đắc”. Không đối đãi với biểu phát pháp nhĩ tánh của định đạo trái với ác, nên hai thứ này phải có vô biểu.

Vô biểu bất luật nghi được: về bất luật nghi kia, luận Du-già quyển 9 chép: “Có mười hai thứ:

- 1/ Giết mổ dê.
- 2/ Gà.
- 3/ Heo.
- 4/ Bắt chim.
- 5/ Bẫy.
- 6/ Trộm cắp.
- 7/ Giết mổ.
- 8/ Cai ngục.
- 9/ Gièm pha, thọc.
- 10/ Coi ngục.
- 11/ Nài voi.
- 12/ Chú rồng.”

- Luận Đối Pháp chép: “Có mười lăm thứ:

- 1/ Giết mổ dê.
- 2/ Nuôi gà.
- 3/ Nuôi heo.
- 4/ Bắt chim.

- 5/ Bắt cá.
 - 6/ Săn nai.
 - 7/ Bẫy thỏ.
 - 8/ Trộm cướp.
 - 9/ Hàng thịt.
 - 10/ Giết bò.
 - 11/ Nài voi.
 - 12/ Lập đàn chú rồng.
 - 13/ Cai ngục.
 - 14/ Gièm pha, cấu kết.
 - 15/ Ưa làm tổn hại, v.v...
- Trong kinh Niết-bàn nói: Mười sáu thứ:
- 1/ Bò.
 - 2/ Dê.
 - 3/ Heo.
 - 4/ Gà.

Vì lợi, nên mua con mập xong, chuyển sang bán thành bốn. Vì lợi, nên mua, sau đó giết mổ, tức thành tám thứ. Bắt chim, bắt cá; thợ săn, trộm cướp, giết mổ; nói lười đòi chiều, coi ngục, chú rồng. Lại có tám, Tạp Tâm nói có mười hai, chẳng phải ở đây nói, đây đều là ý ưa thích tổn hại, là rộng, tức với danh kia, vì chẳng phải chỉ nhất định như vậy, nên Đối pháp chép: “Ưa làm tổn hại, v.v... Khi vô biểu này được, do biểu trước dẫn đến sau, thỏa mãn là tâm trước kia đã xong, tức thành vô biểu, nên Đối Pháp chép: “Đã trông mong hiện hành, nghiệp kia quyết định. Nghĩa là phương tiện thân, ngữ là ưu tiên, quyết định chủ yếu trông mong ở hiện hành; vì nghiệp kia nên biểu ở hành vi trước sau, nghiệp sát kia khiến cho sinh mạng, bị cắt đứt, trộm khiến lìa bỏ xứ, biến đổi khác, che giấu, nuôi nấng, trở thành thuộc về mình, bắt bỏ vào lưới săn, đều gọi là hiện hành, chắc chắn thành vô biểu. Vô biểu trong xứ, chủ yếu khi tự tạo tác, hoặc phát nguyện đầu tiên; hoặc xứ, thời phần, sự mãn, bốn tâm, liền được vô biểu, như sai khiến sát sinh, sinh mạng bị cắt đứt rồi mới thành vô biểu, gọi là lỗi thoa bôi, nhuộm nhiễm, nghĩa như trước đã nói.

Trên đã nói về “đắc”, dưới đây, nói về xả. Trong xả, chia làm hai:

- 1/ Xả tướng.
 - 2/ Xả duyên.
- Xả tướng: Đầu tiên, là được công năng niệm niệm thêm lớn, làm

cho tăng trưởng mới, chỉ thuận với trụ cũ, không đồng với giai vị trước, lại không có mới sinh, tức gọi là “xả”.

Chẳng phải xả xưa: Từng được thể vô, gọi là xả, không đồng với Tiểu thừa, vô “đắc” thuộc về mình.

Hai biểu thân, ngữ kia phát vô biểu: Niệm đầu gọi là “đắc”. Trong niệm thứ hai, thì gọi là xả. Mặc dù có trạng thái nối nhau, nhưng không gọi là phát ra biểu của vô biểu, vì chỉ là tùy chuyển, chẳng phải chuyển vận nhất định, vì không do đây, phát ra thân, ngữ, nên có vô biểu, vì ba tánh đều không nhất định. Phật thì không phải như vậy, chẳng phải ngoài Phật thì đều chưa từng được, niệm niệm mới sinh. Phật là người từng được, chỉ thuận với trụ xưa, do chỉ không héo hết, nên không gọi xả giới. Nên Duy thức chép: “Y cứ vào giới hạn thiện, ác của tư duy, nguyện, giả lập vô biểu, vì nguyện của Phật không có héo tàn, nên không gọi là xả, không đồng với nhân vị. Không như vậy, thì công đức của chư Phật lẽ ra không được viên mãn, vì niệm niệm mới sinh, có người chưa từng được. Nếu không như vậy, thì chư Phật trước, sau, lẽ ra có hơn, kém, vì giới của Phật trước nhiều, Phật sau ít, nên phát biểu của vô biểu chỉ ở ban đầu, tự nghiệp biểu khác chẳng phải nhân của vô biểu, nghiệp của vô biểu kia.”

Vả lại, vô biểu biệt giải thoát, Du-già quyển 53 chép: “Luật nghi của năm chúng Bí-sô vì năm duyên, cho nên xả:

- 1/ Do xả chỗ sở học.
- 2/ Do phạm tội căn bản.
- 3/ Do hình mất, hai hình sinh.
- 4/ Do dứt trừ gốc lành.
- 5/ Do từ bỏ chúng đồng phần.

Xả chỗ sở học: Trong luật, nói tác pháp từ bỏ nghĩa là đối trước Tỳ-kheo, quỳ xuống tác pháp, nói lời từ bỏ, giới mới thành xả. Nếu tạo ra tâm xả, dù khởi lời nói, nhưng không đối với Tỳ-kheo, y pháp nói xả, thì chỉ gọi là giới yếu, giới ấy không xả. Về sau, khi tạo tội, thì gọi giới ô nhiễm thuộc về Sa-môn, không phải là người tại gia. Do đây, Bí-sô, gọi là xả học xứ. Cận sự, cận trụ, đều khởi tâm bất đồng phần, chẳng phải tạo tội đối với người khác, mới thành xả, nên người phạm tội căn bản, y cứ vào kinh Thập Luận quyển tư nói: “Phạm giới trọng không xả, việc ấy ra sao? Nay người thiện nam! Nếu có Bí-sô, phạm bất cứ một tội nào trong các tội tánh trọng căn bản, mặc dù gọi Bí-sô làm việc ác, phá giới, nhưng luật nghi đã được ở trong hòa hợp tăng, thân giáo cũng không dứt mất cho đến đã từ bỏ thi-la đã học, cũng còn có hơi thơm của

bách pháp theo đuổi. Vua chúa, Đại thần, những người tại gia không có luật nghi, không nên khinh mạn và chỉ trích, quở phạt. Như thế, Bí-sô dù chẳng phải pháp khí, lụi mất Thánh pháp, uest tạp thanh chúng, phá hoại tất cả pháp sự của Sa-môn, không được thọ dụng vật tăng bốn phương, mà vì luật nghi đã được ở trong hòa hợp tăng thân giáo, không từ bỏ, cũng vẫn vượt hơn tất cả người tại gia. Người phạm tánh tội còn như thế, huống chi là phạm các già tội nhỏ khác ư? Thế nên, không cho vua chúa, Đại thần, các người tại gia khinh mạn và chỉ trích, quở phạt.”

Về việc này có hai cách giải thích:

- Luận Du-già quyển bốn mươi giải thích: “Trong Giới Bồ-tát chép: “Nếu khởi phiền phẩm thượng, phạm tội căn bản, tức là xả giới, vì không có hổ thẹn, hãy còn khiến cho, diệt mất tất cả căn lành, huống chi phiền phẩm thượng của giới đã thọ, đối với bốn tội gốc thường thường hiện hành, đều không có hổ thẹn, sinh ái lạc sâu, cho là công đức, nói gọi là thượng phiền, chẳng phải hiện hành tạm thời, tức gọi là xả bỏ. Nhưng vì pháp trị phạt không ở chung, nên chẳng có nghĩa là mất giới. Trung phiền, hạ phiền phạm giới không xả.

Luận Du-già y cứ vào thượng phiền mà phạm, kinh Thập Luân chỉ y cứ vào phiền trung, hạ phạm, nên kinh Niết-bàn quyển 34, Bồ-tát Ca-diếp hỏi: “Ở đời đương lai, có hai mươi một cặp nghĩa tránh luận. Đây sẽ là đôi cặp mười tám, đến quyển 35, Đức Phật giải thích rằng: “Này người thiện nam! Trong kinh, ta đã nói như thế này: Nếu có Tỳ-kheo nào đã trái phạm bốn tội trọng xong, thì sẽ không được gọi là Tỳ-kheo, mà gọi là phá Tỳ-kheo, vong thất Tỳ-kheo, không còn có thể sinh hạt giống của mầm lành. Ví như hạt giống rang, không sinh quả chắc, như chặt ngọn cây Đa-la, nếu đoạn hoại, thì không sinh quả. Tỳ-kheo phạm tội trọng, cũng giống như thế”. Các đệ tử của ta nghe ta nói xong, không hiểu ý ta, đều đồng thanh nói như thế: “Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm trọng cấm, đã mất giới Tỳ-kheo!”.”

- “Này người thiện nam! Trong kinh, ta đã vì Thuận-đà nói có bốn hạng Tỳ-kheo:

- 1/ Rốt ráo chí đạo, Câu-xá gọi là Sa-môn thắng đạo.
- 2/ Thị đạo.
- 3/ Thọ đạo, tên dịch là Mạng đạo.
- 4/ Ô đạo.

Người phạm bốn giới trọng, tức là ô đạo. Các đệ tử ta nghe thuyết này xong, vì không hiểu ý ta, nên phụ họa: “Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng, không mất giới cấm!”

Cứ xem xét ý văn, “nếu phạm bốn trọng, thì đó là hoàn toàn mất giới”, tất nhiên, lẽ ra phải hiểu ý ta muốn nói là “hoàn toàn không mất”, cũng nên hiểu ý ta.”

- “Thế nào là không hiểu?”

- “Nên biết rằng, tâm hai phẩm thượng phạm, hạ phạm, có mất, không mất giới kia, mặc dù trong các kinh, phần nhiều đều nói: “Nếu có người phạm bốn trọng cấm, thì hãy tụng chú này, tội đều tiêu diệt”, mà không nói thể của giới trọng, sinh trở lại, hay không sinh trở lại.”

Kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni quyển tư chép: “Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Sau Phật diệt độ, nếu có Tỳ-kheo hủy phạm bốn giới trọng, hoặc Tỳ-kheo ni hủy phạm tám giới trọng; hoặc Bồ-tát và Sa-di-ni; Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nếu trái phạm mỗi mỗi các giới, thì sẽ phải diệt tội lỗi như thế ra sao?” Đức Phật nói:

- “Nếu Tỳ-kheo tội ác, hủy phạm bốn giới trọng, mặc nhiên tiếp nhận của vật cúng dường, mà không ăn năn sửa đổi, thì phải biết rằng, vì Tỳ-kheo này, sẽ phải chịu nỗi đau khổ của địa ngục, mà không có nghi ngờ gì.

Nay, ta sẽ phát ra phương thuốc hay để cứu chữa cho vị Tỳ-kheo kia:

“Ly bà ly bà đế. Cưu ha cưu ha đế. Đà la ly đế. Ni ha la đế. Tỳ ma ly đế. Sa ha (toa ha)”

Là lời tuyên thuyết của bảy Đức Phật trong ba đời, nhằm cứu vớt cho Tỳ-kheo thuộc luật nghi ác đời Mạt pháp, sao cho họ được trụ vững chắc ở địa thanh tịnh. Nếu phạm bốn tội trọng, thì phải dốc lòng nghĩ nhớ Đà-la-ni này, tụng một ngàn bốn trăm biến, là một sám hối. Thỉnh một vị Tỳ-kheo làm nhân chứng, tự trình bày tội của mình, hướng trước hình tượng Phật, Bồ-tát, thứ lớp như thế, suốt tám mươi bảy ngày sám hối xong. Các gốc giới này, nếu không sinh trở lại, thì không có việc đó. Người kia, qua tám mươi bảy ngày xong, nếu không vững chắc Vô thượng Bồ-đề, thì cũng không có việc đó!”

- “Làm sao biết được người trụ giới thanh tịnh?”

- “Nếu nằm mộng, thấy sư trưởng đưa tay sờ đầu mình, hoặc cha, mẹ, Bà-la-môn, bậc kỳ cựu có đức.” Đối với những người như thế v.v..., nếu bố thí cho họ thức uống ăn, y phục, giường nằm, thuốc thang, thì phải biết rằng, người này đang an trụ trong giới thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo ni trái phạm tám thứ tội, thì nên tụng Đà-la-ni này, chú rằng:

“A nghi ly ba. Kỳ la đế. La đế bà. Ma la đế ha. Ma la đế. Sa ha.”

Chín mươi bảy ngày, tụng bốn mươi chín biến, là một sám hối. Nói rộng, là pháp diệt tội của Bồ-tát và Sa-di, v.v... Đà-la-ni nói trong quyển một kinh kia cũng nói: “Người phạm giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni v.v... phải thực hành một sám hối. Nếu giới căn không sinh trở lại, thì không có việc đó, trừ trường hợp không dốc lòng. Nên biết phạm trọng mà không mất giới, chỉ gọi là giới ô nhiễm. Nếu không như vậy, thì làm sao giới căn được sinh trở lại, thanh tịnh về sau? Thuyết trong kinh Phật Danh nói cũng đồng với kinh này.

Y cứ vào luật Tứ Phần đồng với Tát-bà-đa cũng nói: Người phạm trọng, không mất giới.

1/ Không ở chung: Là pháp trị phạt, chẳng phải là nghĩa mất giới.

2/ Rằng, phạm trọng bất luận (hỏi) tâm nào quyết định mất giới? Du-già quyển 53 nói: “Vì phạm trọng, xả, nên Bồ-tát Địa quyển 40 giải thích: “Nếu dùng triền của phẩm trung nhuuyến, hủy phạm bốn thứ pháp thắng xứ của người, không xả triền phẩm thượng của luật nghi tịnh giới Bồ-tát, phạm, thì gọi là xả. Nếu các Bồ-tát hủy phạm bốn pháp thắng xứ của người, thường thường hiện hành, không có hổ thẹn, sinh tâm rất yêu thích, thấy là công đức, nên biết gọi là triền phẩm thượng phạm, chẳng phải các Bồ-tát tạm thời một hiện hành pháp tha thắng xứ, ấy là xả luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, như các Bí-sô phạm pháp vượt hơn người khác, tức là từ bỏ giới biệt giải thoát.

- Ý trong đây nói: “Triền trên tịnh giới của Bồ-tát, phạm, mất giới, không phải triền trung hạ của các Bồ-tát, phạm cũng gọi là mất giới, như các Bí-sô phạm trọng, ấy là mất giới. Điều này là trái với biểu thị rõ tâm phẩm hạ trong phạm trọng của Bí-sô, cũng tức là mất giới; vì Bồ-tát thì không như vậy, nên nói rằng, chẳng phải các Bồ-tát tạm thời một hiện hành, thì gọi là phạm, v.v...”

Vì thường đọc nghĩa văn luận, đạo cũng xa, nên biết Bồ-tát phạm trọng, có khi mất, có khi không mất giới. Bí-sô phá giới, phạm trọng, quyết định mất giới; không thể dùng phạm trọng giới Bồ-tát có mất giới không mất giới để chứng minh cho Bí-sô đồng, bởi vì ý ưa thích của Bí-sô rộng lớn, sâu xa làm pháp khí, vì Bồ-tát mỗi thứ đều dẫn dắt, gồm thấu, nên luận Du-già quyển 40 chép: “Do Bồ-tát này phạm trọng, mất giới, đời nay, được thọ; Bí-sô hiện đời không thành thật thọ lại, với ý tội ác, ưa suy nghĩ tổn hại đồ dựng pháp lành. Hoặc hai hình sinh và dứt gốc lành, tác pháp xả bỏ mà mất giới. Sau, không có việc trước, vì đời nay được thọ giới không ô nhiễm.”

Kinh Thập Luân v.v... chép: “Vì bảo hộ tăng đời mạng pháp, vì ngăn dứt sự chê bai, hóa độ thế tục, nên Phật nói không mất giới, chứ chẳng phải thật sự không mất.”

Kinh Niết-bàn chép: “Do phạm trọng này, thật sự mất giới; vì chấm dứt sự chê bai thì không mất, cho nên nói là nhất định mất, nhất định không mất, đều hoàn toàn không hiểu ý Phật.”

Trong kinh Phương Đẳng chép: “Chỉ là sám hối, để diệt tội phạm trọng. Nói sinh lại: Nghĩa là lời nói dẫn dắt, vì cũng không trái nhau, nên trong kinh nói: “Người phạm trọng, Đức Thế Tôn không cho ăn thức ăn của tăng-kỳ, là chỉ một nắm. Một gót chân của Ty-ha-la giẫm lên đất, vì đuổi ra tất cả sự nghiệp của Bí-sô”, nên Đức Phật lại nói: “Nhổ mau nhổ bỏ chóng cỏ đắng, chừa lại lúa tốt, phân biệt, lựa chọn nhanh chóng rường cột khô mục, nên vê sạch hết trấu, còn rỗng hạt giống, cần phải khai trừ nhanh chóng tương tự Bí-sô, nên gọi phạm trọng nhất định là mất giới.”

Trong luật có nói: “Không phạm: Thời kỳ đầu tiên chưa chế giới, tâm tán loạn, cuồng si, bị triền bệnh xúc não ràng buộc. Dù có cách giải thích này nói không mất giới, vẫn nhiều, lý chánh. Lại, người phạm giới, thật sự có ba tâm. Một loại của nhân nào, là khiến mất giới, nên cách giải thích trước là tốt, hình ẩn mất, hai hình sinh, nghĩa là hình ẩn mất, có hai cách giải:

1/ Một hình ẩn mất, lúc vô hình, không mất giới, như lên bậc Thánh, dù có mất hình, nhưng giới không mất. Mặc dù biết bậc Thánh không tạo ra vô hình, như khi người phạm được giới, về sau bị trùng ăn, lúc trùng ăn, liền nhập kiến đế. Ngay lúc đó, giới trước kia đều không mất, vì nhập đế rồi, không mất giới, vì có thể mất hình, nói hình ẩn mất: Nghĩa là lúc hai hình sinh, trước đó chỉ một hình, tất nhiên, vì chuyển biến mất, nên mới thành hai hình, chẳng phải là vô hình, mà là mất giới.

Nếu trước kia đã vô hình, thọ đại giới không được, thì vì ý ưa thích yếu kém, vì chẳng phải đồ đựng đạo. Vì thọ giới xong, về sau có thể vô hình, vì ý không yếu kém.

2/ Nên sáu duyên xả. Khi một hình mất, thì giới tất nhiên xả. Sau hai hình sinh, một hình trước vẫn còn.

- “Sao gọi là mất? Nhưng đều cùng không phải hình, mà là mất giới.”

Luận Nhất Xứ chép: “Thật ra có sáu duyên không nhập kiến đế mà cho trùng ăn, không thể dùng Tiểu thừa mà làm loạn nghĩa đại.”

- “Nếu như vậy, thì có những người dần dần qua đời, trước chết từ phía dưới, đầu qua hình liền mất giới. Về sau, được sống lại, thì phải thọ giới lại. Sự việc này cũng đâu có sai.

Trước hết, khi vô hình, vì giới đã xả, nên đầu cần qua đời.

- “Nếu như vậy, thì đầu tiên, sinh ở chỗ này, về sau xả ở chỗ này.”

Luận Du-già quyển một chép: “Tâm sau cuối mới chết. Ở giai vị chết, tất cả trước kia đều vô hình, đầu được lại có qua đời mà xả. Hai hình trước đã có thọ giới không được, sau hai hình sinh cũng nhất định xả giới; vô hình thì không như vậy, vì trước có không được, sau sinh không xả. Hai hình là: Đồ đựng ác. Phiền não của nam, nữ thường hiện tiền, vì chướng ngại pháp khí. Vô hình, đầu tiên là có lý kia cũng đồng, sau, có không mất, chẳng hoại bản tánh, vì không chướng Thánh. Hai hình ấy là hư hoại, vì chướng vị Thánh. Nên Câu-xá chép: “Thành tựu vị tri, đương tri căn, nhất định thành tựu mười ba, nghĩa là năm thứ như Tín v.v..., thân, mạng, ý, bốn thọ, trừ ưu căn và vị tri, đương tri căn; không nói nhất định thành nam, nữ, vì tùy thuộc một, nên biết các bậc Thánh cũng có vô hình. Đoạn gốc lành có hai tâm thọ giới. Nghĩa là gia hạnh sinh đắc. Đoạn sinh đắc thiện, chẳng phải gia hạnh thiện. Tâm của gia hạnh thiện, thọ, nghĩa là đoạn gốc lành; giới kia của gia hạnh trước đã mất. Đoạn thiện làm duyên, cũng gọi là đoạn thiện. Nếu tâm sinh đắc thọ, thì chủ yếu tà kiến khởi hiện tại tiền, giới kia mới mất. Nhưng giới, nói chung có tâm của ba phẩm thọ, chín phẩm tà kiến mới đoạn thiện hết, giới kia cũng vậy, chỉ nói đoạn thiện xả, không nói xả đầu tiên.

Bỏ chúng đồng phần: Nghĩa là mạng chung xả, một niệm sau cuối chánh thức qua đời, tâm ở đời hiện tại giới cũng hiện tại; không gọi là đã xả, có thể gọi là chánh xả, như pháp thứ nhất xả, khác với tánh sinh. Nếu qua đời rồi, giới nhập quá khứ, hiện ở trung hữu, v.v..., vì đã xả giới, nên gọi là bỏ. Vì cách ngăn phàm phu nên thuyết này thọ riêng giới Bí-sô, v.v... chẳng phải giới luật nghi của giới Bồ-tát.

Luận Du-già quyển 53 nói: “Nếu chánh pháp hủy hoại, chánh pháp ẩn mất. Dù không có mới thọ luật nghi Bí-sô, nhưng đã thọ được, nên biết không xả. Vì sao? Vì ở thời bấy giờ, kiếp hoại đang khởi, chẳng có một hữu tình nào không tổn hại ý ưa thích, có thể thọ cụ giới, huống chi sẽ có người chứng quả Sa-môn, nên thọ không được, giới trước không mất.

Luật nghi cận sự do ba duyên mà xả:

1/ Khởi tâm không đồng phần. Đây là thuộc về thế hạn chế, hạn

chế sự trông mong về tuổi tác ít nhiều, thọ, xả, thừa nhận có ít thời gian, nhiều thời gian, vì cận sự suốt đời.

2/ Gốc lành bị cắt đứt.

3/ Bỏ chúng đồng phần.

Chánh pháp ẩn mất, như luật nghi Bí-sô, về mặt đạo lý, nên biết không có phạm trọng, xả; cũng vô hình mất, hai hình sinh, xả.

Luận Đối Pháp quyển tám chép: “Hỏi: Nếu chỉ tu học một phần học xứ Ổ-bà-tố-ca, là nói thành tựu luật nghi Ổ-bà-tố-ca, hay nói không thành tựu?”

- Đáp: “Nên nói là thành tựu, mà gọi phạm giới, nên biết phạm trọng không mất giới cận sự.”

Quyển kia lại hỏi: “Phiến-để-ca, Bán-trạch-ca v.v... là chướng ngăn họ thọ giới cận sự hay không ngăn chướng?”

- Đáp: “Không chướng ngăn chặn họ thọ luật nghi cận sự, nhưng chướng ngăn tánh họ không thể kính thờ hai chúng xuất gia. Hai hình cũng vậy, vì phiền não của nam, nữ thường cùng hiện hành, không thể gần gũi, kính thờ hai chúng, nên không nói riêng.”

Du-già quyển 53 chép: “Vì sao Phiến-để, Bán-trạch dù thọ quy y, nhưng cũng có thể theo hộ vệ các cận sự nam, chỗ có học xứ, mà không gọi là cận sự nam?”

- Đáp: “Vì người cận sự nam, đều có thể gần gũi, phục vụ chúng Bí-sô, Bí-sô ni; mặc dù họ có thể theo hộ vệ nơi thọ luật nghi, nhưng không nên thường xuyên gần gũi kính thờ hai chúng xuất gia. Hai chúng xuất gia cũng không nên gần gũi, nhiếp thọ họ, hoặc sờ mó, xúc chạm chủng loại như thế. Lại, cũng không nên như cận sự nam mà gần gũi nhau. Cho nên, không được gọi là cận sự nam. Tuy nhiên, họ thọ, hộ vệ nơi có học xứ, nên biết rằng, về phước đức, v.v... vẫn bằng nhau, không hề khác nhau, nên biết lúc hình mất, hai hình sinh, cũng không mất giới cận sự.”

Về luật nghi cận trụ cũng có ba duyên xả:

1/ Do từ lúc mặt trời mọc về sau, duyên này chỉ dắt dẫn một thứ căn cơ đầu tiên, không có một pháp chướng ngăn, trở ngại giới. Nếu tâm trông mong được thỏa mãn, giả thiết đã trông mong nhiều ngày, thì nghĩa nào mà không được, nên biết chỉ là do Phật dạy lập ra hóa độ căn cơ đầu tiên.

2/ Do phát khởi tâm không đồng phần.

3/ Xả chúng đồng phần, không có phạm trọng xả, và nghĩa hình, mất, hai hình sinh, như trước đã nói.

Không có đoạn thiện, xả: Loại này có hai thuyết:

1) Về lý, lẽ ra có bốn duyên. Trong đây, khởi tâm bất đồng phần gồm có hai thứ xả:

a) Khởi tâm xả bỏ. Tâm từ bỏ, nghĩa là khởi tưởng không gìn giữ, không đồng với tác pháp hoàn toàn của Bí-sô.

b) Đoạn gốc lành, do giới cận sự không có mặt trời mọc xả, cận trụ thì có, nên hợp cả hai thứ, đều gọi là khởi tâm không đồng phần; ẩn, hiển, ảnh bày ra, cũng không có lỗi lầm, như trước kia đã khởi phương tiện tà kiến, mà cũng chưa đoạn. Ngày nay, thọ giới, tức là vì dứt bỏ điều lành, nên tin, lẽ ra có bốn, mà thuyết này nói là ba.

2) Rằng, chỉ có ba duyên, do thời lượng một ngày, đêm rất gấp rút, nên không cần phải khởi riêng phương tiện dứt bỏ việc lành, nên không có xả này, trước kia đã khởi phương tiện không thể thọ giới, tâm phẩm trung hạ, dù cho thọ không được, tất nhiên, tâm phẩm thượng vì mới phát giới, nên tà kiến của phẩm thượng, mới dứt bỏ điều lành.

Bồ-tát giới quyển 40 chép: “Vì hai duyên nên xả:

1/ Từ bỏ đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

2/ Triền phẩm thượng hiện hành, trái phạm pháp thắng xứ của người khác.

Quyết Trạch Phần quyển 75 có nói: “Lại, nhân duyên xả, lược có bốn duyên:

1/ Quyết định phát khởi tâm không đồng phần, tạo ra ý thôi, bỏ.

2/ Vì đối trước người đàn ông có nhận thức khác, nên ý phát khởi lời nói từ bỏ, phát ngôn đối với xả.

3/ Hủy phạm riêng bốn thứ pháp thắng xứ của người, khởi tội căn bản.

4/ Nếu dùng triền phẩm thượng hủy phạm chung, riêng, thuận theo bốn pháp thắng xứ của người, phạm tội thuận theo. Lại, nói rằng: “Ba thứ giới này, do gìn giữ thuộc về giới luật nghi, khiến chung kia hòa hợp. Nếu ở trong chúng này tinh tấn, hết lòng gìn giữ, thì cũng có thể gìn giữ nơi khác. Nếu ở đây không thể khác, thì tất nhiên cũng không thể. Cho nên, nếu có hủy phạm giới luật nghi, thì gọi là hủy phạm tất cả luật nghi Bồ-tát. Thế nên phạm bốn trọng và trái phạm thuận theo, là mất giới, nghĩa là đều trái phạm luật nghi. Giới luật nghi vì là căn bản, nên, nếu có không xả, thì phải biết rằng, sự sinh khác cũng được chuyển biến theo.

Địa Bồ-tát kia lui sụt tâm Bồ-đề, tức gồm thân Sơ, Nhị trong bốn quyết trạch, triền phẩm thượng phạm, tức gồm thân hai quyết trạch sau,

chỉ vì triền phẩm thượng phạm bốn căn bản và bốn thuận theo, đều mất giới.

Cắt đứt gốc lành của người kia, là thuộc về khởi tâm không đồng phần, cho nên không biện luận. Lại, thối lui sụt tâm Bồ-đề, vì trước kia đã mất giới. Khi dứt trừ gốc lành, lại không nói là xả.”

Quyết Trạch Phần nói rằng: “Giới Bồ-tát này, nếu có người không xả, thì phải biết rằng, sự sinh khác cũng được chuyển biến theo.”

Quyết Trạch quyển 40 chép: “Nếu các Bồ-tát dù chuyển vận thân khắp các thế giới ở mười phương, tồn tại ở chỗ sinh, không xả luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, do Bồ-tát này không xả đại nguyện Bồ-đề, vì cũng không là triền trên hiện hành, phạm, nên dù chuyển vận sự sinh khác, quên mất sự nghĩ nhớ xưa, gặp gỡ bạn lành, lại được giác ngộ niêm giới Bồ-tát, dù thường thọ lại, nhưng chẳng phải mới thọ, cũng chẳng phải mới được, vì tâm nguyện thọ cùng tận vị lai, vì tâm rộng rãi; người khác đều không được, vì tâm nguyện hẹp hòi, nên tạo ra thế giới của tâm rộng, cũng không được. Y cứ ở Bí-sô, cận sự, cận trụ này, đời nay chưa xả, thọ lại cũng được, chẳng phải mới được.”

Quyết Trạch quyển 41 chép: “Nếu triền phẩm thượng phạm pháp Thắng xứ của người, thì sẽ mất luật nghi giới, phát lộ sám hối, diệt, cần phải thọ lại. Pháp phát lộ, như triền phẩm trung phạm. Nếu triền phẩm trung phạm pháp Thắng xứ của người, thì lẽ ra phải đối với ba, hoặc quá số này, đối với nghĩa ngữ biểu năng giác, năng thọ, Bồ-đặc-già-la Tiểu thừa, Đại thừa, phát lộ sám hối, diệt trừ pháp ố tác, cho đến nói rộng.

Nếu triền phẩm hạ phạm Thắng xứ của người, và vì phạm khác, thì nên đối với người có đức trước, phát lộ, chữa bỏ, ăn năn. Nếu không có người có đức này để đối trước phát lộ, thì nên ý tịnh ưa thích khởi tâm tự thệ, ta sẽ quyết định phòng hộ giới, đương lai, không bao giờ phạm lại.

Như thế, đối với phạm, phát ra trở lại, thanh tịnh trở lại; người không phạm bị cuồng loạn, kẻ bị nổi khổ ép ngặt tạo ra trọng tội, không gọi là phạm.

Y cứ vào hai loại: Cận sự, cận trụ phạm giới không xả, nên đối với người có đức có khả năng khai thọ, hoặc tự thệ rằng: “Phát lộ tự thệ, lại xuất tội của cận sự, cận trụ kia, tịnh trở lại giới của họ.”

Bốn thắng xứ của người khác và pháp thuận theo, như mới được dịch trong Di-lặc sở tạo Bồ-tát giới, v.v... đã nói: Vô hình, hai hình, không ngăn cấm thọ giới, vì nhiếp thọ rộng, nên cũng không nói xả.

Y cứ vào các lý lẽ này, giới Bí-sô v.v... trong giới Bồ-tát, qua đời,

hai hình, khi mặt trời mọc v.v... đều không xả. Vì tâm rộng khắp, nếu thọ riêng không được.

Luật nghi tĩnh lự có bốn duyên xả:

1/ Thôi dứt xả. Nghĩa là xuất định kia, khởi tâm của phần khác, vì thuận theo giới tâm.

2/ Không vận hành xả, nghĩa là đổi địa xả. Khi từ địa hạ thượng, sinh lên địa thượng hạ.

3/ Mất dụng xả.

4/ Không bao giờ có xả, nhập Niết-bàn vô dư, tất cả đều xả, không bao giờ thành tựu, lui sụt tĩnh lự, v.v..., lại vì không thành tựu, nên luật nghi vô lậu có năm duyên xả:

1) Thôi dứt xả. Nghĩa là phát ra tâm kia, khởi tâm của phần khác, vì chuyển theo tâm.

2) Tạm thời không có xả. Nghĩa là vì lui sụt, nên xả tuệ giải thoát và thân chứng. Nghĩa là lui sụt hiện pháp lạc trụ, định diệt tận v.v..., lúc sinh ở địa dưới, v.v... chẳng phải lui sụt quả Thánh, khởi các phiền não, hai địa trên, tạm gọi là xả. Nay, thân lại dẫn hiện tiền.

3) Được quả xả: “luận Đối Pháp quyển 14 chép: Đối với các giai vị hiện quán, khi chứng được đạo của phẩm vượt hơn sau, xả đạo phẩm thấp kém đã được xả, như khi chứng được đạo thuộc về quả này, tức xả đạo thuộc về hưởng này, vì không còn hiện tiền.

4/ Luyện căn, xả: Quyết Trạch quyển 57 chép: “Có bao nhiêu Bồ-đặc-già-la có luyện căn?” - Đáp: “Tất cả hữu học và năm vô học lui sụt tứ duy thủ hộ, an trụ chủng tánh kham đạt, chẳng phải các Độc giác, cũng chẳng phải tánh Bồ-tát, vì căn cơ nhạy bén.”

Luận Đối Pháp quyển 14 nói: “Nếu các tánh Bồ-tát là căn cơ nhạy bén, thì làm sao lại khiến tu luyện căn?” Nghĩa là khiến dựa vào căn cơ nhu nhuyễn, nhạy bén, dẫn phát căn cơ nhạy bén. Dựa vào căn cơ nhạy bén, lại dẫn sinh ra căn cơ nhạy bén phẩm thượng.”

Luận kia tự hội ý rằng: “Trước đã nói tánh Bồ-tát là căn cơ nhạy bén mà sau đó lại nói là thường nên tu luyện căn: Do đối với chủng loại của mình, lại có ba phẩm nhuyễn, v.v... Về sau sau, dẫn sinh nhau, gọi là luyện căn. Không như vậy, thì căn cơ nhạy bén lẽ ra chỉ có một phẩm.”

5/ Luận Đối Pháp quyển 57 chép: “Độc giác bất động không luyện căn. Nghĩa là không tiến tu thừa mình, Bồ-tát không luyện căn; không tiến tu thừa người, chẳng phải pháp bất động và Độc giác không tiến đến thừa người khác, cũng chẳng phải Bồ-tát không tiến tu thừa

mình.”

Luận Đối Pháp quyển 57 chép: “Dự lưu luyện căn cũng được Nhất lai. Nhất lai luyện căn không được Bất hoàn đối trị khó được, vì sở đắc rộng lớn nên không còn luyện căn, chỉ tiến đến lìa dục, không được vô học”. Như trước, nên biết vì có năm nghĩa nên phải luyện:

1/ Chút ít điều lành chút ít cũng không có.

2/ Vì dẫn sinh định cao hơn.

3/ Vì trông nhiều năng lực nghe.

4/ Vì trông năng lực nghị luận, quyết trạch.

5/ Vì trông quán sát pháp rất sâu, vì năng lực nhẫn, nên phải luyện căn, nên trừ đắc quả, cũng có luyện căn, xả đạo cộng giới.

Năm duyên nhập Niết-bàn vô dư, tất cả bỏ hẳn ba phẩm hạ xả bỏ hạt giống không còn thành tựu. Mặc dù biết bốn duyên, nói là tĩnh lự xả, dù lại năm duyên nói vô lậu xả. Loại chung một duyên, nghĩa là khởi tất cả tâm khác đều xả, vì tư duy hiện hành là vô biểu, nên đã nói xả ở trong phương tiện của các duyên.

Nay, nói vì chủng loại ở hiện nối tiếp sinh, nên nói vì bốn duyên, năm duyên nên xả. Giới bất luật nghi dù không có văn thích đáng, nhưng do bốn duyên xả:

1/ Thệ nguyện xả: Ở chỗ Phật, v.v... tự đón rước, mong cầu, không bao giờ làm nữa, như xả luật nghi, vì xả tư duy kia.

2/ Thọ giới, xả: Nếu thọ giới xuất gia và giới cận sự, tất cả xả hẳn. Nếu thọ giới cận trụ, tạo ra tư tưởng xả hẳn, cũng lại xả hẳn. Nếu thế của tâm xả vượt hơn sáng sớm, xả giới cận trụ xong, lại nối tiếp nhau, vì tư duy điều ác kia không xả hẳn.

3/ Được định xả: Giới đạo các định, vì tánh trái với ác.

4/ Qua đời xả: Vì mời đón, trông mong dứt.

Có thuyết nói: “Thân mất, hai hình sinh cũng xả, vì đối tượng nương tựa biến đổi.”

Có thuyết nói không đúng, thừa nhận hai thứ luật nghi không xả này, thọ được luật nghi, hưởng chi bất luật nghi ý chỉ ưa thích việc ác; vì đồ đựng đạo của họ cũng vậy, nên không có xả này.”

Luận Đối Pháp quyển 53 chép: “Phải biết rằng, người này, cho đến suy nghĩ bất luật nghi chưa xả trở lại, thường được gọi là bất luật nghi, nghĩa là ở phần vị người này, tư duy bất thiện của người kia, vì chứa nhóm rộng, nên nghiệp bất thiện của họ có nhiều hiện hành. Phải biết rằng, vì chẳng phải phước nhậm vận thêm lớn, nên biết bốn xả như trước là tốt.”

Có thuyết nói: “Không có thế nguyện xả, như người bệnh không uống thuốc, nên về sau cùng khó lành; nên quan trọng ở thọ giới được định, qua đời.”

- Cách giải thích này cũng không hợp lý, vì suy nghĩ xả kia, như vì xả luật nghi, nên thuyết trước là tốt.

Vô biểu trong xứ nếu lập hữu Vô biểu này không có chánh văn.

Luận Câu-xá quyển 15 chép “Vì sáu duyên nên xả:

1/ Vì tâm thọ đoạn hoại nên xả: Xả giới đã thọ, có cảm nghĩ rằng: “Kể từ giờ phút này, ta bỏ giới đã thọ trước đây.”

2/ Thế lực đoạn hoại. Nghĩa là do tịnh tín, nên thế lực phiền não, bị hạn chế, đoạn hoại, v.v... như mũi tên đã buông ra, thế lực của bánh xe quay của thợ gốm đã hết, ấy là đoạn.

3/ Tác nghiệp đoạn hoại: Như giới đã thọ, về sau, không còn tạo tác.

4/ Sự vật đoạn hoại: Đối tượng xả thí, bốn sự, các đồ lặt vặt, việc lười sẵn thờ, v.v...

5/ Mạng sống lâu đoạn hoại: Vì đối tượng y chỉ có chuyển đổi.

6/ Gốc lành đoạn hoại. Nghĩa là thời điểm khởi gia hạnh cắt đứt gốc lành, ấy là xả thiện căn đã dẫn vô biểu. Biểu của mười nghiệp đạo lành với loại chi vô biểu dù khác, nhưng phần nhiều nói là đồng với giới cận sự. Nhưng trong xả thêm kỳ hạn đã mãn; hoặc một ngày, đêm v.v..., thời phần dài, ngắn, vì giới hạn trông mong đã mãn, nên tức là từ bỏ.

- **Thứ sáu, y cứ vào địa “có” “không”**: Nghĩa là biểu luật nghi thân và ngữ thiện, chỉ có ở hai cõi Dục, sắc. Vì sơ định cõi Dục có tâm, từ, nên có thể phát ra biểu thân, ngữ; ý biểu chung cho ba cõi, nghĩa là: “Thân biểu chung cho ba định của địa trên, vì tâm, từ chẳng phải là nhân của thân, vì hai hơi thở ra vào là nhân của thân, nên nghiệp chung cho Tứ thiên, sao không thừa nhận có. Biểu thân, ngữ vô lậu kia, hoặc chung cho bốn định. Nếu không như vậy, thì tổ ngộ ngay Bát địa trở lên, Bồ-tát và Phật chỉ ở định thứ tư, nên không có thân, ngữ thiện, như tử thức thiết thức hữu lậu, ở địa trên không có. Vô lậu thì nói có, nghiệp thân, ngữ lẽ ra như thế. Hai biểu bất thiện chỉ có ở cõi Dục. Thân, ngữ biểu thiện trong xứ, chung ở hai cõi. Biểu của ý địa chung cho Cửu địa. Vô biểu, giải thoát riêng trong luật nghi vô biểu, có thể dựa vào hai cõi Dục, Sắc, dựa vào thân mà được. Đã thừa nhận cõi Sắc hồi hương Đại thừa.”

- “Vì sao Đức Thế Tôn không có giới biệt giải thoát?”

- “Giới biệt giải thoát này, nếu lúc còn là Bồ-tát, thì dù lại dựa vào biệt giải thoát kia, nhưng nhất định là vô lậu; dựa vào thân cõi Sắc. Y cứ vào thân cõi Sắc này không có biệt giải thoát hữu lậu này. Phật Lô-xá-na hóa độ mười tám Phạm thiên, v.v... đều có thể hiểu ngôn ngữ, đều thọ trì giới Bồ-tát, cũng được biệt giải thoát; không được thọ riêng giới biệt giải thoát, thọ riêng biệt giải thoát, chỉ trừ các bậc Thánh.

Cõi trên dựa vào thân, tâm, chẳng phải chán nản tội độ, do đó mà không được, đã thừa nhận quý, súc, được giới biệt giải thoát. Các tầng trời cõi Sắc thừa nhận đối với lý đâu có trái?

- Đã thừa nhận các tầng trời cõi Dục có trụ phạm hạnh, cũng có các tầng trời cõi Dục được giới biệt giải thoát; súc sinh, ngạ quỷ, đều được thọ năm giới, tám giới, nhưng chẳng phải tánh của chúng, như Phiến-đế, Bán-trạch-ca, nên có biệt giải thoát, chẳng phải giới Bồ-tát, địa ngục, không có, do được giới biệt giải thoát, giới Bồ-tát vượt hơn, có thể gồm thâu giới biệt giải thoát kia; hoặc giới Bồ-tát kia cũng được năm giới. Tám giới, v.v... Bồ-tát Địa Tạng bằng với sự thọ giới của người kia.

Du-già chỉ ngăn chặn ý ưa thích và đều có hình gây tổn hại cho việc thọ giới cận sự, vì không chướng ngại súc sinh, v.v... Do đây, cũng chứng tỏ trời Dục, trời Sắc, được năm giới, tám giới. Về lý không trái, nhưng chẳng phải giới xuất gia hữu lậu, về mặt lý, không trái. Luật nghi tính lự chung cho chín địa cõi Sắc, tám địa Vô Sắc, chỉ Vị chí đầu tiên lia dục cõi Dục, hoặc phần ít; hoặc toàn phần là đối trị đoạn, tổn hoại, hàng phục, vì phát khởi hạt giống phiền não phạm giới, nên đạo giải thoát thứ chín nhập sơ định căn bản, có thể là trì đối trị.

Như lên, đều là đối trị phần xa, luận Du-già quyển chín chép: “Nghiệp thuộc về luật nghi, hoặc là quả Đẳng chí tính lự, thuộc về luật nghi đoạn. Đẳng chí là định của bốn Vô sắc. Không như vậy, thì sắc tính lự chắc chắn đã khắp, đâu cần quả đẳng chí. Đoạn, tức là hai luật nghi này dứt trừ việc phạm giới, vì chẳng nhất định sinh quả, nên Đối Pháp quyển 8 và luận Du-già quyển 53 chỉ nói bốn tính lự, còn không nói bốn Đẳng chí, hướng chi là Vô Sắc.”

Đối Pháp quyển tám hội ý rằng: “Vì sắc thô của cõi Vô Sắc không có; lược kiến lập luật nghi giới của cõi Sắc. Do đây, nên biết được Vô Sắc cũng có luật nghi tính lự. Luật nghi này chỉ đối tượng ngăn ngừa giả gọi là sắc, cần gì phải nhờ có thân, đối tượng nương tựa, nên dùng căn bản, kể cả trung gian phương tiện, đều có công năng ngăn ngừa việc phạm giới của cõi Dục, không bị mất giới. Pháp nhĩ tính lự đều là công

năng chế phục sự sai quấy, chẳng phải chỉ ở cõi Sắc có luật nghi này. Do đây, không đồng với nghĩa Tát-bà-đa; luật nghi vô lậu chung cho mười địa: Sắc có sáu; Vô Sắc có bốn. Vì có đạo vô lậu, nên nếu kiến đạo đối trị đoạn thì tinh lự trung gian của năm địa sở chấp sẽ không có kiến đạo; địa khác đều giữ gìn phần xa. Nếu tu đạo đối trị đoạn; Có nghĩa nói: “Chỉ sáu địa cõi Sắc có đối trị đoạn đối với cõi Dục, chẳng phải địa Vô Sắc, địa Vô Sắc xa, vì không dứt trừ lỗi quấy của cõi Dục, nên chỉ tánh của phần xa”.

Có nghĩa: “Đối trị của tu đạo, cũng chung cho ba Vô sắc ở dưới, thừa nhận vượt hơn quả đầu tiên, nhận lấy quả thứ tư.”

- “Sao bỏ dở nương tựa vị chí kia?”

- “Mặc dù biết văn luận dẫn chỉ đầu mỗi phân biệt, về mặt lý, dựa vào Vị Chí đầu tiên được quả thứ tư. Vả lại, y cứ vào phần nhiều, vì công năng quyết định; vì không y cứ chấp nhận có, nên cũng không có sai.”

Địa phi tưởng: Chỉ cho phần xa, chẳng phải nghĩa đoạn, sinh ra thân ba cõi tất cả chấp nhận khởi.

Vô biểu bất luật nghi kia, chỉ y cứ vào địa thân cõi Dục bị hệ thuộc, chỉ là bất thiện. Người của ba thiên hạ chẳng có ở châu phía Bắc. Sáu tầng trời cõi dục, quỷ, súc, tất cả cũng không có. Không có ý ác, vì ưa nuôi nấng mạng sống, nên trời và cõi ác, có thể có ý thiện vì ưa gìn giữ cấm giới, nên tâm ác không vượt hơn; vì tâm thiện vượt hơn, nên trong xứ tức chung cho ba cõi dựa vào thân và khởi sắc của thân, ngữ: Nghĩa là hai địa cõi Dục, Sắc mới có.

Ý biểu, v.v... và người vô lậu, chung cho ba cõi dựa vào thân, các địa trên đều có, ngoại trừ luật nghi thiện, vì đều ở trong xứ.

- **Thứ bảy, là sở tạo của đại nào?** Y cứ vào luận Hiển Dương rằng: “Sắc luật nghi dựa vào pháp không hiện hành để lập ra tánh sắc; sắc bất luật nghi y cứ pháp hồi hướng, nhằm lập ra tánh sắc.”

Ý này nói một cách tổng quát, luật nghi biểu và vô biểu, đều y cứ vào đối tượng ngăn ngừa thân, ngữ để giả gọi là sắc, tức biểu thị rõ biệt giải thoát của ba cõi, nhất định sắc, v.v... vô lậu giới, đều là chủ thể tạo; đối tượng đề phòng thân, ngữ tạo ác do bốn đại tạo ra cõi Dục. Vô biểu vô lậu của thân Phật, chung với định Vô Sắc, cũng do bốn đại tạo cõi Dục trong quá khứ, đã giả sơ xa gọi là sắc; cũng giả sơ xa gọi là tạo, nên không do đối tượng phát ra gọi là sắc, cũng không vì gọi là tạo, vì không nhất định, nên chưa hẳn có thân, ngữ, phát ra.

Về nghĩa của hai biểu thân, ngữ của người kia cũng chung cho đối tượng phát ra, gọi là sắc, tức sắc phát ra do đại chủng tạo. Thế nên Duy Thức chép: Sắc này hoặc dựa vào phát ra thân, ngữ vượt hơn, tư duy hạt giống thiện, ác, thêm lớn giai vị để lập. Dù biết tán vô biểu hiện hành, nhưng cũng phát ra thân, ngữ.”

Hiển Dương phân biệt định, đạo vì không do đối tượng phát gọi là Sắc, nên không trái nhau. Lại, sắc kia chỉ y cứ vào luật nghi; đại tạo này chung cho luật nghi, bất luật nghi. Lại, luật nghi kia quyết định đối tượng tạo.

Thuyết này nói không nhất định, vì cũng có thân, ngữ, đối thay phát ra, nên gọi là “sắc”, gọi là “tạo”. Sắc kia chỉ có vô biểu, tạo này chung cho biểu, vô biểu. Sắc kia y chỉ tất cả luật nghi, đại tạo này chỉ có biệt giải thoát và bất luật nghi, vì bất luật nghi kia chắc chắn hữu biểu nên từ đối tượng phát ra hiện hành, giả gọi là “Sắc”, giả gọi “Đại tạo”. Ý của vị tiên kia ngữ vực giết người một nước, Tiểu thừa tất nhiên hữu biểu, vì quý thần biết tướng thân, ngữ của vị tiên, cho nên giết. Đại thừa chỉ nghiệp ý biểu, phát ra vô biểu sát sinh.”

- “Thế nào gọi là đối tượng phát ra gọi “sắc”, gọi là “tạo”? Nếu không như vậy, thì Nhị thập Duy thức chép: “Ý trị phạt là tội lớn. Việc này làm sao thành?”

- “Nghĩa này trái nhau, nay sẽ giải thích:

Dù không dùng thân nghiệp, nhưng cũng có công dụng của chủ thể sát, vì đây là sắc, nên cũng có sắc, đối tượng phát ra; hoặc ý luận kia do ý nghiệp trước dẫn dắt tội lớn thành, chẳng phải thực hành sát, mà không có biểu thân, ngữ, vì động thân phát ngữ, tất nhiên có tướng, nên cách giải thích trước là tốt, vì thuận với văn luận. Lại, vì ý vị tiên ngữ vực sát chẳng phải bất luật nghi, nên không có thân, ngữ, cũng không đối nhau. Vô biểu trong xứ tùy thuộc vào việc thiện, ác kia, được y cứ vào hai thuyết này.”

- Thứ tám, lẽ ra thành khác nhau, trong đó có hai:

1/ Được thành do tư cách.

2/ Được thành do thầy.

Trước, nói về tư cách. Du-già quyển 53 chép: Hỏi: “Luật nghi Bí-sô có bao nhiêu nhân duyên, dù ưa thích thọ giới cũng không nên truyền trao?” - Đáp: “Lược có sáu nhân, không nên truyền trao”. Năm chúng xuất gia đều nằm trong đó:

1/ Ý ưa tổn hại.

- 2/ Y chỉ tổn hại.
- 3/ Hình nam tổn hại.
- 4/ Bạch pháp tổn hại.
- 5/ Lệ thuộc người khác.
- 6/ Vì che chở người khác.

Nếu có người bị nhà vua ghi ép ngặt, hoặc bị giặc ép ngặt, hoặc bị chủ nợ ép ngặt, hoặc bị sợ hãi ép ngặt; hoặc sợ không sống sót. Người kia nghĩ thế này: “Ta ở nhà, khó có thể sống còn, là mạng sống của các Bí-sô rất dễ. Nay, ta nên đến trong chúng Bí-sô, đối diện thân mình đồng pháp với chúng Bí-sô kia, để có sự sống tương đối. Người kia do ý lừa dối như vậy, nịnh hót, nên đã xuất gia rồi, dù ôm lòng sợ hãi, giữ gìn, vâng làm, thuận theo một học xứ.

Chớ cho rằng, các Bí-sô đồng với ta, chỉ biết ta phạm giới, sẽ bị xua đuổi. Nhưng ý người kia vì ưa bị tổn hại, nên không gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Như thế, gọi là ý ưa thích tổn hại. Nếu có người nghĩ như vậy: “Ta ở tại gia khó có thể sống được, cần phải xuất gia, mới được cứu giúp tồn tại, như phạm hạnh mà các Bí-sô đã tu, ta cũng như thế, cho đến qua đời, thường tu phạm hạnh.

Người xuất gia như thế, không gọi ý ưa thích tổn hại. Dù không phải thanh tịnh thuần túy, chẳng phải không gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.”

Y chỉ tổn hại: Nếu có thân cưu mang các chứng bệnh ung thư, nề sủng, hủi trắng, điên cuồng, đường đại, tiểu tiện hợp một v.v..., như bệnh trạng đã nói trong pháp chướng ngại.

Như thế, gọi là y chỉ tổn hại.

Do người kia không có năng lực như thế, nên đã thọ sự nghiệp chung của người đồng phạm hạnh của sư trưởng và thọ vật thí của tín tịnh, y phục, uống ăn của thí chủ thuần tín. Đối tượng thí, tín tịnh của hai thứ này, của thí chủ kia rất khó tiêu, không nên thọ dụng, vì khiến các pháp lành lui, giảm, cho nên, y chỉ bị tổn hại, không nên xuất gia thọ giới cụ túc.

Về hình nam tổn hại: Nếu Phiến-đề-ca và Bán-trạch-ca, gọi là tổn hại hình nam. Lại, Bán-trạch-ca lược có ba hạng:

- 1/ Bán-trạch-ca toàn phần.
- 2/ Bán-trạch-ca một phần.
- 3/ Bán-trạch-ca tổn hại.

Nếu có sinh, ấy là không thành nam căn, đó gọi là Bán-trạch-ca

toàn phần. Nếu có thể dụng khởi nam trong nửa tháng; hoặc bị người khác làm đối với mình; hoặc lại thấy hành vi của người khác, chẳng phải thể nam của phạm hạnh mới khởi, đó gọi là Bán-trạch-ca một phần.

Nếu bị tổn hại bởi dao, v.v...; hoặc bị thuốc bệnh, hoặc bị lửa, chú thuật, v.v... gây tổn hại, thì trước kia đã được nam căn, nay đang bị đoạn hoại. Đã đoạn hoại rồi, mà thể nam không thay đổi, đó gọi là Bán-trạch-ca tổn hại.

Bán-trạch-ca ban đầu, gọi là Bán-trạch-ca, cũng gọi là Phiến-đề-ca.

Thứ hai, chỉ cho Bán-trạch-ca chẳng phải Phiến-đề-ca.

Thứ ba, nếu không bị người khác làm lỗi đối với mình, thì chỉ là Phiến-đề-ca, chẳng phải Bán-trạch-ca.

Nếu có bị người khác làm lỗi đối với mình, thì gọi là Bán-trạch-ca, cũng gọi là Phiến-đề-ca.

4/ Tổn hại bạch pháp: Nếu tạp nghiệp Vô gián, gây ô nhiễm Bí-sô-ni, cư trú chỗ giặc, ngoại đạo; hoặc ở riêng khác; hoặc không ở chung, đây gọi là tổn hại bạch pháp, không nên thọ giới Cụ túc. Vì sao? Vì người kia đã do pháp rất cấu nhiễm không có hổ thẹn của phẩm thượng, khiến cho sự hổ thẹn, v.v... tất cả bạch pháp cực thành yếu kém, mỏng manh.

5/ Hệ thuộc người khác: Nếu các vua, quan, hoặc bị vua ghét; hoặc có gây ra các nghiệp vua không thích. Hoặc bị chủ nợ bắt giữ; hoặc là tội tử nô lệ của người khác; hoặc người khác cưỡng dẫn đi; hoặc là sở đắc của người khác; hoặc có tranh cãi, kiện tụng; hoặc không được cha mẹ cho phép, đây gọi là hệ thuộc người khác, không nên trao cho giới Cụ túc.

6/ Tùy thuộc thủ hộ tâm người khác: Nếu là người biến hóa, vì giữ gìn tâm người khác, thành ra không nên trao cho giới Cụ túc. Vì sao? Vì hoặc có rồng, v.v... vì thọ pháp nên tự hóa thân mình thành tướng Bí-sô, để xin thọ giới Cụ túc.

Nếu vì người kia thọ giới Cụ túc: Nghĩa là khi người kia ngủ nghỉ, ấy lại là hình gốc. Đã ngủ, thức, đã tạo ra tượng Bí-sô, Bí-sô của tướng giả kia. Hoặc kẻ giữ vườn; hoặc cận sự nam, vâng theo như thế, đi qua các cõi, thấy thân hình kia biến hóa như thế, ấy là đã khởi tâm ganh ghét đối với tất cả Bí-sô chân thật, các Bí-sô đều không phải loài người, thì đâu thể kính trọng, thờ phụng, thí cho họ áo, cơm.

Chớ kiến cho người khác có ác kiến này, cho nên, vì thuận theo

giữ gìn tâm người, không nên truyền giới Cụ túc cho họ. Giới cận sự kia, vì có hai nhân nên không được thọ:

1/ Vì ý ưa tổn hại.

2/ Vì tổn hại thân nam.

Nếu ý ưa tổn hại: Phải biết tất cả không nên truyền cho họ, nếu tổn hại thân nam: Hoặc có vì thọ, nhưng không được nói gọi cận sự nam, không nói nhân duyên trước đây đã giải thích đủ. Nếu là giới cận trụ, thì phải biết rằng, chỉ do ý ưa tổn hại, không nên truyền trao. Vì sao? Hoặc có trường hợp vì tùy thuộc người khác mà chuyển; hoặc có người vì được lợi, cung kính, giả dối gọi là muốn thọ luật nghi cận trụ. Nhưng người kia thật sự không có cầu thọ ý ưa thích, phải biết đây gọi là ý ưa tổn hại.

Nếu không có thuyết đã nói như trên, thì không nên thọ nhân duyên, mà nên thọ luật nghi đã thọ như trước.

Thứ hai, là minh sư. Lại, trừ thiếu kém Yết-ma, chủ thể tạo tác, A-già-lợi-da, Ổ-ba-đà-da, trụ giới thanh tịnh, chúng tăng tròn đầy.

Đạo định được duyên: Trong kinh nói: “Thi-la không thanh tịnh, thì Tam-muội không hiện tiền. Do đây nên biết, phải giữ tịnh giới, nhờ giữ giới, nên không có ăn năn, vì không có ăn năn, nên tâm yên, vì tâm yên, nên được thanh tịnh, vì được thanh tịnh, nên khởi Thánh đạo; vì khởi Thánh đạo, nên y cứ vào tư duy đều cùng một lúc, để lập giới đạo định.”

- Hỏi: “Bất luật nghi, luật nghi không có duyên riêng hay sao?”

- Đáp: “Vì không có hổ thẹn, nên phạm rộng các giới, vì gây ra các nghiệp ác, nên gọi bất luật nghi, lại không có duyên riêng.”

- **Thứ chín, là trước được, sau xả:** luận Du-già quyển 100 chép: “Bí-sô chuyển thành, ni chuyển thành Bí-sô, thì lại được giới, không cần thọ giới lại, cho đến giới Sa-di, Sa-di-ni v.v... Thức-xoa-ma, là người nam tức là Sa-di, không cần thọ lại.

Sa-di chuyển thành con gái, lại phải thọ sáu pháp. Sáu pháp: tức ở trước lại thêm một. Nếu biết giải thoát thọ dần, thọ ngay, bắt đầu từ năm giới, thứ lớp thọ giới Bí-sô.

Nếu khi từ năm giới lại thọ mười giới, thì chỉ thêm duyên của người kia, khiến cho giới thêm sáng suốt, lại không phát riêng thể của giới, chỉ dựa vào một trong ba ngữ của thân cũ, chỉ thêm giới ngăn cấm kia, cho đến mười giới. Thọ giới đại Bí-sô, chỉ thân ngữ có ba, không được riêng bốn chi trước. Nếu nói theo chiều dọc (thời gian), thì nhất

định sẽ thọ dần được, không phải tức khắc. Nếu nói theo chiều ngang (không gian), thì ngay tức khắc, không phải dần dần, vì bốn chi, bảy chi đều được ngay. Nếu khi xả, thì cũng có tức khắc. Nếu khi xả, thì cũng có tức khắc, dần dần. Nếu Ổ-ba-sách-ca, cũng có hai thọ là dần dần, và tức khắc, như Đối Pháp chép: “Có phần ít, phần nhiều, toàn phần Ưu-bà-tắc.”

- “Người xả giới kia, lại, như một giới với sáu pháp giới. Về sau, khi xả sáu pháp là chỉ xả sáu pháp bốn chi, hay cũng xả bốn chi trong mười giới? Lại năm trăm giới của ni, về sau khi xả, là chỉ xả ba chi, bốn chi, hay cả bảy chi đều xả?”

- Giải thích rằng: “Khi sáu pháp xả, là đã xả mười bốn chi, vì tự thể không có riêng, lúc ni xả bảy chi có hai cách giải thích:

- 1) Xả ba, không xả bốn, vì chẳng khác với bốn chi trước.
- 2) Xả chung bảy chi, vì khi thọ riêng.”

- Thứ mười là phân biệt hỏi đáp:

- Hỏi: “Hai giới định đạo tùy tâm, pháp có công năng chiêu cảm dị thực không? Nếu có thể cảm thì đây là hiện hành, làm sao chiêu cảm dị thực được? Nếu lấy hạt giống, thì chẳng phải thuận theo tâm giới phải không?”

- Giải thích rằng: “Công năng chiêu cảm quả dị thực, hiện hành không thể chiêu cảm, hạt giống có công năng chiêu cảm, do đây, loại nhà định đạo, cũng gọi chuyển theo tâm.”

- “Ý vị tiên có ngờ vực vô biểu có sinh hay không? Nếu sinh, thì bắt đầu không có thân, ngữ, làm sao nói sinh?; Nếu không sinh thì chẳng lẽ có vô biểu không dựa vào biểu sinh ư?”

- Giải thích: “Có hai:

1/ Rằng: Ngay trong lúc đó, cũng có nghiệp biểu, đến khi môi miệng mấp máy, thì quý thần, v.v... sẽ biết ngay ý của vị tiên, trời mưa đá.

2/ Rằng: “Không đúng, vả lại như phá tăng là tội nặng trong nghiệp năm tội nghịch. Tà kiến trong năm kiến là trọng; ý nghiệp trong ba nghiệp trị phạt là trọng. Nếu như trước nói, tức thân nghiệp này là trọng, chỉ do năng lực phước đức của vị tiên, nên khiến cho các quý, v.v... chiết phục sự hận thù của người kia.”

“Nếu như thế, thì bắt đầu đã không có sắc thân, ngữ đâu được phát vô biểu ư?”

- Giải thích rằng: “Cũng có sắc đã phát, các sắc trời: như mưa đá,

v.v...”

- Hỏi: “Vì sao trước giới Bí-sô, chỉ lập cần sách một? Trước giới ni tức chánh học và cần sách nữ hai?”

- Đáp: “Vì người nữ kia phần nhiều có phiền não, thọ giới Cần Sách xong, lại thọ chánh học. Hai năm đào luyện thân tâm, trong đó, trụ trì thọ vui, sau đó, có thể thọ năm trăm giới.”

- Hỏi: “Vì sao trong giới cần sách nói lìa bỏ và không cầm giữ vàng, bạc sinh tượng; còn giới cận trụ v.v... sao không như vậy?”

- Đáp: “Người xuất gia đối với hai thứ xứ rất chẳng phải tịnh diệu:

1/ Rơi vào thú vui tham dục, ưa đùa giỡn, trang sức thân.

2/ Chứa nhiều của báu, là đoạn đầu tiên vì phi tịnh diệu, nên thọ xa lìa ca múa, trỗi nhạc và ăn phi thời là đoạn thứ hai, vì phi tịnh diệu.

Thọ xa lìa, cầm nhận vàng bạc. Do vàng bạc kia là căn bản quý nhất trong các chất báu.”

- Hỏi: “Vì sao trong giới cần sách, ca múa, hát xướng, dùng dầu thơm thoa mình, thì khai làm hai; còn trong giới cận trụ lại hợp thành một?”

- Đáp: “Ở người tại gia, chẳng phải là quá nặng; đối với người xuất gia, rất sinh chê bai; vì chấm dứt sự chê bai, nhờ vậy đó, nên chia làm hai.”

- Hỏi: “Thọ chung giới Bồ-tát, là gồm thâu tất cả giới. Giới đạo định kia cũng ở trong đó. Nếu Bồ-tát khởi tâm tham thì làm sao được gọi là giới chuyển theo tâm?”

- Đáp: “Vì có hạt giống trong thân, lại vì có thể thành, nên cũng được nói thọ chung gọi là giới chuyển theo tâm.”

- Hỏi: “Vả lại, như phá giới trong nhân, thời gian sau, lại có chiêu cảm quả dị thực hay không? Nếu nói có chiêu cảm sau khi phá giới xong, thì làm sao có thể chiêu cảm?; còn nếu không chiêu cảm thì làm sao nói được: “Vì giữ giới, nên có được sinh lên trời hay không?”

- Đáp: “Cũng nói người phạm giới không gây tổn hại thể của hạt giống, mà chỉ làm hao hụt công năng, lại không gấp bội mà có thêm năng lực ngăn ngừa sự sai quấy, nên gọi là phạm, chẳng phải không có công năng hạt giống khi xưa còn tồn tại, nên vẫn có thể chiêu cảm dị thực.”

- Hỏi: “Trong ý đã có luật nghi thiện, ác, là đều phát vô biểu hay không?”

- Đáp: “Có hai cách giải thích:

1/ Rằng: “Trong thiện có vô biểu, vì Bồ-tát phát tâm cực kỳ rộng lớn, nên điều ác không có tự thể.”

2/ Rằng: “Ác cũng có vô biểu. Vả lại, như ý người trước hoài nghi giết chúng sinh ba nước, thì thật là nặng.”

- Hỏi: “Đã nói dựa vào biểu của thân, gọi là thân biểu, lại, như người biến hóa khi phát nghiệp thân biểu, đã không có thân thật, thì sao gọi là nghiệp thân biểu?”

- Đáp: “Biểu hiện là thân giả, về lý đâu có ngăn ngại.”

- Hỏi: “Định cộng giới, v.v... đã là hiện hành, sát-na liền diệt, là có thể chiêu cảm hay không? Nếu không thể cảm, thì đâu được nói định cộng giới hữu lậu chiêu cảm dị thực?”

- Đáp: “Nhận lấy hạt giống năng cảm.”

- “Nếu vậy, thì sao gọi là giới tùy tâm?”

- Đáp: “Vì là chủng loại kia.”

- Hỏi: “Bồ-tát Địa chép: “Giới mà bảy chúng đã thọ là luật nghi Bồ-tát, giới xuất gia. Vì sao Bồ-tát hai hình sinh? Và khi xả chúng đồng phần, cũng tức không xả đồng với Thanh văn ư?”

- Đáp: “Bồ-tát thọ giới, tâm Bồ-tát rộng lớn bao la, vì năng lực tăng thượng mạnh mẽ, nhạy bén, nên hai hình sinh và khi qua đời, chắc chắn không xả, vì hay thuận theo loại mà hóa độ chúng sinh. Nếu người thọ riêng, thì xả. Người thọ chung, nghĩa ấy không hợp.”

- Hỏi: “Ý vị tiên ngữ vực, chỉ là ý nghiệp, vì sao có chỗ nói rằng, vị tiên nhích môi, miệng, thân, đó gọi là thân ngữ biểu phải không?”

- Đáp: “Đây là nghĩa Tiểu thừa, chẳng phải Đại thừa, vì Đại thừa chỉ do tâm, nên khiến quý v.v... mưa đá. Vô biểu sắc này cũng được gọi là không từ biểu sinh.”

- Hỏi: “Nhưng thể của mười nghiệp đạo là luống dối, y cứ đối tượng phát kia để ngăn ngừa, tức giả gọi là sắc. Đại thừa không có thân, ngữ, chỉ là đối tượng ngăn ngừa, đối tượng phát của một tư, chỉ hoàn toàn là ý, làm sao nói được?”

- “Y cứ vào mưa đá trong hư không kia mà gọi là sắc vô biểu. Y cứ vào bốn châu, sáu cõi, chín địa của ba cõi mà ý biểu khác nhau trong biểu chung cho ba cõi. Thân ngữ chung cho cõi Sắc. Nếu y cứ vào sắc do định sinh và biểu sắc thân, ngữ của Thanh văn tuệ rộng, cũng chung cho Vô Sắc. Nếu y cứ vào quả nghiệp và chỉ cho phàm phu, như trước đã phân biệt vô biểu, so sánh nên biết.

Phân biệt chín địa: Ý biểu chung cho chín địa, ngữ biểu chỉ cho sơ thiên, thân biểu chung cho năm địa. Nếu y cứ vào Phật và Bồ-tát, thì

hai biểu thân, ngữ đều chung cho năm địa, đạo định đều cùng có chung cho tư duy chín địa của ba cõi.

Nói sáu cõi. Nghĩa là biệt giải thoát chỉ cõi người. Giới Bồ-tát chung cho sáu cõi; năm giới, tám giới dù được chung, nhưng không thành tánh giới. Đạo định chỉ cho hai cõi người, trời, vì có sự nhân rồi khác, nên biểu, vô biểu, so sánh mà biết. Biệt giải thoát của bốn châu, năm giới, tám giới ở thiên hạ. Bồ-tát chung cho bốn châu, biểu, vô biểu so sánh mà biết. Đạo, định cũng ở ba thiên hạ.”

- Hỏi: “Định và tánh vô lậu có công năng ngăn chặn việc ác, sao không lấy định và tuệ vô lậu làm thể của vô biểu?”

- Đáp: “Nếu được định và tâm vô lậu thì đều có tương ứng với tư. Cả hai đều dứt bỏ điều ác, vì tư là thể của nghiệp, chỉ dựa vào tư duy?”

- Hỏi: “Như các Như Lai đã đủ biệt giải thoát trong giai vị nhân ở trước, làm sao đã thành Phật rồi, mà nói là tự nhiên được giới ư?”

- Đáp: “Có hai cách giải thích:

1/ “Y cứ vào tướng hóa độ của môn tùy chuyển, mà nói, về lý, thật sự biệt giải thoát của Như Lai đã thành từ quá khứ lâu xa.”

2/ “Được trội hơn, bỏ thua kém, giới trội hơn đã thành, vì không từ sư v.v..., nên nói tự nhiên được, cũng không trái lý.”

- Hỏi: “Như tâm lành gia hạnh thọ được giới, về sau, cắt đứt gốc lành, thì sẽ xả vào lúc nào?”

- Đáp: “Có hai cách giải thích:

1/ Xả đồng thời với tâm lành gia hạnh, vì được, và xả trái nhau, nên không trái lý.

2/ Dù cho tà kiến cắt đứt điều lành gia hạnh, nhưng bấy giờ, chỉ khiến giới yếu dần, do đây chưa gọi là xả, mà xả đồng thời với sinh đắc thiện, vì thuận theo gốc lành cuối cùng mới gọi là xả.”

- Cách giải thích trước, có phần vượt hơn.

ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG QUYỂN 3 (HẾT)